

Lá Thư Tòa Soạn



Cùng quý độc giả thân mến,
Quý vị đang cầm trên tay tờ Đặc San Phước Huệ số báo đặc biệt Vu Lan - Báo hiếu 2011.

Vu Lan - rằm tháng bảy âm lịch hằng năm là mốc thời gian gợi nhắc chúng ta nhớ về cội nguồn. Dù có niềm tin tôn giáo hay không, đó vẫn là khoảng thời gian thiêng liêng mà mọi người luôn hướng tâm về các đấng sanh thành để lo báo đáp thâm ân và tu tạo nhiều phước đức. Bởi làm người không ai lại không có nguồn gốc cha mẹ tổ tiên ông bà. Sự hiện hữu của con người là kết tinh mang trong mình hai dòng máu: huyết thống và tâm linh. Hướng về tổ tiên ông bà cũng chính là hướng về sự sống của chính mình.

Đối với người Phật tử, Vu Lan không chỉ mang ý nghĩa báo hiếu với ông bà cha mẹ không thôi, mà nó còn thức nhắc mỗi người chúng ta phải hướng sâu về đời sống tâm linh, một đời sống lấy đạo đức nhân bản làm cội gốc để từ đó tiến đến xây dựng đời sống hạnh phúc cho bản thân, gia đình và xã hội.

Hiện trạng xã hội ngày nay có quá nhiều biến động tang thương. Nền tảng hạnh phúc mái ấm gia đình đã bị lung lay đến tận gốc rễ. Con người như đã đánh mất đi nguồn gốc nhân bản hiếu đạo. Tỷ lệ ly hôn, bạo hành ngược đãi trong gia đình của cộng đồng người Việt chúng ta ngày càng gia tăng khốc liệt. Những tình trạng gây ra mâu thuẫn xung đột, bất hòa, bạo hành giữa cha mẹ và con cái đã làm đảo lộn nếp sống gia đình. Những tệ nạn phạm pháp gây xáo trộn bất an cho xã hội ngày càng nhiều, nhất là đối với giới trẻ ngày nay, phải nói chúng đã mất đi niềm tin ở nơi các bậc cha mẹ và mái ấm hạnh phúc gia đình. Bức tranh xã hội ngày nay đã và đang vẽ ra nhiều hiện tượng đen tối bi thương, đó là một thảm họa thật đáng quan tâm.

Vu Lan về nhắc nhở mọi người hãy tìm lại giá

trị của tình thương. Tìm lại lẽ sống chân thật ở nơi chính mình. Mỗi người tự kiểm nghiệm lại ở nơi chính mình. Mình đã làm gì và đã gây ra những gì có lợi hay có hại cho mình và người. Chúng ta đừng làm cho mình và người phải chịu thêm nhiều đau khổ. Có thật tâm kiểm định lại, thì chúng ta mới thực sự hoán cải những sai lầm ở nơi chính mình. Từ đó, chúng ta mới có thể thiết lập truyền thông tìm cách tháo gỡ những gút mắc nội kết ở nơi chính mình và tha nhân.

Suốt thời gian dài qua, đặc san Phước Huệ đã mang đến cho mọi người những thông tin hữu ích trong chiều hướng xây dựng tình người và tình đạo. Chúng tôi mong rằng với sự ủng hộ thiết thân tham gia viết bài của quý độc giả xa gần, sẽ là món quà quý giá cho Ban biên tập. Tờ báo có được sống còn là nhờ đến sự hỗ trợ đóng góp tích cực của chư Tôn Đức Tăng, Ni và quý ân nhân đồng hương Phật tử.

Kể từ số báo này trở đi, tòa soạn có mở thêm mục: “**Cám Ôn Cuộc Sống**”, để cho quý độc giả có thể tham gia viết bài nhằm cảm niệm thâm ân mà do hoàn cảnh chung quanh đã đem lại nguồn sống an vui hạnh phúc cho chính mình. Bài viết sẽ được giới hạn tối đa chỉ một trang giấy đánh máy. Mong quý độc giả hoan hỷ cùng nhau tham gia để chia sẻ tâm tư vào tiết mục hữu ích này. Những bài viết của quý vị gửi đến, chúng tôi sẽ lần lượt cho đăng theo thứ tự vào mỗi kỳ báo.

Nhân mùa Vu Lan - Báo Hiếu Phật lịch 2555, Dương lịch 2011, chúng tôi xin gửi đến chư Tôn Đức Tăng Ni và quý độc giả lời chân thành biết ân sâu xa và chúng tôi cũng xin thành tâm kính chúc chư Tôn liệt vị một mùa Vu Lan tràn đầy hỷ lạc an bình trong khung trời chánh pháp của Như Lai.

Ban Biên Tập



The Vietnamese Buddhist phuoc hue temple
t° Ờnh phỨc huỀ

365 Victoria Street, Wetherill Park N.S.W. 2164 Australia
Tel: (02) 9725 2324 Fax: (02) 9725 5385 Email: phuochue@phuochue.org

THÔNG BẠCH VU LAN PL. 2555

Kính bạch Chư Tôn Đức Tăng, Ni,
Kính thưa Quý đồng hương Phật tử,

Hiện chúng ta đang sống trong một thời đại văn minh với nền khoa học kỹ thuật tối tân. Đời sống con người ngày nay được may mắn thừa hưởng mọi thứ tiện nghi vật chất máy móc, mà nền khoa học kỹ thuật đã mang đến đáp ứng cho con người trong mọi nhu cầu của đời sống. Nhờ đó, mà đời sống con người mới có được hạnh thông thoải mái nhiều tiện lợi. Tuy nhiên, khoa học dù có siêu thế vạn năng đến đâu, cũng không thể nào giải quyết những nỗi khổ đau triền miên của kiếp sống con người. Bởi khoa học chỉ đáp ứng cho hơn loại những nhu cầu vật chất thiết yếu ngoại tại, còn đời sống tâm linh nhiều phiền muộn rắc rối phức tạp, thì khoa học không thể nào giải quyết được. Mà sự sống là do tâm thức định hướng chủ động tạo tác. Thế nên, tâm thức con người có trong sáng thanh tịnh, hằng tư duy thiện nghiệp, tạo những nhân lành ở nơi thân khẩu, thì con người mới có được đời sống thực sự an lạc hạnh phúc. Vì tâm thức luôn là yếu tố căn bản làm cột trụ điều hướng cho sự sống.

Chính vì thế, nên bất luận ở thời đại nào, xã hội loài người muốn có được đời sống an bình hạnh phúc, thì con người không thể nào xao lãng thờ ơ xem thường yếu tố nhân bản đạo đức. Mà hiếu hạnh chính là cội gốc đạo đức căn bản của đạo làm người. Những hiện tượng biến động gây ra làm xáo trộn bất an cho xã hội, tất cả đều do con người chủ động tạo tác. Nền tảng đạo đức nhân bản của con người như đã bị phá sản, băng hoại đến mức báo động. Từ đó, dẫn đến những tệ nạn, thảm họa tang thương mà cả hơn loại ngày nay đã và đang phải hứng chịu. Chúng ta đừng quên, biệt nghiệp của mỗi cá nhân là tự thành cộng nghiệp chung của gia đình và xã hội. Nếu mỗi cá nhân gây tạo những thiện nghiệp, thì cá nhân đó sẽ hưởng được quả báo tốt, và rồi đưa đến những quả báo tốt cho gia đình và xã hội. Ngược lại, nếu cá nhân gây tạo những ác nghiệp, thì cá nhân, gia đình và xã hội sẽ lãnh lấy những quả báo đau khổ hệ lụy.

Đối với người Phật tử, Phật dạy mỗi người phải gìn giữ năm giới cấm tức năm nguyên lý đạo đức: *“không sát sanh hại vật, không gian tham trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu kể cả những thứ có chất ma túy gây nên nghiện ngập tác hại”*.

Muốn xây dựng một xã hội lành mạnh, sống chung hòa bình, theo chiều hướng thánh thiện, chúng tôi thiết nghĩ, ngoài năm yếu tố nguyên lý căn bản đạo đức này ra, thì sẽ không còn phương cách trị liệu nào hữu hiệu khác hơn.

Cứ bình tâm nhìn vào thực trạng của xã hội ngày nay, những việc xảy ra hằng ngày mà các báo chí đã loan tin, chúng ta thấy không có một sự kiện nào xảy ra ngoài năm yếu tố căn bản đó. Nơi này xảy ra án mạng giết người, chỗ kia vừa mới xảy ra trộm cắp cướp

giật, chỗ nọ, vì say sưa rượu chè hút chích nên gây hấn đánh đập chém giết lẫn nhau, rồi nào là hành hung hiếp dâm; nào gian dối xảo trá dùng mọi mảnh lời thủ đoạn lường gạt để hãm hại người ... Thật là một thực trạng bi đát gây nên biết bao nỗi tang thương hệ lụy làm khổ đau cho nhau. Ngày nào mà con người chưa chịu tỉnh thức để nhận diện tìm ra nguyên nhân gây nên khổ đau cho mình và người, thì ngày đó hơn loại vẫn còn phải sống trong cảnh lo âu phập phồng sợ hãi bất an như đang ở trong ngôi nhà lửa.

Vu Lan về như nhắc nhở chúng ta đừng quên cội nguồn đạo đức, nối kết nhịp cầu và tìm lại giá trị của tình thương, xây dựng nếp sống cao đẹp đặt trên nền tảng đạo đức tình người. Hướng vọng Vu Lan cũng chính là hướng vọng đến muôn loài chúng sinh trong pháp giới. Vì sự sống của mỗi cá nhân chính là sự sống của muôn loài. Sự sống của muôn loài cũng chính là sự sống của mỗi cá nhân. Giáo lý duyên khởi dạy chúng ta phải mở rộng tâm thức, thể hiện lòng từ bi vô biên, cứu vãn loại sinh linh đặt trên nền tảng “Hiếu” đạo. Đó là hướng tiến thẳng hoa cao đẹp của người Phật tử. Có nhận định sâu sắc như thế, thì chúng ta mới mở rộng tâm thức, thiết lập lại truyền thông, dẹp bỏ những định kiến bất đồng, những sở tri cố chấp dị biệt, hóa giải những tranh chấp hận thù, sống trong tinh thần hòa ái bao dung và tha thứ. Có thế, thì đời sống của chúng ta mới thực sự có ý nghĩa. Bằng không, thì chúng ta vẫn mãi đóng khung trong cái bản ngã vị kỷ thấp hèn. Và từ đó, hoa tình thương của chúng ta sẽ bị khô héo úa tàn và dẫn đến hậu quả mất hết chất liệu tình người.

Vu Lan còn là mùa gọi nhắc chúng ta hãy mở rộng vòng tay yêu thương để hòa nhập vào sự sống của muôn loài. Mà trước mắt là tình yêu thương trong phạm vi gia đình huyết thống ông bà cha mẹ thân thuộc của chúng ta. Tri ân và báo ân đó là hai yếu tố quan thiết trải dài trong nếp sống luân lý đạo nghĩa uống nước nhớ nguồn. Bỏn phận làm con, chúng ta phải nhớ đến công ơn sanh thành giáo dưỡng của ông bà cha mẹ mà hầu lo báo đáp thâm ân trong muôn một cho phải đạo làm người.

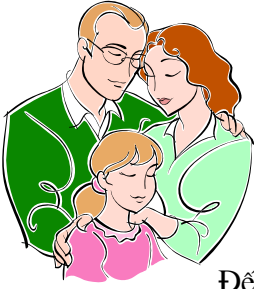
Mùa Vu Lan cũng là mùa để chúng ta có dịp hướng vọng đến thế giới cõi âm. Hướng vọng để chúng ta thành tâm cầu nguyện cho các vong linh trong pháp giới đang chịu nhiều đau khổ để họ chóng được siêu thoát. Có biết bao cô hồn chết trong âm thầm một cách oan uổng, chết vì thiên tai, vì chiến tranh, vì khủng bố, vì bức tử tù đầy v.v... Đó là những cô hồn đang đói khát lang thang không nơi nương tựa. Cho nên Vu Lan còn gọi là ngày xá tội vong nhân, hay cứu đảo huyền, tức cứu cái khổ bị treo ngược vậy.

Nhân mùa Vu Lan Báo Hiếu Phật lịch 2555, Dương lịch 2011, thay mặt Tông Môn Tổ Đình Phước Huệ, chúng tôi xin thành tâm kính chúc chư Tôn Đức Tăng, Ni vạn hạnh trang nghiêm, tùy tâm mãn nguyện, Phật quả chóng viên thành.

Kính chúc quý đồng hương Phật tử một mùa Vu Lan hiếu hạnh tròn đầy và luôn sống trong nếp sống an bình hạnh phúc hằng tắm mình trong ánh hào quang của chư Phật.

Nam mô Đại Hiếu Mục Kiên Liên Bồ Tát ma ha tát.

Hòa Thượng Trưởng lão Thích Phước Huệ OAM.



TỔ ĐÌNH PHƯỚC HUỆ **THIỆP MỜI**

Nam Mô Đại Hiếu Mục Kiên Liên Bồ Tát

Trân trọng kính mời :
Quý Đồng hương Phật tử

Đến tham dự **Đại lễ Vu Lan Thắng Hội Phật lịch 2555**

được tổ chức tại: **TỔ ĐÌNH PHƯỚC HUỆ**

365 Victoria St. Wetherill Park NSW 2164 - Điện thoại: (02) 9725 2324

trong 3 ngày:

ThỦ BẢY 13/08/11: - Lễ thọ Trì Hạnh Hiếu
- Lễ dâng sớ cầu siêu Vu lan
ChỦ NHẬT 14/08/11: - Đại lễ Vu Lan Thắng Hội
ThỦ HAI 15/08/11: - Cúng dường Trai tăng

Sự hiện diện của Quý vị sẽ góp phần vào việc duy trì
đạo hiếu truyền thống lâu đời của tổ tiên chúng ta.

Kính chúc quý vị hiếu tâm kiên cố, phước quả viên thành.

Trân trọng,
BAN TỔ CHỨC



Chương trình Vu Lan Thắng Hội PL. 2555

Chủ Nhật 31/07/11 (mùng 1 tháng 7 Âm)

18:30 - Lễ khai kinh mùa Vu lan báo hiếu
- Tụng Kinh Vu Lan và Đại Báo Phụ Mẫu
Ân Trọng (từ mùng 1 đến Rằm tháng 7 Âm)

Thứ Sáu 05/08/11 (mùng 6 tháng 7 Âm)

10:30 - Truyền giới Khóa tu Báo Ân 3 ngày từ
5/8-7/8/11.

Chủ Nhật 07/08/11 (mùng 8 tháng 7 Âm)

09.00 - Ngày tu An Lạc
10.30 - Lễ Kỳ Tổ Hòa Thượng Đại lão thượng Đạ
hạ Kiến.
14.00 Lễ Tổng kết Khóa tu Báo Ân và khóa tu
học mùa An cư năm Tân Mão

Thứ Bảy 13/08/11 (14 tháng 7 Âm)

10:00 - Ngày Thọ trì Hạnh Hiếu
- Cúng Chư hương linh thờ tại Chùa.
14:30 - Lễ Truyền Tam quy & Ngũ giới
19:00 - **LỄ DÂNG SỚ CẦU SIÊU VU LAN**

Chủ Nhật 14/08/ (Rằm tháng 7 Âm)

10:00 - **ĐẠI LỄ VU LAN THẮNG HỘI**

- * Lễ Cài hoa hồng
- * Cơm chay đạo vị

13:30 - Văn nghệ mừng Vu Lan

16:30 - Cúng thí thực thập loại cô hồn

Thứ Hai 15/08/11 (16 tháng 7 Âm)

05:00 - Lễ tác bạch Tự Tứ mùa An cư năm
Tân Mão

11:30 - Cúng dường Trai tăng

18:30 - Khai Kinh Địa Tạng (tụng mỗi tối từ 16/7
đến 29/7 Âm)

Chủ Nhật 21/08/11 (22 tháng 7 Âm)

08:00 - Xe bus khởi hành dự Lễ Vu Lan tại chùa
Phước Huệ Wollongong

Chủ Nhật 28/08/11 (29 tháng 7 Âm)

09:30 - Lễ Vía Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát

14:30 - Tụng Kinh Địa Tạng

16:30 - Cúng thí thực thập loại cô hồn

18:30 - Lễ Hoàn kinh Địa Tạng

U Lan là mùa hội lớn. Truyền thống Vu Lan đã có từ lâu đời. Theo sử liệu ghi lại là bắt nguồn từ thời Đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế. Căn cứ vào Kinh Vu Lan Bồn đã cho chúng ta biết như thế. Theo Kinh Vu lan, nguyên nhân có ra là do Tôn Giả Đại Hiếu Mục Kiền Liên thiết lễ trai tăng thỉnh Phật và thánh chúng chứng minh, chú nguyện cho bà Mục Liên Thanh Đề. Vì gây tạo nghiệp ác nên bà phải chịu quả báo cực hình đau khổ nơi chốn địa ngục. Từ đó, mới có ngày đại lễ Vu Lan Thắng Hội này. Vu Lan là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là ‘Giải đảo huyền’ tức cứu cái khổ bị treo ngược. Ngày này còn gọi là ngày xá tội vong nhân, cũng là ngày mãn hạ Tụ tứ của chư tăng.

Đối với dân tộc Việt Nam, dù người có niềm tin tôn giáo hay không, đối với ngày đại lễ Vu Lan, không ai lại không nhớ đến cội nguồn. Vì làm người ai lại không có gốc gác tổ tiên ông bà cha mẹ. Vì vậy, mà dân tộc ta rất tôn trọng đạo hiếu. Bởi hiếu đạo là cội gốc đạo đức nhân bản của con người. Sử ghi lại vào năm 1118 (năm Mậu Tuất, niên hiệu Hội Tường Đại Khánh thứ 9), vua Lý Nhân Tôn làm lễ cầu siêu cho Linh Nhân Hoàng Thái Hậu, tức Ý Lan Thái phi để thể hiện lòng hiếu đối với mẹ. Từ đây, lễ Vu Lan đã được phổ cập sâu rộng đến mọi tầng lớp dân chúng và đã đi sâu vào lòng người Phật tử thể hiện lòng hiếu thảo đối với các đấng sanh thành.

Khi nói đến lòng hiếu thảo đối với ông bà cha mẹ, người ta sẽ nghĩ ngay đến hình ảnh của một người con chí hiếu, mà lịch sử đã ghi đậm nét đánh giá rất cao. Người đó chính là Tôn giả Đại Hiếu Mục Kiền Liên. Ngài là một trong mười vị đệ tử lớn của đức Phật. Ai cũng biết Ngài là vị đệ tử có thần thông đệ nhất. Thần thông diệu dụng của Ngài không ai sánh bằng. Tuy nhiên, có

điều, một người tuy có thần thông lực dụng quảng đại như thế, nhưng cũng không thắng nổi nghiệp lực. Ngài đã bị đám cơn đồ đánh đập hành hạ tàn nhẫn cho đến chết. Đó là nghiệp quả mà ngài phải trả. Song có điều, đối với các bậc tu chứng đạt đạo, thấu rõ được nguồn gốc sanh tử, thì việc trả quả báo coi như không có gì phải đau khổ như kẻ phạm phu tục tử. Điều đó, thiết nghĩ chúng ta cũng nên lưu ý suy gẫm.

Điều đáng nói ở đây là, nếu như thần thông mà có thể cứu được mẹ Ngài thoát khỏi chốn ngục hình đau khổ, thì Ngài đã cứu thoát mẹ Ngài rồi, cần gì phải bạch trình với đức Phật. Chính vì không cứu được, nên Ngài mới bạch Phật và Phật đã chỉ dạy

VU LAN



tùy bút

Tịnh Đức

cho Ngài một phương pháp tuyệt hảo cứu thoát mẹ Ngài. Nói thế để thấy rằng, chúng ta đừng bao giờ y lại vào thần thông hay y lại vào người khác. Dù người đó là Phật cũng không thể một mình Ngài cứu thoát được. Mà phải nhờ đến sức chú nguyện của mười phương tăng chúng. Những vị này đều là các bậc thánh tăng và ít nhiều ai cũng có thần thông. Nhưng tất cả đều bất lực. Chỉ có vận dụng tâm thành với tâm thanh tịnh hướng đến hoán chuyển được tâm thức của bà Thanh Đề. Nhờ đó mà bà cải hối ăn năn, hồi tâm chuyển ý, nên bà mới được siêu thoát. Như vậy, cho chúng ta một bài học rất thiết thực về luật nhân quả: ai ăn nấy no, ai làm nấy chịu và tất cả cũng chỉ là sự trợ duyên giúp sức phần nào đó thôi. Còn lại chính là do đương sự quyết định lấy.

Điều quan trọng mà chúng tôi muốn làm bàn nêu ra ở đây là vấn đề thần thông với những phương tiện hiện đại. Thần thông trong đạo Phật dĩ nhiên, là khác biệt các loại thần thông của ngoại đạo. Bởi thần

thông của ngoại đạo là do công phu luyện tập mà có. Và họ cũng chỉ có được năm thứ thần thông mà thôi. Ngược lại, thần thông trong đạo Phật là do sức tu tập công phu thiền định mà được. Đối với hàng Thanh Văn định lực của các Ngài rất mạnh. Nhờ định lực mạnh nên các Ngài mới có những thần thông diệu dụng biến hóa phi thường. Còn đối với các hàng Bồ tát, thì định lực của các Ngài không mạnh như hàng Thanh Văn. Bởi các Ngài dùng trí huệ để chiếu phá vô minh, nên sức định của các Ngài không bằng. Do đó, nên ta thấy trong hàng đệ tử xuất gia của Phật thì các vị A la hán phần nhiều là hay thi thố thần thông đọ sức tranh tài với ngoại đạo. Còn các vị Bồ Tát ít khi nghe nói đến.

Thường thì Phật và các vị chứng quả A la hán đều có đủ sáu thông. Sáu thông gồm có:

1. Thiên nhãn thông, có năng lực nhìn thấu suốt khắp cả vũ trụ không bị chướng ngại giới hạn bởi không gian và kích thước của một vật thể, mà đối với con mắt thường của chúng ta không thể nào thấy được.
2. Thiên nhĩ thông, có khả năng nghe không bị chướng ngại giới hạn bởi không gian và cường độ của âm thanh. Có thể nghe được những âm thanh mà nhĩ căn thông thường của con người không thể nào nghe được.
3. Tha tâm thông, có khả năng hiểu được tâm niệm của người khác.
4. Thần túc thông, là năng lực biến hóa phi thường, tới lui vô ngại, có thể phi hành trên không trung hoặc du hành dưới nước, đi trong lòng đất, xuyên qua mọi chướng ngại vật như núi non và có thể biến hóa ra thiên hình vạn trạng.
5. Túc mạng thông, là năng lực biết rõ nhiều kiếp trong quá khứ.
6. lậu tận thông, là năng lực siêu xuất tam giới nghĩa là dứt sạch hết vô minh phiền não, tự tại giải thoát.

Qua sáu thông đó, đối với quý thần và ngoại đạo, họ chỉ có được năm thông, còn Lậu tận thông thì họ không có. Vì họ chưa có đủ khả năng để đoạn trừ dứt hết phiền não lậu hoặc. Do đó, nên họ vẫn còn phải chịu sanh tử luân hồi trong vòng tam giới. Chỉ có Phật và các vị A la hán mới dứt được sanh tử luân hồi khổ đau mà thôi. Thần thông tuy là diệu dụng phi thường, nhưng nó cũng có giới hạn nhất định. Vì thế, mà đức Phật không bao giờ khuyến khích các hàng đệ tử của Ngài tu luyện để cho có được thần thông. Lắm khi Ngài còn quở trách những ai tự tiện sử dụng thi thố thần thông không cần thiết. Thần thông tuy đó là kết quả của một quá trình tu tập, nhưng chính nó cũng không thể đưa con người đến chỗ giải thoát hoàn toàn được.

Đối với nhơn loại ngày nay, làm gì có được năm thứ thần thông chớ đừng nói chi là Lậu tận thông. Một thông còn chưa có nói chi tới năm thông. Nghĩa là bản thân của con người không thể có được, mà tất cả phải nhờ đến những dụng cụ máy móc. Điều mà không ai có thể phủ nhận được, là những thành tựu của khoa học kỹ thuật ngày nay, nó cũng công hiến đem lại cho con người nhiều điều phép lạ kỳ diệu. Có những điều thật kỳ diệu, cũng biến hóa phi thường, mà với bộ óc tầm thường của con người không bao giờ nghĩ ra được. Bạn chỉ ngồi một chỗ thôi, không cần đi đâu hết, chỉ cần bạn có cái máy điện toán (computer), bạn cũng có thể thấy biết tất cả những gì xảy ra trên thế giới. Tuy bạn không có khả năng nghe như những vị chứng được Thiên nhĩ thông, nhưng bạn cũng có thể nghe được âm thanh rất xa. Bạn chỉ cần có một cái điện thoại di động cầm tay, thì bạn cũng có thể nghe khắp hết mọi nơi. Dù ở tận bên trời tây bạn cũng có thể nghe được. Đó là Thiên nhĩ thông nhơn tạo. Còn Thiên nhãn thông, tuy bạn không có con mắt thấy suốt cả tam thiên đại thiên thế giới, nhưng bạn cũng có thể thấy khắp nơi trên hành tinh này mà không cần phải khổ công tu chứng. Bạn chỉ

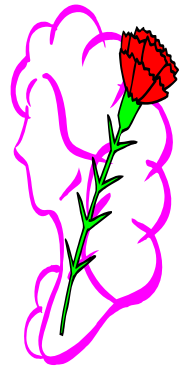
cần có một cái máy tivi và những thứ dụng cụ cần thiết giúp cho bạn thấy khắp tất cả. Như viên vọng kính thấy rất xa. Chẳng những thấy thôi mà bạn còn biết tin tức khắp nơi xảy ra. Còn Thần túc thông hiện nay, đó là những chiếc phi cơ, phi thuyền có khả năng bay lên không trung và bay vào vũ trụ và bay vượt ra khỏi trái đất. Những chiếc tàu ngầm có khả năng đi dưới đáy biển, trong lòng đại dương v.v...Bạn đâu cần mất nhiều thời gian đi lại nơi này nơi kia cách xa hàng nửa trái đất. Thế thì, thần thông hiện đại cũng có năng lực diệu dụng phi thường.

Tuy nhiên, khoa học chỉ có thể sáng chế ra được ba thứ phương tiện thần thông: Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông và Thần túc thông thôi. Còn lại ba thông kia, tức Túc mạng thông, Tha tâm thông và Lộ tận thông thì khoa học đành chịu bó tay đầu hàng. Làm sao khoa học có thể dùng một loại máy móc dụng cụ nào đó có thể đo đạt được dòng tư duy suy nghĩ tính toán của bạn? Nghĩa là không thể biết được từng tâm niệm của bạn. Như vậy, về lãnh vực tâm linh thì khoa học thúc thủ phải nhường lại cho tôn giáo, nhất là Phật giáo. Làm sao khoa học có thể biết được mạng sống của bạn trải qua nhiều đời nhiều kiếp? Làm sao khoa học đoạn trừ sạch hết vô minh phiền não? Xét như vậy, bạn thấy khoa học dù có tiến bộ đến đâu cũng chỉ về mặt chinh phục khám phá vật chất mà thôi. Và dĩ nhiên sự hiểu biết khám phá của khoa học vẫn còn trong sự dò dẫm mò mẫm, chớ làm sao hoàn hảo hết được. Song có điều bạn cũng nên biết, dù khoa học kỹ thuật chế tạo ra những thứ máy móc tinh vi, có sức vạn năng thần thông như thế, nhưng bản thân của các nhà khoa học đó, thử hỏi họ có được an lạc hạnh phúc hay không? Hay là họ vẫn sống trong nỗi cô đơn phập phồng lo âu sợ hãi và sầu khổ!

Rồi đến những người sử dụng những phương tiện máy móc đó, thử hỏi họ có hết

khổ hay không? Và họ có thỏa mãn mọi thứ nhu cầu vật chất để đáp ứng cho họ hết hay không? Chắc là không ai tự thấy thỏa mãn và cũng không ai biết dừng lại. Như vậy, dù có phương tiện thần thông diệu dụng đến đâu, con người cũng không bao giờ nhổ được cái gốc khổ triền miên trong kiếp sống! Chỉ có khi nào con người tỉnh thức biết dừng lại những mưu cầu tham vọng, những trục vật đua đòi, những dục vọng thèm khát, những đam mê đắm nhiễm, dính mắc ở nơi ngũ dục lục trần, thì chừng đó con người mới thật sự có được an vui hạnh phúc. Nói gọn hơn là không còn những lậu hoặc phiền não, thì con người mới thoát khỏi những ràng buộc sanh tử khổ đau.

Hướng vọng Vu Lan cũng chính là hướng vọng ở nơi tâm thức của chính mình. Hướng vọng để nhìn thấy rõ bản chất của khổ đau. Vì từ ngữ Vu Lan có nghĩa là cởi trói, tức là cứu cái khổ bị treo ngược. Hầu hết chúng ta đang bị vướng mắc vào cái khổ treo ngược. Ngày nào chúng ta còn sống trong vòng si mê điên đảo, còn hơn thua tranh chấp phải quấy; còn đấu đá chém giết lẫn nhau; còn vận dụng vũ khí nguyên tử, mưu mô xâm lược chiếm đoạt tài nguyên của nước này nước nọ v.v... thì ngày đó chúng ta vẫn còn mắc vào cái khổ bị hành hình treo ngược. Khác nào như Tôn Hành Giả bị cái “Niên kim cô” của Tam Tạng xiết chặt vào cái đầu đau nhức rên la lăn lộn thảm thiết. Con khi ý thức của chúng ta cũng thế. Vì nó quá lạnh lợi hung hăng, tính toán gian xảo, dùng mọi mảnh khóc thủ đoạn độc ác, với mục đích là để thủ lợi tất cả về mình, ai chết mặc ai chẳng chút tiếc thương. Thật là quá tàn ác! Chừng nào con người chuyển hóa được con khi ý thức này mà nó chịu nằm yên, thì chừng đó may ra thế giới loài người mới được an ổn, sống chung hòa bình.



Xét ra, bà Thanh Đề bị cái khổ treo ngược hành hạ, nhưng bà còn có được cái điểm phúc lớn lao, còn có một người con chí hiếu, còn có đức Phật và những vị thánh tăng. Tất cả cùng nhau tận tâm giúp sức đánh động được cái tâm thức cõi trời cho bà. Ngẫm kỹ lại, chúng ta thì sao? Ai có đủ năng lực giúp sức cõi trời cho ta? Năng lực đó không phải là Phật, cũng không phải là các hàng thánh tăng, vậy năng lực đó là ai? Một câu trả lời ngắn gọn chính là giáo pháp của Phật, có khả năng giúp cho ta cõi trời chính ta.

Tuy nhiên, giáo pháp tuy có khả năng như thế, nhưng cũng chỉ là phần trợ duyên bên ngoài. Điều quan trọng thiết yếu là chúng ta phải nương nơi lời dạy đó của Phật, rồi tự mình hãy mạnh dạn đứng lên mà tháo gỡ cõi trời những ràng buộc ở nơi chính mình. Tất cả đều do chúng ta định đoạt lấy. Không có một bàn tay thần thánh nào can dự vào có thể cõi trời hay thay thế khổ đau cho ta. Không có ai vào tù ngồi thay thế cái tội lỗi của ta gây ra. Ta gây tạo nghiệp nhân bất thiện, thì chính ta phải lãnh lấy cái quả báo bất thiện đó. Luật nhân quả rất là công bằng. Không ai có thể cao bay xa chạy mà có thể tránh khỏi. Kinh nói: “*Dù trải qua trăm ngàn kiếp, chỗ tạo nghiệp không mất, khi nhân duyên đến rồi, quả báo phải chịu lấy*” (Giả sử bá thiên kiếp, sở tác nghiệp bất vong, nhân duyên hội ngộ thời, quả báo hoàn tự thọ).

Hiểu thế, thì nhân ngày Vu Lan chúng ta hãy quán chiếu thật sâu vào tâm thức, một mặt, chúng ta cố gắng gia công gạn lọc chuyển hóa phiền não, mặt khác, chúng ta cũng nên tu tạo tài bồi thêm phước đức. Nghĩa là chúng ta góp phần vào việc thật hành qua những công tác từ thiện xã hội để cứu thoát những con người đang bị cái khổ treo ngược bức bách hành hạ họ từng giờ từng ngày. Đó là chúng ta áp dụng tinh thần tự lợi và lợi tha. Chúng ta cố gắng tu tập học theo công hạnh của Bồ tát, vì lợi

ích cho tha nhân. Có như thế, thì việc đón mừng đại lễ Vu Lan Thắng Hội của chúng ta mới thực sự có ý nghĩa và mới thực sự mang lại sức sống niềm tin vững mạnh làm lợi ích cho mình và mọi người. Đó cũng là chúng ta khéo biết thể hiện cung cách tâm hiếu và hạnh hiếu đối với tổ tiên ông bà cha mẹ của chúng ta, rộng ra là khắp cả chúng sanh. Bằng không, thì chúng ta cũng chỉ thiết lễ kỷ niệm suông theo truyền thống xưa bày nay bắt chước làm theo mà thôi./.

Chiều tàn



Tịnh Đức

*Nắng vàng trải khắp đồng xanh
Mái tranh lam khói trên cành chim reo
Trên ghe thôn nữ cầm chèo
Dòng sông uốn khúc cánh bèo bình trôi
Đàn cò vô cánh ngang trời
Tìm về tổ ấm một thời bốn ba
Trời chiều bóng ngã nghiêng tà
Mây hồng rắng đỏ Ta bà trầm luân
Niềm riêng nặng gánh băng khuâng
Bao năm vất vả một thân trong ngoài
Nuôi con chẳng quản tháng ngày
Thân cò lặn lội chẳng nài nhọc thân
Ngược xuôi tất tả tảo tần
Nuôi con khôn lớn sáng ngàn mai sau
Thân gầy nào quản nhọc lao
Mẹ ơi! đã khuất lòng đau khôn lường
Mẹ là tất cả tình thương
Bỏ con ở lại trên đường bơ vơ
Vu Lan nhớ Mẹ ngân nga
Mẹ về Lạc cảnh tuổi thơ khổ sâu.*

(Thân tặng cháu Bích Trâm)

Vài nét về tiểu sử và
công hạnh hoằng pháp
của HÒA THƯỢNG NGỘ MINH



CHỦ TỊCH DANH DỰ VĨNH VIỄN CỦA HỘI ĐỒNG TĂNG GIÀ PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

Life-Long Honorary President of The World Buddhist Sangha Council

Sơ lược tiểu sử và quá trình hoằng pháp

Hòa Thượng Ngô Minh sanh năm 1911 tại Hà Nam- Trung Quốc, tục danh Lý Lâm Xuân. Năm 14 tuổi phát tâm xuất gia tại Quan Âm Cát, tỉnh Hồ Bắc. Năm 1949, tức năm 38 tuổi, Ngài rời Trung Quốc đến Đài Loan hoằng pháp. Khi đến Đài Loan, Ngài thành lập Viện Hộ Quốc Đại Bi, sau đó khai sáng Chùa Hải Minh, tại Mỹ Quốc – Los Anglos, Ngài xây dựng Hộ Quốc Thiên Tự. Hòa Thượng đã từng trụ trì tại Chùa Huyền Trang ở Nhật Nguyệt Đàm, tỉnh Puli miền Trung của đảo Đài Loan và Chùa Tây Vân, Ngài đã từng mở những khóa Phật học đào tạo tăng tài. Hòa thượng Ngô Minh từng được chọn là Lý Sự Trưởng của Hội Phật giáo Trung Quốc trong 2 nhiệm kỳ 11&12. Ngài từng lãnh chức vụ Chủ tịch Hội Đồng Tăng Già Phật Giáo Thế Giới nhiệm kỳ 5 và 6.

Công hạnh tu trì

Hòa Thượng Ngô Minh một đời hành trì ‘Pháp Môn Quan Âm’ cho nên Ngài được danh hiệu ‘Quan Âm lão nhân’, suốt gần 90 năm xuất gia, Ngài đã không ngừng trì tụng ‘Thánh hiệu Quan Âm’, trì ‘Chú Đại Bi’ và tụng niệm ‘Đại Bi Sám’. Đó là pháp môn

hành trì của Ngài mà trong nước ai cũng đều biết. Duy trì 2 thời công phu, và trì 108 biến Chú Đại Bi, đó là thói quen mỗi ngày của Hòa Thượng. Tinh thần tinh tấn tu tập của Ngài đã làm cho mọi người ai nấy cũng đều quy kính và ngưỡng mộ. Theo Hòa Thượng thì trì niệm ‘Chú Đại Bi’ có thể chữa được lành bệnh viêm xoang mũi và rất nhiều lần có thể thoát được những nạn nguy hiểm, có thể nói là ‘biến nguy thành yên’.

Đệ tử truyền pháp

Hòa Thượng Ngô Minh có một Đệ tử truyền pháp là Thanh Luân Pháp sư, hiện trụ trì tại Phật Pháp Sơn – Đài Trung. Nhân dịp chúc thánh thọ Sư phụ, có nói : Hòa Thượng một đời hành trì đại từ đại bi, tâm khoan hồng đại lượng, vui với việc hành trì bố thí. Khi đối đãi, tiếp xúc với người không mang tâm đồ kỵ, tâm tánh tự tin rộng lượng. Lúc nào trên môi cũng nở sẵn nụ cười, gặp những việc bất như ý cũng không giận hờn. Bất luận là người công chức quý tộc, hay người dân nghèo, Ngài đều nhìn với nét mặt từ bi, không tâm phân biệt với tâm bình đẳng mà đối đãi với mọi người. Công hạnh tu hành của Hòa Thượng cũng giống như sự thị hiện của Đức Bồ Tát Quán Thế Âm vậy.

Hòa Thượng suốt một đời hành tu thiền tu đức, và Ngài cũng là vị Tổ thứ 47 của dòng Lâm Tế. Hòa Thượng mỗi ngày ngoài việc ‘tham thiền, vì tứ chúng khai thị, trì niệm Thánh hiệu Quán Âm, uống trà, miệng luôn nở nụ cười, lúc nào cũng hành trì hạnh từ bi, ít phiền não’, theo Hòa thượng đó chính là ‘Đạo thiên dưỡng sinh’.

Viên tịch

Hòa Thượng viên tịch vào ngày 19 tháng 7 năm 2011, tại Chùa Hải Minh do Ngài khai sáng – Đài Bắc – Đài Loan, thượng thọ 102 tuổi.

Gần 90 năm hiến thân vì đạo pháp, công hạnh hành trì ‘Quán Âm pháp môn’ một cách miên mật, là tấm gương sáng cho hàng hậu học cho cả 2 giới xuất gia và tại gia quy kính và ngưỡng mộ. Chúng tôi, nhân lúc nghỉ hè, cũng là lúc có mặt tại Đài Bắc thuộc thành phố Đài Loan, đến đánh lễ Hòa thượng. Lễ tang của Hòa Thượng được tổ chức tại Chùa Hải Minh rất long trọng và trang nghiêm. Một vị sư cô thường trụ cho chúng tôi biết rằng, quan tài của Hòa Thượng được Ngài đặt làm khoảng 30 năm trước, tức vào lúc Ngài khoảng 70 tuổi, mà đến bây giờ tức 102 tuổi mới sử dụng. Cái thọ, cái quách hay là quan tài của Hòa Thượng được làm rất đặc biệt, không giống như những quan tài bình thường. Quan tài của Ngài, theo tôi phỏng đoán được làm bằng sành hay miệng được làm với hình dáng của một cái bình rượu mà người xưa thường dùng để đựng nước uống. Khi mất xác Ngài được đặt vào đó với tư thế ngồi trong vòng hai ngày, sau đó thì niêm phong. Theo di nguyện lúc còn sống, tang lễ của Ngài được cử hành trong vòng 49 ngày. Chương trình bắt đầu từ 4.30 sáng đến 5.30 sáng là thời công phu khuya. Sau đó, từ 9.00 sáng đến 10.30 là thời trì Chú Đại Bi, tiếp theo đó, từ 11.00 giờ đến 11.30 là thời cúng cơm Phật, sau đó thọ trai. Mỗi ngày 24 tiếng đồng hồ đều trì niệm danh



Hòa Thượng Ngô Minh trong tư thế ngồi an nhiên thị tịch

hiệu Quán Thế Âm. Quan tài của Ngài được đặt ở một điện (đường) riêng biệt, trước điện được đặt rất nhiều hoa lan màu trắng và màu tím do những giáo hội, tổ chức hay Phật tử đến để cúng dường Ngài. Khi vào trong điện, nhìn lên bàn thờ là thờ tượng của Hòa Thượng được nặn giống y là người thật, ngồi trong tư thế kiết già, đắp y hồng, với khuôn mặt từ bi thanh thoát. Sau lưng Ngài là quan tài bằng dạng hình hồ lô màu thạch bằng sành trông rất trang nghiêm. Trong lúc chúng tôi viếng thăm, cũng gặp Phật tử niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Âm, kinh hành trong điện. Phong cảnh rất trang nghiêm, thanh tịnh và long trọng. Sau đó sư cô gọi tặng chúng tôi mỗi người một chai nước đã được trì chú Đại Bi.

Đó là những gì chúng tôi chứng kiến trong lúc viếng thăm Chùa Hải Minh và đánh lễ Hòa Thượng. Riêng bản thân chúng tôi không những học hỏi và thu thập rất nhiều kiến thức về tiểu sử cũng như công hạnh hoằng pháp, hành trì hạnh từ bi của Hòa thượng. Niềm tin và sự tinh tấn hành trì với một pháp môn lúc nào cũng mang lại một kết quả ‘bất khả tư nghị’. Đây chỉ là một bài tóm tắt ngắn gọn về cuộc đời Hòa Thượng, còn rất nhiều chi tiết nữa mà chúng tôi vì thời gian có hạn cho nên không tiện tường thuật chi tiết.

Phước Hỷ

Tường trình từ Đài Bắc ngày 26.7.11



Vietnamese Buddhist Phuoc Hue Temple

TỔ ĐÌNH PHƯỚC HUỆ

365 Victoria Street, Wetherill Park N.S.W. 2164 AUSTRALIA
Tel: (02) 9725 2324 Fax: (02) 9725 5385 Email: phuochue@phuochue.org

Phật lịch 2555 – Sydney 22/07/2011

Kính gửi:

- Ban Tổ chức Tang lễ,
- Ban Chấp Hành Hội Đồng Tăng Già Phật Giáo Thế Giới
- Tổ Đình Hải Minh Thiền Tự
- Chư Môn nhơn pháp quyển

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Kính,

Chúng tôi vừa được tin Trưởng lão Hòa Thượng thượng Ngộ hạ Minh Quán Âm lão nhơn nguyên Chủ Tịch Ban Chấp Hành Hội Đồng Tăng Già Phật Giáo Thế Giới, Pháp Chủ Tổ đình Hải Minh Thiền Tự vừa viên tịch ngày 19 tháng 07 năm 2011 thượng thọ 102 tuổi.

Thay mặt Thiên Thai Giáo Quán Tông Phước Huệ Sơn Môn Học Phái và Tổ Đình Phước Huệ Úc Châu cũng như cá nhân chúng tôi trân trọng kính gửi quý Ban Tổ Chức Tang lễ, quý Ban Chấp Hành Hội Đồng Tăng Già Phật Giáo Thế Giới, quý Tổ đình Hải Minh Thiền Tự, Chư môn nhơn pháp quyển, lời phân ưu chơn thành, đồng thời chúng tôi nhứt tâm cầu nguyện giác linh trưởng lão Hòa Thượng cao đẳng Phật quốc.

Vì lão niên, tứ đại bất hòa chúng tôi không thân hành chiêm lễ Trưởng lão Hòa Thượng được, kính mong quý liệt vị hoan hỷ lượng thứ.

Thành kính phân ưu,

Trân trọng.



Hòa Thượng Trưởng lão Thích Phước Huệ OAM

- Viện Chủ Tổ Đình Phước Huệ Sydney Úc Châu

- Thành viên Hội Đồng Trưởng lão Hội Đồng Tăng Già Phật Giáo Thế Giới



Ngày Vu Lan lại về,
Trời chiều thấy buồn ghê!
Nhớ Thầy và huynh đệ,
Ngôi chùa ở nơi quê.

Ngôi chùa nghèo xác xơ
Trên ngọn đồi trơ vơ.
Thầy tôi đi tụng đám,
Kiếm tiền nuôi trẻ thơ.

Bọn tôi có sáu thằng,
Tuổi từ mười đến năm.
Anh cả mù đôi mắt,
Sống cuộc đời tối tăm!

Anh Hai bị điếc tai,
Nằm xuống là ngủ ngay.
Tụng kinh tiếng rất lớn,
Thường theo phụ giúp Thầy.

Anh Ba thì sút môi,
Nói năng chẳng ra lời.
Tụng kinh giọng ngọng nghịu,
Khiến người nghe phát cười.

Anh Tư vừa điếc câm,
Vẽ mặt thật tối tăm,
Khi nói phải ra dấu,
Làm việc thì rất chăm.

Anh Năm bị què chân,
Đi đứng thật khó khăn,
Luôn luôn phải chống nạng,
Thế còn bị sún răng.

Em thứ Sáu là tôi.
Bị bệnh tâm thần rồi,
Một mình ngồi nói nhảm,
Đôi khi ngửa mặt cười.

Sáu đứa đều mồ côi,
Được thầy thương dưỡng nuôi.
Dạy chúng tôi tu học,
Mong giúp ích cho đời.

Ngày kia thầy gọi tôi,
Bệnh con giờ hết rồi.
Con ráng học nghề giáo,
Trì Pháp Hoa giúp đời.

Rồi Thầy bảo anh mù,
Ráng niệm Phật lo tu.
Con nên học nghề bó,
Giúp đời bằng đồng xu.

Anh điếc tụng kinh hay,
Phải nói nghề của Thầy,
Tụng đám và trì chú,
Giúp Phật tử mỗi ngày.

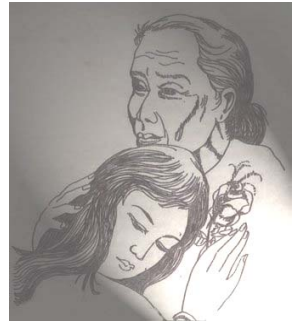
Anh ngọng tuy sút môi,
Nhưng sức mạnh hơn người.
Đi học nghề hồ mộc.
Quán bắt tịnh đừng lười.

Anh câm làm việc siêng,
Phải học nghề thợ rèn,
Tu pháp quán hơi thở,
Sống cuộc đời bình yên.

Anh què còn một chân,
Cho học nghề nấu ăn.
Tu pháp nhân duyên quán.
Hiện đời được sướng thân.

Nhờ mỗi người một nghề
Chùa tôi ngày đông ghê,
Phật tử thường lui tới,
Đời sống được no nê.

Vu Lan nhớ đến Thầy,
Lòng tôi buồn bã thay!
Thầy đã về cõi Phật,
Làm sao đền đáp đây?



Đám

Rong

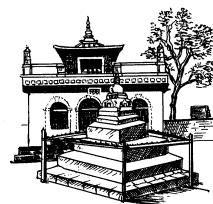
Rêu

Trong

Lòng

Biển

Văn
Thân



Quán Kinh Tứ Thiệp Số

Tập ký: Đường, Sa Môn Thiện Đạo

Soạn dịch: Liên Hương Tịnh Lạc



(tiếp theo)

10. Quán Bồ tát Quán Thế Âm (Quán Thân tướng Bồ tát Quán Thế Âm)

Kinh văn: Phật bảo: A Nan và Vi Đê Hy! Khi đã thấy Phật Vô Lượng Thọ rõ ràng rồi, lại nên quán tướng Bồ tát Quán Thế Âm. Vị Đại sĩ này thân cao tám mươi muôn na do tha hằng hà sa do tuần, màu vàng tía, trên đỉnh có nhục kế, viên quang nơi đầu của Bồ tát mỗi phía đều rộng trăm ngàn do tuần. Trong viên quang có năm trăm hóa Phật như Thích Ca Mâu Ni Như Lai. Mỗi vị hóa Phật đều có năm trăm vị Bồ tát, và vô lượng chư thiên làm thị giả. Trong hào quang toàn thân của Bồ tát hiện tất cả sắc tướng của năm đường chúng sanh ... Bồ tát đầu đội thiên quan bằng chất báu Tỳ Lăng già ma ni... Nơi thiên quan có một vị hóa Phật đứng cao 25 do tuần. Quán Thế Âm Đại sĩ mắt như sắc vàng Diêm phù đàn. Tướng bạch hào giữa đôi chon mày có đủ sắc bảy báu, chiếu ra tám muôn bốn ngàn thứ ánh sáng. Mỗi ánh sáng có vô lượng vô số hóa Bồ tát làm thị giả. Các vị hóa Bồ tát này biến hiện tự tại đầy khắp mười phương thế giới... Cánh tay của Bồ tát như sắc hoa sen hồng, có tám mươi ức tia sáng nhiệm màu dường như chuỗi anh lạc, trong ấy hiện ra tất cả mọi thứ trang nghiêm. Bàn tay Bồ tát như năm trăm ức hoa sen sắc tạp, nơi đầu mỗi ngón tay có tám muôn bốn ngàn lần chỉ đẹp dường như nét vẽ của chiếc ấn... Mỗi lần chỉ đều có tám muôn bốn ngàn tia sáng, nhu nhuyễn soi khắp các nơi. Bồ tát thường dùng tay báu này tiếp dẫn chúng sanh các



cõi. Nơi lòng bàn chon của Đức Quán Thế Âm Đại sĩ có tướng Thiên bức luân. Khi Bồ tát đỡ chon lên, từ nơi luân tướng ấy hóa hiện ra năm trăm ức đài quang minh. Lúc để chon xuống, tự nhiên có vô số hoa kim cương ma ni tuôn rải tản mác khắp mọi nơi... Ngoài ra các tướng khác nơi thân Bồ tát đều đầy đủ và xinh đẹp như đức Vô Lượng Thọ Phật. Duy trừ nhục kế và tướng vô kiến đánh là không bằng Phật.

Đây là môn tướng sắc thân chon thật của Bồ tát Quán Thế Âm, thuộc về pháp quán thứ 10.

Phật bảo: A Nan! Nếu chúng sanh nào muốn quán thân tướng của Bồ tát Quán Thế Âm phải nên quán tướng đúng như vậy ... Kẻ tu thành môn quán này không còn gặp các tai họa ... trừ sạch nghiệp chướng và tội lỗi trong vô số kiếp sanh tử ... chúng sanh chỉ nghe danh hiệu của vị Bồ tát ấy còn được vô lượng phước, huống nữa là quán kỹ sắc thân? Kẻ nào muốn quán tướng Bồ tát Quán Thế Âm, trước nên quán nhục kế trên đỉnh, tiếp quán đến thiên quan, bao nhiêu tướng khác cũng lần lượt quán cho rõ ràng như thấy các lần chỉ trong bàn tay...

Quán như thế gọi là chánh quán, nếu tướng khác đi là tà quán.

Giảng yếu: Từ Phật bảo A Nan đến như sắc vàng Diêm phù đàn là kết thành quán chon thân Phật trước, rồi khởi quán chon

thân của Bồ Tát sau. Bồ Tát cao tám mươi muôn ức na do tha do tuần là nêu thân tướng của Ngài gồm có 6 ý:

- Nói về thân lượng lớn nhỏ.
- Nói về sắc của thân không đồng với Phật.
- Chỉ trên nhục kế khác với Phật.
- Vòng tròn ánh sáng lớn và nhỏ.
- Hóa Phật thị giả nhiều ít.
- Ánh sáng của thân hiện khắp năm đường chúng sanh và thiên quan có hóa Phật đặc biệt, đồng thời diễn tả sắc mặt và màu sắc ở thân chẳng đồng.

Từ *Tướng bạch hào giữa đôi chơn mày đến không bằng Phật* chỉ hào quang chuyển biến đầy khắp mười phương, biến hóa thị giả càng nhiều màu đẹp như những cánh sen hồng có năm ý chính:

- Nói tướng lông trắng tỏa màu thất bảo.
- Nói về hào quang nhiều ít.
- Hào quang có hóa Phật nhiều ít.
- Nói về thị giả nhiều ít.
- Biến hóa thị giả hiện khắp mười phương.

Thân Ngài trang phục anh lạc nên ánh sáng tỏa ra sáng chói, tay Ngài có công dụng từ bi, có 6 ý:

- Bàn tay có màu đẹp như đóa sen hồng.
- Trong mỗi một ngón gồm có tám muôn ấn văn.
- Mỗi một ấn văn có tám muôn màu sắc khác nhau.
- Mỗi màu có tám muôn ánh sáng khác nhau.
- Thề của ánh sáng mềm mại chiếu khắp tất cả chỗ.
- Dùng bàn tay có ánh sáng báu này tiếp dẫn người có duyên. Thân tướng của thân và chơn có đức dụng gần đồng với Phật.

Từ *Duy trừ nhục kế* đến hết chỉ Phật và Bồ Tát địa vị có khác, quả nguyện chưa

tròn, nên làm cho tướng có chỗ chưa viên mãn là chỉ địa vị chưa bằng Phật. Muốn quán thân tướng của Bồ tát, phải y theo cách quán chơn thân Phật, lần lượt mỗi món hiện rõ như lần chỉ trong bàn tay, đứng theo nghi thức đã chỉ, đừng cho tâm chạy loạn mới có lợi ích. Đức Quán Thế Âm có nguyện lớn tiếp dẫn chúng sanh về Tây phương, ảnh hiện khắp mười phương, tay báu luôn rưới nước cam lộ, tùy theo căn cơ mà tiếp dẫn.

11. Quán Bồ Tát Đại Thế Chí (Quán Thân tướng của Bồ Tát Đại Thế Chí)

Kinh văn: *Phật bảo: A Nan và Vi Đề Hy! Kế đến quán tướng Bồ tát Đại Thế Chí. Thân tướng của vị Đại sĩ này cũng tương đương với Bồ Tát Quán Thế Âm. Viên quang nơi đánh của Đại Thế Chí Bồ tát mỗi phía đều rộng một trăm hai mươi lăm do tuần, từ quang thể này ánh sáng lại chiếu xa thêm hai trăm năm mươi do tuần nữa.*

Quang minh toàn thân của Bồ tát ánh ra màu vàng tía, chiếu khắp các cõi ở mười phương, những chúng sanh hữu duyên đều được trông thấy. Chúng sanh nào chỉ thấy ánh sáng nơi một lỗ chơn lông của Bồ tát này, tức là thấy quang minh trong sạch nhiệm màu của mười phương vô lượng chư Phật. Vì thế vị đại sĩ này được gọi là Vô Biên Quang và cũng bởi Bồ tát dùng ánh sáng trí huệ soi khắp tất cả chúng sanh, khiến cho xa lìa tam đồ, được sức vô thượng, nên lại có tên là Đại Thế Chí.

Thiên quan của Đại Thế Chí Bồ tát có năm trăm hoa sen báu, mỗi hoa báu có 500 đài báu. Trong mỗi đài báu hiện rõ quốc độ linh diệu rộng rãi của mười phương chư Phật. Nhục kế nơi đánh của Bồ tát hình như hoa Bát Đầu ma, trên nhục kế có bình báu dùng các thứ quang minh hiện Phật sự khắp mọi nơi. Ngoài ra các tướng khác nơi thân cũng đồng như Quán Thế Âm Bồ tát.

Khi vị Đại sĩ này cất bước đi, mười phương thế giới thấy đều chấn động. Ngay chỗ Bồ tát bước tự nhiên hóa hiện năm trăm ức hoa báu, mỗi hoa báu trang nghiêm cao sáng như diệu tướng ở cõi Cực lạc. Lúc Bồ tát ngồi xuống, cả cõi thất bảo rung chuyển. Giữa khoảng từ cõi Phật Kim Quang ở phương dưới lên đến cõi Phật Vô Lượng Thọ, Quán Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát vẫn tập đầy đầy nơi hư không cõi Cực lạc. Tất cả phân thân của Tam Thánh đều ngồi trên hoa sen, diễn nói pháp mầu, độ chúng sanh mê khổ.

Đây là môn tướng thân tướng của Đại Thế Chí Bồ tát thuộc về pháp quán thứ 11. Tu môn quán này sẽ trừ được sanh tử trong vô số kiếp, không còn ở bào thai, thường dạo chơi nơi các quốc độ tịnh diệu của chư Phật. Môn tướng này thành gọi là đã quán thấy đầy đủ sắc thân các Bồ tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí.

Quán như thế gọi là Chánh quán, nếu quán khác đi là Tà quán.

Giảng yếu: Từ Kế đến quán tướng Bồ Tát Đại Thế Chí đến nên lại có tên là Đại Thế Chí là chỉ cách quán tương đương với Bồ Tát Quán Thế Âm. Về thân lượng của Bồ Tát được phân định lớn nhỏ rõ ràng, kế đó phân biệt về tướng quán có 5 ý:

- Nói về thân lượng đồng như Bồ tát Quán Thế Âm.
- Thân và màu sắc đồng như Bồ tát Quán Thế Âm.
- Tướng mặt đồng với Bồ tát Quán Thế Âm.
- Thân và ánh sáng giống Bồ tát Quán Thế Âm.
- Tướng bạch hào uyển chuyển giống Bồ tát Quán Thế Âm.

Đặc biệt viên quang không đồng Bồ tát Quán Thế Âm, có 4 ý:

- Nói viên quang lớn nhỏ.
- Nói viên quang chiếu ra gần xa.
- Hóa Phật nhiều hay ít.
- Hóa thị giả nhiều hay ít.

Ánh sáng từ thân của Bồ tát chiếu ra đem nhiều lợi ích cho người có duyên, bất cứ ở đâu hào quang ấy cũng có màu vàng tía. Có 8 ý:

- Nói rõ ánh sáng của thân Bồ tát có chung và riêng.
- Ánh sáng chiếu gần hay xa đều có tác dụng như nhau.
- Ánh sáng khi chạm vào chỗ nào đều tỏa ra màu vàng tía.
- Người gặp ánh sáng của Bồ tát cùng Ngài đời trước có duyên liền gặp.
- Chỉ cần thấy một lỗ chơn lông ánh sáng của Bồ tát, liền thấy được ánh sáng tịnh diệu của thân chư Phật. Đây là cử việc ít mà có nhiều lợi lành, làm cho người thật hành có lòng khát ngưỡng hy vọng, cố gắng nhập quán để thật chứng.
- Căn cứ vào ánh sáng mà có tên là Vô biên quang.
- Thể dụng của ánh sáng này lấy vô lậu làm thể, nên gọi là Trí huệ quang. Lại nữa, ánh sáng này có năng lực dứt trừ cái khổ của ba đường dữ trong mười phương nên gọi là Vô thượng lực.
- Tên Đại Thế Chí này là lấy đức mà thành lập tên.

Từ Thiên quan của Đại Thế Chí Bồ Tát đến như diệu tướng ở cõi Cực lạc là chỉ tướng trang nghiêm của Bồ tát Đại Thế Chí và Bồ tát Quán Thế Âm không đồng. Có 4 thứ:

- Nói về trên mào hoa báu có nhiều hay ít.
- Trên mỗi hoa báu có đài báu nhiều hay ít.
- Trong mỗi đài ảnh hiện Tịnh độ chư Phật ở mười phương.
- Các cõi phương khác hiện kia và đây đều không tăng giảm.

Ngoài ra trên nhục kế có tướng bình bấu, đây là điểm khác với Bồ Tát Quán Thế Âm và bước đi cũng không đồng có 4 điểm:

- Bước đi khác với Bồ tát Quán Thế Âm.
- Mỗi bước đi chuyển động gần xa.
- Chỗ chân động có nhiều hoa hiện.
- Các hoa hiện ra cao đẹp mỹ lệ, trang sức cõi Cực lạc trang nghiêm.

Từ *Lúc Bồ Tát ngồi xuống đến độ chúng sanh mê khổ* là chỉ khi ngồi không đồng với tướng của Bồ Tát Quán Thế Âm. Có 7 điểm:

- Tướng ngồi khác nhau.
- Khi ngồi trước động cõi nước.
- Chỉ tướng động các cõi gần xa ở phương khác.
- Chỉ tướng lay động cõi Phật ở trên hoặc ở dưới nhiều hay ít.
- Chỉ tướng Phật A Di Đà và Bồ tát Quán Thế Âm phân thân vân tập.
- Đi trong hư không thường ngồi hoa bấu.
- Phân thân thuyết pháp mọi chỗ đều thích hợp.

Hỏi: Kinh A Di Đà nói: "Chúng sanh cõi kia, không có các khổ, chỉ thọ nhận các điều vui nên gọi là Cực lạc." Vì sao kinh này nói phân thân thuyết pháp và độ khổ là có ý gì?

Đáp: Nay nói khổ vui có 2 thứ:

- Khổ và vui ở trong ba cõi.
- Khổ vui trong cõi Tịnh độ.

Nói về khổ vui của ba cõi thì khổ có ba đường, tám nạn, luân hồi các thứ. Vui thì có năm món dục của trời người luôn buông lung trôi buộc, tuy nói là vui, thật sự là khổ lớn, rốt ráo không có một chút vui chơn thật.

Nói về khổ vui ở cõi Tịnh độ, thì khổ

của người ở sơ địa mong được lên địa thượng, vui là người ở địa thượng vui được khỏi sơ địa. Bậc chứng hạ trí mong chứng thượng trí gọi là khổ. Người chứng thượng trí khỏi hạ trí là vui. Đơn cử vài việc dễ thấy rõ khổ và vui. Đây nói độ khổ chúng sanh là độ người chứng địa vị bậc hạ lên địa vị bậc thượng, chuyển chứng bậc hạ lên bậc thượng, hợp với chỗ mong muốn của hành giả gọi là vui nên nói độ khổ. Khổ vui là chỉ chỗ đẳng thượng ấy. Vì tất cả thánh nhơn trong cõi Tịnh độ đều lấy vô lậu làm thể, đại bi làm dụng, cứu kính thường trọn, khỏi hẳn phần đoạn sanh tử, không có khổ vui. Chỉ có vị và chứng có lên xuống mà thôi.

Từ *Quán như thế* đến hết là chỉ phân chia tà chánh để việc tu quán có nhiều lợi ích, trừ tội nhiều kiếp. Người quán thành tựu quán này có nhiều lợi ích, vì Bồ tát Đại Thế Chí uy thế rất cao, ngồi lay động các quốc độ khác, có thể phân thân vân tập nhiều nơi, nói pháp lợi sanh, vĩnh viễn xa lánh thai sanh, thường vào tánh pháp giới.

(còn tiếp)





Mỗi độ Vu Lan lại trở về,
Tôi ngồi nhớ mẹ thấy buồn ghê!
Trời chiều ảm đạm mưa ngâu đổ,
Nghe tiếng ếch ương kêu nã nê!

Mẹ mất lúc tôi ở tuổi thơ,
Từ đây tôi phải sống bơ vơ.
Mỗi lần nhớ mẹ tôi ngồi khóc,
Dưới ánh trăng khuya mây phủ mờ.

Vu
Lan
về
trên
đất
khách

Tuệ Tĩnh

Thôi thế là tôi mất mẹ rồi,
Đời tôi nào khác đám mây trôi.
Đêm về nằm ngủ trên đầu núi,
Ngày lại đi rong dưới mặt trời.

Nỗi khổ chất chồng đeo đuổi luôn,
Đời tôi vui ít lại nhiều buồn.
Tuổi thơ mất mẹ, già vong quốc.
Nghĩ tới quê nhà lệ ứa tuôn!

Đất khách đêm ngày vẫn ước mong,
Nước mình cộng sản sớm tiêu vong.
Trở về thăm lại mồ cha mẹ,
Thăm xóm làng xưa, ngắm ruộng đồng.

Hôm nay ngày đại lễ vu lan,
Nhớ mẹ đến chùa thắp nén nhang.
Nhìn ảnh mẹ hiền treo ở vách,
Lòng tôi đau xót lệ tuôn tràn!

Chánh điện hôm nay thật khác thường,
Hoa đèn nghi ngút khói trầm hương.
Người người lễ Phật cầu cha mẹ,
Chết được siêu thăng, sống thọ trường.

Chùa cảnh hôm nay đượm sắc buồn,
Vu lan nhớ mẹ lệ trào tuôn.
Lời kinh hòa nhịp theo chuông mõ.
Siêu độ vong hồn thoát khổ luôn.





VẤN ĐỀ NGHIỆP QUẢ

trong Phật Giáo

Đông Minh

Chữ nghiệp nguyên tiếng Phạn Karma có nghĩa là những hành động tạo tác của con người. Nghiệp gồm có: thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp. Ngoài ra, còn có biệt nghiệp là nghiệp riêng từng người, cộng nghiệp là nghiệp chung của nhiều người. Nghiệp được xem như một sức hút trời buộc thúc đẩy con người đi chịu quả báo tốt, hoặc xấu hay bình thường, tùy theo nghiệp thiện hoặc nghiệp ác mà mình đã tạo ra. Nghiệp được xem như là nguyên nhân và sự báo ứng được xem như kết quả. Vì vậy, nghiệp là trọng tâm của thuyết đa sinh như Bà la môn giáo và Phật giáo. Theo Phật giáo ở mức độ thế tục, chúng ta có thể mượn dạng hơi nước H₂O biến đổi từ nước sang các thể hơi, thể lỏng và thể rắn mà nguyên nhân chính là tác dụng vật lý hay hóa học và hình thái năng lượng được gọi là nhiệt như sau:

Tác dụng vật lý → Hình thái năng lượng → Sự thay đổi → Thay đổi dạng hay hóa học gọi là nhiệt. Phân tử H₂O thành hơi, tăng hay giảm, đặc, loãng.

Tương tự như dạng nước H₂O, nghiệp được biểu hiện như sau:

Nghiệp → Sức làm thay đổi → Kết quả tốt, xấu, bình thường → Thay đổi hình gọi nghiệp lực do hành động chúng sinh dạng chúng sanh luân hồi.

Theo thuyết nghiệp báo thì sự sống và chết chỉ là những hiện tượng biến đổi của một bản thể hay Phật tánh ở trong vạn vật mà thôi, chứ không hết hẳn, đó là: “Thác là thể phách, còn là tinh anh”. Phạm cái xác thân ngũ uẩn giả hợp thì luôn thay đổi sắc sắc, không không, còn Phật tánh thì bất biến, mà ta tạm gọi là tinh anh, tàng thức (thức A lại gia) hay người đời thường gọi là linh hồn của vạn vật, nó cứ luân lưu ẩn hiện theo lý nhân quả luân hồi nhất định tức là chết đi rồi tái sinh, tái sinh rồi lại chết đi, chìm nổi lăn lộn mãi trong sáu đường

đau khổ: Trời, người, A tu la, địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, không bao giờ thoát ra được.

Khi tàng thức ở một thể xác thoát ra là đeo lấy cái nghiệp, cái nghiệp ấy là cái nhân đã tạo ra đời trước và sẽ hưởng cái quả tốt, xấu hoặc bình thường trong kiếp hiện tại và cái nhân tạo ra trong kiếp hiện tại sẽ là cái nghiệp mang lại kết quả cho kiếp sau này, cứ thế tiếp tục mãi không ngừng, cho nên trong kinh Nhân Quả đức Phật dạy: “*Dục tri tiền thế nhân, kim sanh thọ giả thị. Yếu tri lai thế quả, kim sanh tác giả thị*”. Có nghĩa là: “*Muốn biết cái nhân ở kiếp trước, thì xem cái quả được hưởng thụ ở đời này. Muốn biết cái quả ở kiếp sau, thì xem việc làm ở đời này vậy.*”

Đó là nhân nào quả nấy và nhân quả với nghiệp thành ra như món nợ mình vay, cứ vay vay, trả trả mãi không dứt. Nghiệp thì cũng có nghiệp nặng, nghiệp nhẹ, mỗi cái nghiệp là quả của kiếp trước và lại làm cái nhân cho kiếp sau, rồi cứ thế mà tiếp tục mãi trừ khi nào mình tu hành thấy được Phật tánh của mình thành Phật mới thôi. Theo thuyết nhân quả nghiệp báo thì phạm việc phúc hay họa đều tự mình gây ra cho mình. Mình hoàn toàn tự do làm việc thiện hay ác thì mình hoàn toàn chịu trách nhiệm về những việc ấy, chớ không phải ông trời nào ban phúc giáng họa cho mình cả, như cụ Nguyễn Du đã viết trong truyện Kiều:

*“Đã mang lấy nghiệp vào thân,
Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa”.*

Hơn nữa nhân quả nghiệp báo có tới ba đời: Quá khứ, hiện tại và vị lai, nghĩa là có những nhân gieo từ kiếp trước đến kiếp này mới có kết quả, có những nhân gây từ kiếp này liền có kết quả ngay ở kiếp hiện tại, có những nhân gieo trong kiếp này nhưng phải đợi đến kiếp sau mới có kết quả. Như có người chuyên làm việc thiện ở kiếp này nhưng họ toàn gặp những việc xấu, đó là do nhân tiền kiếp xấu họ đã tạo, nên kiếp này họ nhận lấy quả báo không tốt, còn kiếp này họ tạo nhân tốt, chắc chắn kiếp

sau họ sẽ hưởng quả vui vậy. Ngược lại, một người kiếp này chuyên làm ác nhưng họ vẫn hưởng được quả vui, đó là do kiếp trước họ đã tạo được nhân lành và kiếp sau họ chịu quả báo xấu do kiếp này họ làm ác.

Tuy nhiên, theo kinh Đại nghiệp phân biệt thì đức Phật đã dạy có bốn trường hợp khác nhau về nghiệp như sau:

1. *Người làm ác sanh vào cõi dữ*: Hạng người lúc sống chỉ chuyên làm ác và lúc sắp chết tâm vẫn nghĩ ác, không hối cải nên sanh vào cõi dữ,
2. *Người làm ác sẽ sanh vào cõi lành*: Hạng người này lúc sống chỉ biết làm việc xấu, nhưng khi sắp chết họ biết hối cải, thành tâm hướng về đức Phật, giữ chánh kiến, bỏ tà niệm, nên được sanh về cõi lành vậy.
3. *Người làm lành sanh vào cõi lành*: Hạng người lúc sống chỉ làm việc thiện và lúc sắp chết họ vẫn nghĩ đến điều lành, giữ chánh kiến nên sanh vào cõi lành.
4. *Người làm lành sẽ sanh vào cõi dữ*: Hạng người lúc sống chỉ lo làm việc thiện, giữ chánh kiến, nhưng trong lúc sắp chết, tâm tư hốt hoảng rối loạn, mất chánh niệm, khởi lên tà kiến, nghĩ đến việc ác, nên sanh vào cõi dữ như địa ngục, súc sanh và ngạ quỷ.

Có người dựa vào hai trường hợp hai và bốn cho rằng luật nhân quả trong Phật giáo không công bằng, bởi lẽ người làm ác được sanh ở cõi lành và người làm lành lại sanh vào cõi dữ chỉ vì lúc họ sắp tắt thở khởi lên ý niệm tốt hay xấu mà thôi.

Để trả lời cho mỗi nghi ngờ này, chúng ta có thể mượn lời dạy của thiên sư Tuệ Trung như sau: Như có người đứng xoay lưng lại, thỉnh linh có ông vua đi qua sau lưng người ấy, ông ta không biết cầm vật gì đó ném về phía sau đụng phải nhà vua. Người ấy có sợ không? Ông vua có giận không? Như thế hai việc không có liên quan gì với nhau cả.

Rồi ngài liền nói bài kệ:

“Vạn pháp vô thường cả, Tâm ngờ tội liền sanh.

Xưa nay không một vật, chẳng hạt, chẳng mầm sanh”

(Nguyễn Lang dịch)

Theo thiên sư thì tội phước đều do tâm sanh, khi đối cảnh mà tâm vẫn rỗng không thì không bị vướng mắc, như vậy làm gì có nhân để sanh ra quả báo thiện hay ác. Tổ Huệ Năng cũng đã nhấn mạnh sự tác ý như sau: “Tâm tạo chư Phật, tâm tạo chúng sanh, tâm tạo liên trì, tâm tạo địa ngục...” Vậy thì ý nghiệp đứng đầu trong các nghiệp thân và khẩu nghiệp, cho nên trong kinh Phật có câu: “*Nhất niệm chí thành, khổ hải vô biên, hồi đầu thị ngạn, tâm nguyện vãng lạc bang, hữu lộ khởi tín tức sanh*”, nghĩa là: “*Chỉ một niệm chí thành, dù biển khổ mênh mông, quay đầu thấy bến, tâm ta nguyện về thế giới cực lạc có sẵn đường, nếu sanh lòng tin được sanh ngay*”. Như thế thì từ một người ác trở thành người thiện chỉ trong nháy mắt, như đồ tể Quảng Ngạch buông dao ngộ đạo.

*“Hôm qua tâm dạ xoa, ngày nay mặt Bồ tát,
Dạ xoa và Bồ tát, chỉ cách một đường tơ”.*

Hơn nữa, luật nhân quả trong Phật giáo được giải thích ở hai khía cạnh khác nhau: ý nghĩa vật lý và ý nghĩa tâm lý:

- *Ý nghĩa vật lý*: Luật nhân quả vận hành theo vật chất như hạt bắp rơi vào đất, sau thời gian đủ các duyên mọc lên thành cây bắp. Như vậy hạt bắp là nhân, cây bắp là quả, nhưng hạt bắp và cây bắp không có ý thức trưởng thành vui buồn chi cả.
- *Ý nghĩa tâm lý*: Nghiệp mà đức Phật giải thích ở trường hợp hai và bốn là trình bày mối liên hệ nhân quả theo nghĩa tâm lý, tức là mối quan hệ nhân quả của tâm thức con người, đó là phân tích về nguồn gốc, nguyên nhân phát sinh mọi khổ đau và hạnh phúc. Như con người vì lòng tham, sân, si, nên làm những việc phi pháp, kết quả bị ở tù khổ sở. Trái lại, những người có trí tuệ sống ở đời không bị lòng tham, sân, si chi phối, nên đời sống rất hạnh phúc, an lạc. Vậy thì cuộc sống an lạc, hạnh phúc không tùy thuộc vào không gian hay thời gian, mà chỉ tùy thuộc ở người có trí tuệ hay người vô minh mà thôi, cho nên Tịnh độ tông có câu: “*Tùy kỳ tâm tịnh tức Phật độ tịnh*”. Như thế một người trong quá khứ nhận thức sai lầm, theo tà kiến, làm ác, nhưng kể từ giờ phút

họ thấy việc làm không đúng, chấp nhận sửa đổi, cố gắng làm điều thiện, chánh kiến, họ sẽ được hưởng hạnh phúc ở hiện tại cũng như kiếp sau vậy.

Ở Á châu, các tôn giáo đã xây dựng được một nền đạo đức nổi tiếng, rộng rãi, nhờ dựa trên định luật của nghiệp: thiện có thiện quả, ác có ác quả. Để chỉ rõ điều đó, đạo Phật đã đưa ra phạm vi đạo đức và giá trị như sau:

- Sở dĩ gọi thiện quả hay ác quả thì không do sự phán quyết được thưởng hoặc phạt bởi một quyền lực siêu hình nào như Thượng đế chẳng hạn. Thiện nghiệp hay ác nghiệp sanh ra thiện quả hay ác quả thì hoàn toàn thuần khiết và đơn giản như một hiện tượng tự nhiên được chi phối bởi luật lệ tự nhiên mà nó tự hành động hoàn toàn công bằng. Nếu Thượng đế có bất cứ thứ gì để làm với nó thì Thượng đế cũng phải hành động theo con đường hay luật tự nhiên. Nguyên nhân đó sanh ra kết quả đó, Thượng đế sẽ không thay đổi con đường tự nhiên bởi sự thương hay ghét của con người.
- Thiện và ác trình bày ở đây, không được định nghĩa bởi bất cứ quy tắc hoặc điều luật nào tạo ra bởi con người, trừ khi quy tắc hoặc luật lệ phù hợp với lẽ tự nhiên. Ví dụ: Đảng Dân chủ Mỹ đầu tiên đưa ra luật cấm phụ nữ không được quyền bầu cử. Ở vào thời đó nhiều phụ nữ an phận cho như vậy là tốt, còn những người khác chống đối cho là xấu. Tuy nhiên, sự phán quyết đó không đúng theo con đường tự nhiên là mọi người đều bình đẳng và chế độ cho các phụ nữ có quyền bầu cử bình đẳng như nam giới, thật đúng đắn. Do đó những người phản đối chế độ bầu cử bất bình đẳng là những hành động tốt vậy.

I. Nghiệp quả quyết định cho việc tái sanh:

Luật nghiệp hay nguyên nhân và kết quả là một sức mạnh chi phối mọi vật trong vũ trụ. Trong kinh Phật, chúng ta có thể tìm thấy nhiều thí dụ nói về nguyên nhân gì sanh ra kết quả gì. Như có người hỏi Phật sau đây:

- Tại sao người đàn bà xấu xí lại giàu có?
- Tại sao người đàn bà đẹp đẽ lại nghèo khó?

- Tại sao một người nghèo khó nhưng lại khỏe mạnh, sống lâu?
- Tại sao một người giàu có nhưng lại bệnh tật chết yểu?

Đức Phật đã trả lời như sau:

- Người đàn bà xấu xí nhưng lại giàu có là kiếp trước họ thường nóng giận nhưng biết bố thí cho kẻ khác và cúng dường Tam Bảo.
- Người đàn bà đẹp nhưng lại nghèo khó là do đời trước họ bòn xén và miễn cưỡng làm việc bố thí nhưng lại thật thà, nói lời dịu ngọt, không làm tổn hại kẻ khác, luôn mỉm cười với mọi người.
- Người nghèo khó nhưng lại khỏe mạnh sống lâu là do kiếp trước họ cứ bòn xén, nhưng hay cứu mạng kẻ khác, không sát sanh.
- Người giàu có, nhưng lại bệnh hoạn, chết yểu là do đời trước họ thường bố thí cho kẻ khác, thích săn bắn, sát sanh, khiến chúng sanh lo sợ vậy.

Sự trả lời của Phật trên đây cho ta thấy nghiệp nhân không đồng trong tiền kiếp sanh ra, nhưng kết quả khác nhau ở hiện tại về hình dáng, tánh tình, sức khỏe, tuổi thọ, trí lực, màu da, chủng tộc, hoàn cảnh địa lý, vận mệnh và quốc gia hơn là nói rằng do tai nạn ngẫu nhiên hay ý muốn của Thượng đế. Một đứa bé nếu không có đời sống trước kia thì Thượng đế sẽ dựa vào đâu trên trái đất này để thưởng phạt nó khi nó được sinh ra trong những hoàn cảnh khác nhau.

II. Nghiệp ảnh hưởng đến người khác và cho kết quả ở đời sống hiện tại, cũng như tương lai:

Theo lời Phật dạy thì nghiệp quả không thể nghĩ bàn được! Nó giống như cây đèn cây chiếu sáng trong căn phòng và sẽ mất đi khi nào bị tắt. Nghiệp có những đặc tính như sau:

- Nghiệp không chỉ ảnh hưởng đến mình làm mà còn ảnh hưởng đến người khác và tùy theo nghiệp lớn nghiệp nhỏ mà quyết định quả báo. Như tục ngữ có câu: “Đời cha ăn mặn đời con khát nước.”
- Hầu hết nghiệp sanh quả báo ngay và ảnh hưởng đến khi nó chấm dứt Tính chất

nghiệp tùy theo lớn nhỏ, quyết định qua báo suốt thời gian, có thể kéo dài trong nhiều năm hoặc không cảm nhận, cho đến khi điều kiện nghiệp khác chín mùi.

Nghiệp có thể kết hợp và tích tụ. Để hiểu rõ điều này, chúng ta có thể nhờ những thí dụ sau đây:

- a. Ông Benjamin Franklin phát minh ra điện và ông Thomas Edison biến điện thành đèn sáng. Hai nhà khoa học này đã làm thay đổi hẳn đời sống con người và ảnh hưởng ngày một lớn rộng hơn.
- b. Quốc hội Úc đã có hành động thay đổi luật thuế, tức khắc sẽ ảnh hưởng đến hàng triệu túi tiền người Úc. Ảnh hưởng này có thể được nhìn thấy rõ ràng qua đời sống của nhiều người Úc đương thời, và họ cũng sẽ gánh chịu cho đời sống tương lai, nếu nhiều người Úc được tái sinh trở lại nước Úc.
- c. Nghiệp kết hợp và tích tụ từ chế độ nô lệ do nhiều người Mỹ dùng, trải qua thời gian dài, đã cho kết quả tạo thành vấn nạn lớn ở Mỹ.
- d. Ông Albert Einstein phát minh ra thuyết nguyên tử và cố gắng nối kết các thành phần trong dự án Manhattan tạo ra những kết quả phức tạp tốt và xấu mà chúng ta có lẽ bắt đầu nhận thấy ý nghĩa phát triển này.

III. So sánh các quả nghiệp lớn nhỏ khác nhau.

Loại so sánh này được tìm thấy rất nhiều trong kinh Phật. Chúng tôi xin đưa ra vài thí dụ để quý vị xác định ý nghĩ riêng mình, làm thế nào có thể tạo ra được quả nghiệp lớn lao hơn:

1. Một ngày nọ, Đức Phật đi trên đường gặp một người ăn xin, không ai dám lại gần họ, theo giai cấp xã hội Ấn Độ thời bấy giờ, Đức Phật không chỉ lại gần thân thiện với ông ta mà còn nhận cho làm đệ tử xuất gia ở trong tăng đoàn. Hành động này đưa đến kết quả chóng đôi khủng khiếp hơn là chấp nhận một vị hoàng tử đi tu.
2. Khi Bồ Đề Đạt Ma đến Trung Hoa ở nước Lương và được vua Lương Võ Đế tiếp kiến. Nhà vua hỏi Bồ Đề Đạt Ma như

sau:

- Tôi tu sửa và xây cất rất nhiều chùa tháp, cúng dường Phật, Pháp, Tăng và làm rất nhiều việc thiện. Vậy tôi có công đức gì không?
- Bồ Đề Đạt Ma trả lời làm cho nhà vua thất vọng:
- Muôn tâu Bệ Hạ, không có gì hết! Ngài không có công đức. Những gì Ngài làm chỉ được phước báo ở thế gian này như giàu có, quyền lực, nhưng trong tương lai còn bị sanh tử luân hồi, không giải thoát được. Ở đây nhà vua lầm về công đức và phước đức. Muốn có công đức tự mình phải thực hành lời Phật dạy, tu tập giới định huệ cho đến khi minh tâm kiến tánh thành Phật mới giải thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi. Nhà vua chỉ làm việc phước thiện nên chỉ được hưởng phước báo ở cõi trời, người.

IV. Nghiệp và ý chí tự do:

Ý chí tự do vẫn còn là nghiệp quả. Như một cô gái không nghe lời cha mẹ, đi lấy một người chồng trẻ tuổi hơn mình quá nhiều. Cô ta cho rằng quyết định của mình là theo ý chí tự do nhưng vẫn chịu dưới luật nghiệp quá khứ cô có liên hệ với người trai trẻ này và cha mẹ của cô ở kiếp trước, nên bây giờ lấy anh ta. Cô cho là hành động theo ý chí tự do, chỉ là ý kiến chủ quan của cô mà thôi. Điều đó cho thấy không có chỗ nào cho ý chí tự do mà không chịu ảnh hưởng của quả nghiệp. Như vậy vận mệnh con người được xác định trước bởi những nghiệp của họ trong quá khứ và con người có cơ hội nào thay đổi nó không? Theo lời Phật dạy thì một khi con người giác ngộ, thấy được bản tánh của mình không còn bị nghiệp quả chi phối, bởi vì trong bản tánh không có cái nghiệp tốt, xấu và không có sự tiếp nhận quả báo chi cả. Một người đã giác ngộ thì từ ý nghĩ, lời nói và việc làm, từ ý chí tự do hay một sự hiển lộ bản tánh và không ảnh hưởng đến nghiệp quá khứ. Trong bản tánh con người có tất cả phẩm chất tốt như từ, bi, hỷ, xả đều là những nghiệp tốt, sanh ra những quả tốt, cho nên suốt quá trình hòa hợp với bản tánh, những phẩm chất tốt này sẽ hiển lộ từ từ như ánh nắng mặt trời chiếu qua đám mây dày đặc tan dần. Sự hiển lộ này là những sản phẩm chân

chánh của ý chí tự do của mỗi con người. Bởi vì ý chí tự do sẽ tạo ra nghiệp tốt và nghiệp tốt sẽ sanh ra quả lành vậy. Một người giác ngộ hoàn toàn thấy tánh thành Phật, không chỉ thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi mà còn đem trí tuệ và lòng từ bi hướng dẫn mọi người đi theo con đường chân chính vậy.

Một người sống sướng hay khổ đều do mình tạo nghiệp xấu hay nghiệp tốt. Trong ba nghiệp: nghiệp thân, nghiệp khẩu và nghiệp ý đứng đầu trong các nghiệp. Khi ta khởi lên ý nghĩ xấu hay tốt thì nghiệp khẩu và nghiệp thân khởi theo sanh ra quả báo lành hay dữ. Do đó, chúng ta phải luôn giữ chánh niệm, để tâm

rõng lạng không vướng bận mọi vật hằng ngày, sẽ được giải thoát yên vui tự tại như thiền sư Tuệ Trung đã dạy:

“Hằng ngày khi đối cảnh; cảnh đều do tâm sanh.

Tâm cảnh đều không tịch, khắp chốn tự viên thành”

(Nguyễn Lang dịch)

Chúng ta giữ được tâm mình thanh tịnh rồi thì khỏi lo sợ con quỷ vô thường đến viếng bất ngờ và khi lâm chung sẽ được an nhiên tự tại vậy./.

Triệu thỉnh các vong hồn

Tánh Không



Đêm thu sương lạnh trăng mờ,
Vong hồn vất vưởng dật dờ đó đây.
Nghe lời triệu thỉnh hôm nay,
Về chùa hưởng thực đêm ngày nghe kinh.
Bao năm trong cõi u minh,
Sống đời đau khổ thiếu tình yêu thương.
Hồn tử sĩ nơi chiến trường,
Thây phơi máu chảy thê lương lệ tràn.
Cô hồn, dạ quỷ lang thang,
Phương trời vô định muôn ngàn khổ đau.
Âm hồn đói khát buồn rầu,
Không nơi nương tựa, biết đâu là nhà!
Oan hồn chất thảm thành ma,
Hoặc bị người giết hoặc là nạn tai.
Xe cộ, thú dữ, máy bay,
Trên non, dưới nước rừng cây khó tìm.
Hồn bị giết, hận quanh năm,
Lập mưu bày kế quyết tâm trả thù.
Nương theo mây khói mịt mù,
Cây to, các chợ những khu miếu đình,
Đêm ngày ra sức rập rình,
Trả xong mối hận lại sinh nghiệp phiền.
Nghiệp báo vay trả triền miên,
Không bao giờ dứt khó yên trong lòng.

*Cuộc đời sắc sắc, không không,
Sắc không, không sắc trong vòng diệt sinh.
Các hồn gắng sức sửa mình,
Lắng lòng hướng Phật thoát sinh Ta bà,
Về cõi Phật A Di Đà,
Sống đời sung sướng thật là bình yên.
Không còn sanh tử nào phiền.
Không còn vướng bận tình duyên Ta bà.
Bao nhiêu nghiệp chướng tạo ra,
Chỉ trong một cái sát na không còn.
Vàng trắng chên chéch đầu non,
Hồn ơi, mau tỉnh, chớ còn ngủ mê!
Cuộc đời nên phải chán chê,
Sống trong giả tạm mà mê làm gì?
Đêm ngày cứ tham sân si,
Trong vòng sanh tử mãi đi luân hồi.*





Vẫn rất sớm là mình

Chúc Thanh

*Bạn có thấy mặt trời chưa thức
Bạn có hay đêm sáng chưa về
Một vì sao giữa thế giới vạn ngàn
Trôi như nước hòa vào giòng biển cả*

*Tôi và bạn có cùng chung bà mẹ:
Không khí tươi trong nguồn năng lượng vô
hình
Sao lại nở phân chia đời cách biệt.*

*Quá khứ xa xăm
Dài như đêm đen giấc ngủ
Hiện thực thời gian
Mênh mông một cõi đi về.*

*Bạn có thấy hơi thở nâng trái tim
Bạn có hay một khúc nhạc giao mùa
Đêm và ngày chưa bao giờ lỗi hẹn
Đôi mắt nai thanh thản với nội ngàn.*

*Xoay chuyển ý
Vòng quay của khổ nạn
Là sóng triều xô đẩy vạn con tim
Vào vũng tối trùng trùng gió nghiệp thổi.*

*Trên sóng nước
Thời gian là điểm lặng
Trong vô cùng
Đâu hiển dấu không gian.*

*Chỉ có bạn
Chỉ có tôi
Chỉ có mọi người
Sao còn lênh đênh kiếp đời vô định.*

*Tỷ tỷ chúng sinh
Tỷ tỷ con người
Có ai bán thời gian
Ôi! Chợ đời còn mở.*

*Một thoáng mình không
Đầy tan vũng tối xám.*

*Một nét cười
Vụn vỡ cả không gian.*

*Một chút trong
Nhuộm trắng cảnh đêm dài.*

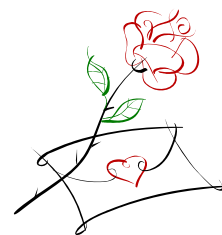
*Một chút huệ
Sáng lên tâm vô lượng.*

*Một chút tình
Băng rã chảy thành sông.*

*Một chút hương
Ngọt lịm giữa đêm trường
Uớp vị đắng nhân gian trong vòng tay ly
viễn.*

*Bạn và tôi
Chúng ta là con người
Vô mình từ quá khứ
Không tỏ hướng tương lai.*

*Quá khứ ôi! Sinh linh vô tận
Tương lai ôi! Vô tận sinh linh
Vẫn rất sớm là mình giữa bao la hiện tại
Một mảnh đời chưa muộn của ngàn sau.*



(tiếp theo)

56. Kiến hoặc Và Trần sa hoặc khác nhau thế nào?

Hỏi: Kiến hoặc, tư hoặc và trần sa hoặc, ba thứ hoặc này giống nhau và khác nhau như thế nào?

Đáp: Ba thứ này có điểm giống nhau và cũng có những điểm khác nhau. Giống nhau ở chỗ, ba thứ này đều là vô minh phiền não, đều có tác dụng làm cho chúng sanh mãi bị trầm luân trong sanh tử. Tuy nhiên, chúng cũng có những điểm khác nhau. Trước hết xin nói sự khác biệt giữa kiến hoặc và tư hoặc, rồi sau mới nói đến khác biệt với trần sa hoặc.

Kiến hoặc là gì? Kiến hoặc là những thứ mê lầm thuộc về Lý. Chúng gồm có 5 thứ: *thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ và giới cấm thủ*. Còn tư hoặc là những thứ mê lầm thuộc về Sự. Chúng cũng gồm có 5 thứ: *tham, sân, si, mạn, nghi*. Gộp chung 10 thứ này là 10 thứ căn bản phiền não. Vì chúng là cội gốc gây ra bao nhiêu sự khổ đau mà con người luôn luôn hứng chịu. Mười thứ này, tuy cũng là gốc phiền não, nhưng cường độ sâu, cạn, hay mạnh, yếu của chúng có khác nhau. Nhà Duy thức chia chúng ra làm hai loại: “*ngũ độn sử và ngũ lợi sử*”.

Đối với 5 món: tham, sân, si, mạn, nghi, hành tướng của chúng rất sâu và mạnh, nên gọi chúng là độn (chậm lụt và khó trừ). Ngược lại, 5 thứ kia: thân kiến, biên kiến... thì hành tướng của chúng yếu hơn, nên gọi là lợi sử. Sử có nghĩa là sai khiến, chúng sai khiến người ta phải làm theo mệnh lệnh của chúng. Đối với 5 thứ trước, hành giả phải tu đến địa vị “*Tu đạo*” mới trừ được. Còn 5 món sau, vì tánh cách mê lý cạn cợt, nên hành giả tu hành đến địa vị “*Kiến đạo*” (thấy rõ chân lý và tin chắc lý nhân quả) thì trừ được chúng.

Nói chung, hai thứ này, khác nhau về cường độ mạnh yếu và hành tướng chậm lụt cũng như nhạy bén có sai khác. Và khi đoạn trừ, cũng có sự khác nhau ở địa vị tu chứng. Đó là đại khái sự khác nhau giữa Kiến, Tư hoặc là như thế.

100

Câu hỏi Phật pháp

PHƯỚC THÁI

Còn đối với trần sa hoặc thì có khác. Bởi trần sa hoặc không phải là thứ phiền não của các vị A la hán. Vì những vị A la hán đã đoạn hết kiến, Tư hoặc, nhưng các ngài bị chướng ngại ở nơi hoặc lậu (phiền não) của chúng sanh. Nghĩa là các ngài thấy phiền não của chúng sanh nhiều như là cát bụi (trần sa). Do đó, các ngài không dám ra độ sanh như các vị Bồ tát. Như vậy, sự khác biệt giữa kiến, Tư hoặc và trần sa hoặc là như thế.

57. Thọ Tam quy không sanh về cảnh giới ác...

Hỏi: Trong kinh nói: *quy y Phật bất đọa địa ngục, quy y Pháp bất đọa ngã quỷ, quy y Tăng bất đọa bàng sanh. Người Phật tử sau khi quy y, không còn đọa vào các loài này nữa, tức không đọa vào Tam đồ, tất nhiên sẽ sanh vào cảnh giới an vui. Như thế, thì tại sao người Phật tử sau khi chết lại thỉnh chư Tăng Ni tụng kinh cầu siêu? Như vậy có chống trái hay không?*

Đáp: Thật ra không có gì là chống trái. Trong kinh nói về Tam quy y ở trên, không có nghĩa là ám chỉ cho con người sau khi chết mới không bị sa đọa. Nếu chúng ta hiểu như thế, mới là chống trái lại với ý kinh. Kinh nói rất rõ. Muốn hiểu được nghĩa lý trên, chúng ta cần phải hiểu rõ về ý nghĩa của từng câu một.

Tại sao quy y Phật không đọa vào địa ngục? Quy y có nghĩa là trở về nương tựa, còn Phật nghĩa là giác ngộ, sáng suốt. Như vậy quy y Phật, nghĩa là trở về nương tựa với một bậc giác ngộ sáng suốt. Qua câu này, nếu chúng ta chỉ hiểu đơn sơ ở phần sự tướng bề ngoài, thì không đúng. Bởi vì, hiện tại có lắm người sau khi quy y Tam Bảo rồi, họ tạo nghiệp bất thiện như cướp của, giết người v.v... Họ lại bị

bất nhốt trong lao ngục. Như thế, thì ta thử hỏi tại sao họ đã quy y Tam Bảo rồi mà họ còn phải bị đọa như vậy? Đó có phải là vì họ chỉ quy y suông, chớ họ không có gìn giữ giới cấm hay thật sự trở về với Phật.

Một người, sau khi quy y Tam Bảo, chỉ cần biết nương theo Tam Bảo thế gian, rồi cố gắng làm lành theo những lời Phật dạy, thì làm gì có xảy ra cảnh tù tội giam cầm. Đó là nói quy y theo nghĩa cạn cợt hình tướng mà còn được lợi ích như thế, hà tất gì quy y ở nơi phần lý tánh. Cho nên, người Phật tử khi quy y phải biết quy y có hai phần: “*Sự quy y và Lý quy y*”.

Ý nghĩa trong kinh nói về Tam quy ở trên, không phải nói về Sự quy y mà nói về Lý quy y. Lý quy y là sao? Lý là lý thể, tức chỉ cho phần tánh giác sáng suốt của mỗi người sẵn có. Mỗi người chỉ cần trở về nương tựa (đấy là một cách nói theo ngôn ngữ) với tánh giác sáng suốt, thì làm gì có rơi vào địa ngục. Bởi địa ngục là nơi tối tăm (nghĩa đen) nghĩa bóng là chỉ cho tâm hồn của chúng ta bị phiền não cấu nhiễm nổi lên làm bức bách khó chịu. Đó là trạng thái bị rơi vào địa ngục. Hễ có tối tăm, thì không có sáng suốt, hay ngược lại cũng thế.

Còn ngựa quỉ là loài quỉ đói, do nhân bòn xén mà có ra cái quả đau khổ đó. Nếu một người đã thật sự trở về nương tựa với chánh pháp, với tánh thể bình đẳng, trải rộng lòng từ bi thương yêu muôn loài, không có tâm keo kiệt bòn xén, luôn giúp đỡ cho mọi người thoát khổ được vui. Người có tâm như thế, thì làm gì đọa vào loài quỉ đói.

Còn súc sanh cũng thế, một tâm hồn si mê u tối, sống không có luân thường đạo đức, không phân biệt phải trái, tốt xấu, hành động càn bướng, đó là nếp sống của loài súc sanh. Ngược lại, người có tâm hồn sáng suốt thanh tịnh, sống theo chân lý, không chút tà tâm sái quấy, thì làm gì đọa vào súc sanh hay bàng sanh.

Nói tóm lại, người Phật tử đã thật sự quy y Tam bảo cả Sự lẫn Lý, đúng theo ý nghĩa quy y, thì bảo đảm người đó hiện đời sẽ không đọa vào tam đồ ác đạo như đã nói ở trên. Đã thế,

thì sau khi họ chết, có cầu siêu hay không, không thành vấn đề. Vì hiện đời họ đã siêu rồi, tức họ đã vượt qua cảnh giới khổ đau rồi. Nhân đã như thế, thì quả cũng phải như thế. Không thể quả trái ngược lại nhân. Cho nên việc cầu siêu đó, chẳng qua làm theo lệ thường tình mà thôi. Như vậy, có cũng tốt mà không có cũng chẳng sao. Hiểu như vậy, thì không có gì là chống trái cả.

58. Tụng Kinh cầu siêu có thật sự siêu hay không?

Hỏi: *Việc tụng kinh cầu siêu cho người chết có thật sự siêu hay không?*

Đáp: Vấn đề này, thú thật chúng tôi không thể nào trả lời một cách quả quyết dứt khoát được. Bởi không thấy, không biết, thì làm sao dám nói quả quyết. Tuy nhiên, theo chỗ học hiểu của chúng tôi, thì người Phật tử hay không phải Phật tử, tốt hơn hết là mình nên cầu siêu cho chính mình lúc còn sống.

Cầu siêu lúc còn sống là sao? Bởi vì hai chữ cầu siêu, nó có nghĩa là mong mỏi vượt qua mọi khổ đau. Nhưng nếu chúng ta chỉ cầu siêu suông bằng cách nói như thế, thì ngàn đời cũng không thể nào vượt qua khỏi khổ đau được. Muốn vượt qua khỏi khổ đau, thì chúng ta cần phải tu. Nghĩa là chúng ta cần phải làm lành lánh dữ. Điều gì xấu ác, không lợi cho bản thân và tha nhân, thì chúng ta quyết định không làm. Như người Phật tử, sau khi quy y thọ ngũ giới rồi, quyết tâm gìn giữ không phạm, được thế, thì hiện đời đã siêu rồi, còn nói gì đến đời sau. Ngược lại, điều xấu ác luôn làm, thì làm sao tránh khỏi quả báo khổ đau.

Có người vì quá tham lam, sân hận, gây ra thảm cảnh cướp của giết người. Có người vì nghiện ngập cờ bạc, rượu chè say sưa, hút xách, không kiềm chế được tánh xấu, nên đã gây ra nhiều tội phạm, bị pháp luật trừng trị hình phạt tương xứng theo nhân mà họ đã gây tạo, như bị đánh đập tra khảo tù đầy v.v...

Như thế, thì làm sao chúng ta có thể cầu cho người đó siêu được? Không thể người này ăn, người khác lại no, hay người này học, người

kia biết chữ. Làm gì có chuyện ngược đời như thế. Như vậy là phản với luật nhân quả. Cũng thế, khi một người tạo tội đã bị giam cầm hình phạt, thì ta không thể tối ngày cầu nguyện nói rằng: Xin cho người đó hết tội! xin cho người đó hết tội!

Thử hỏi cầu nguyện như thế người đó có hết tội hay không? Hay là chính do người đó phải cái hồi ăn năn qua những hành động mình đã làm và phải thể hiện những hành động cụ thể cho người có trách nhiệm trông coi mình, biết mình có thật tâm cải thiện. Chừng đó, người ta mới xét đến mà ân xá hoặc tha cho.

Còn những lời cầu nguyện van xin kia, chỉ có tánh cách giúp cho tội nhân kia cảm động mà hồi tâm cải ác tùng thiện, cải tà quy chánh, chuyển đổi ở nơi tâm thức và hành động. Chớ nó không có một thần lực nào cứu vớt người đó khỏi tội được. Như vậy, việc cầu siêu chỉ là một trợ duyên thôi. Tất cả đều tùy thuộc vào đương sự. Khổ vui chính do người đó tự quyết định lấy.

Hiểu theo ý nghĩa cầu siêu như thế, thì người Phật tử không còn ý lại vào chư Tăng, Ni tụng kinh cầu siêu nữa. Bởi thực tế, thì chư Tăng Ni cũng phải cầu siêu cho chính họ. Và khi tụng thì tụng theo xưa bầy nay làm, chớ thật sự không có một vị Tăng Ni nào dám quả quyết là siêu hay không siêu. Vì có thấy biết đâu mà dám nói càn. Thực tế là như thế.

Tóm lại, tự mỗi người phải lo tu, đừng bao giờ ý lại vào bất cứ ai kể cả Phật, Bồ tát, vì các Ngài cũng không thể cứu vớt chúng ta, bằng thần lực hay đưa tay cứu khổ. Các Ngài chỉ cứu khổ cho chúng sanh bằng cách chỉ dạy qua những lời được kết tập trong kinh điển. Nếu chúng ta y cứ vào đó mà hành trì, thì đó là chính ta tự cứu lấy ta vậy. Và như thế mới là thượng sách và mới đúng với ý nghĩa cầu siêu. Bằng ngược lại, thì chúng ta sẽ chuốc khổ dài dài đi mãi trong vòng luân hồi khổ đau bất tận. Kính mong mọi người nên tự xét lấy!

59. Giản biệt giữa tu phước và tu huệ.

Hỏi: Xin giản biệt giữa tu phước và tu huệ

khác nhau như thế nào ?

Đáp: Tu phước và tu huệ khác nhau trên ý niệm và trên kết quả. Thế nào khác nhau trên ý niệm? Như chúng ta thấy một người nghèo khổ, động lòng từ bi, chúng ta tìm cách giúp đỡ cho họ. Từ đó, chúng ta bố thí cho họ tiền bạc, của cải v.v... để cho họ được no cơm ấm áo. Đó là chúng ta khởi niệm tu phước.

Còn khởi niệm tu huệ là sao? Khi chúng ta khởi nghĩ đi đến chùa để học hỏi nghe giáo lý Phật dạy, liền đó chúng ta đi ngay. Và khi đến chùa, chúng ta vào lớp học để nghe quý thầy giảng dạy. Trong khi nghe, chúng ta chăm chú nghe từng lời nói của vị giảng sư rồi chúng ta suy nghĩ thật chính chắn qua từng lời nói, sau đó, chúng ta đem ra ứng dụng thật hành để được lợi lạc cho bản thân ta.

Như vậy, giữa hai ý niệm khác nhau, một đằng là chúng ta khởi niệm muốn giúp đỡ người khác để chúng ta được có phước. Ngược lại, đằng này, chúng ta khởi nghĩ học hỏi chánh pháp để trau dồi trí năng của chúng ta, ngày thêm được sáng suốt hơn. Như vậy, rõ ràng có sự khác biệt ở nơi cái nhân của Ý Niệm. Và khi kết quả cũng có khác nhau. Kết quả của sự bố thí, cúng dường, thì chúng ta hưởng được phước báo giàu sang, an vui. Ngược lại, kết quả của sự trau dồi học hỏi qua 3 phương pháp: “*Văn huệ, Tư huệ và Tu huệ*”, kết quả, chúng ta sẽ được trí huệ sáng suốt.

Như thế, tu phước, thì xuất phát từ lòng từ bi, vì có thương người, thương vật nên chúng ta mới thi ân giúp đỡ. Còn tu huệ, thì xuất phát từ lý trí, biện biệt được lẽ chánh tà chân ngụy. Trong kinh Phật dạy, người Phật tử cần phải gia công tu tập cả hai: “*Phước trí lưỡng toàn mới phương tác Phật*”. Chúng ta không nên chỉ tu nghiêng một bên. Nếu chỉ đặt nặng một bên, thì chẳng những không đạt được kết quả tốt đẹp lợi lạc, mà còn gây ra nhiều tai hại nữa. Nếu chỉ có từ bi mà không có trí huệ đi kèm, thì từ bi đó dễ trở thành mù quáng. Ngược lại, chỉ có biết tu huệ không thôi, thì đó là trí huệ khô, chẳng làm lợi lạc cho ai. Vì vậy, người Phật tử cần phải tu hết cả hai vậy.

(còn tiếp)

Lễ Chúc Thọ quý bác Liên hữu cao niên

thuộc CỤC LẠC LIÊN HỮU PHƯỚC HUỆ ĐẠO TRÀNG



Tên tinh thần xây dựng và phát triển Đạo Tràng ngày càng vững mạnh cũng như tạo thêm niềm vui, niềm tin yêu, gắn bó giữa các bạn đạo cùng gia đình, thân hữu... Vừa qua, được sự cho phép của Hòa Thượng Trưởng lão Thích Phước Huệ, một buổi lễ Chúc Thọ dành cho quý bác hội viên cao niên thuộc Cục Lạc Liên Hữu Phước Huệ Đạo Tràng đã được trang trọng tổ chức tại hội trường chùa Phước Huệ vào chiều chủ nhật 10/7/2011.

Hội trường được trang trí với những chiếc đèn lồng đỏ thắm, những lẵng hoa tươi, những dãy bàn dài phủ khăn xanh tươm tất bao quanh... và đặc biệt nhất là bàn dành cho quý liên hữu cao niên - những vị được vinh hạnh nhận lời chúc thọ hôm nay - với câu “Chúc Mừng Thượng Thọ” kèm giữa hai lẵng hoa rực rỡ.

Quý bác đã hiện diện trước toàn thể chư Tăng Ni, quý liên hữu Đạo Tràng, quý Phật tử cùng con cháu trong gia đình ... với những bộ áo dài kim tuyến “lộng lẫy” so với tuổi tác (!); trông sắc diện hồng hào, tươi vui của quý bác, ai nấy cũng đều hiểu được niềm hân hoan, hãnh diện của quý bác trong buổi lễ mừng thọ như thế này.

Một chiếc bàn vuông lớn được kê ngay giữa phòng dùng để đặt chiếc bánh sinh nhật ba tầng rất đẹp; chung quanh là những khay bánh ngọt, trái cây, trà nước... được trình bày tươm tất, đẹp mắt.

Tất cả đang hứa hẹn cho một buổi liên hoan sinh nhật đặc biệt, được tổ chức lần đầu tiên tại chùa Phước Huệ dành cho quý thành viên thuộc Cục Lạc Liên Hữu Phước Huệ Đạo Tràng.

Bốn vị được vinh dự ngồi tại bàn mừng thọ là:

- Phật tử Trần thị Lan, pháp danh Diệu An, 88 tuổi.
- Phật tử Trương thị Bắc, pháp danh Diệu Hạnh, 85 tuổi.
- Phật tử Hàn thị Trí, pháp danh Diệu Minh, 85 tuổi.
- Phật tử Nguyễn thị Nô, pháp danh Diệu Quả, 83 tuổi.

Tham dự buổi lễ có:

- Đại Đức Thích Phước Thái: Trưởng ban tổ chức.
- Đại Đức Thích Phước Đạt: Phó ban tổ chức.
- Đại Đức Thích Phước Viên: Phó ban tổ chức.
- Chư Tăng, Ni chùa Phước Huệ.
- Toàn thể liên hữu Đạo Tràng Phước Huệ
- Quý Phật tử, quý thân hữu và con cháu của bốn vị được mừng thọ.
- Quan trọng hơn cả là sự hiện diện để chứng minh cho buổi lễ là Hòa Thượng Tông Trưởng – Liên Trưởng Cục Lạc Liên Hữu Phước Huệ Đạo Tràng - thượng Phước hạ Huệ.

Sau phần niệm Phật cầu gia bị, toàn thể cử tọa đã lắng lòng thương thức bài hát “Lòng Mẹ” qua giọng hát ngọt ngào, điêu luyện của Phật tử liên hữu Hạnh Thông.

Được biết bốn vị liên hữu cao tuổi được vinh danh hôm nay chính là những Phật tử tại gia đã quy y Tam Bảo, đã gia nhập Liên Hữu Phước Huệ Đạo Tràng từ lâu; chuyên cần niệm Phật công cứ theo sự chỉ giáo của Hòa Thượng Liên Trưởng; tinh tấn chuyên cần thọ Bát Quan Trai Giới, thường xuyên



Mén chúc quý Liên hữu tăng phước, tăng thọ, tinh tấn niệm Phật cầu sanh Tịnh độ

về chùa làm công quả cùng con cháu... Đây chính là những lý do quan trọng mà Hòa Thượng Liên Trưởng và quý Thầy trong ban tổ chức đã không ngại thời gian, công sức để dành cho quý bác niềm vinh hạnh hôm nay.

Niềm vinh hạnh đã được thể hiện qua phần chào mừng vòng hoa chúc thọ của Hòa Thượng Tông Trưởng cho từng vị cao niên trong tiếng vỗ tay vang dội hội trường.

Trong vai trò Trưởng ban tổ chức, Đại Đức Thích Phước Thái đã thay mặt toàn thể đạo tràng bái tạ Hòa Thượng Tông Trưởng đã cho phép tổ chức buổi lễ đồng thời khen ngợi bốn liên hữu cao niên về tinh thần tu học.

Qua đó, Thầy cũng nhấn mạnh đến những nhân duyên từ kiếp trước cũng như những thiện duyên trong hiện đời của bốn vị liên hữu có tuổi đời trên 80 mà vẫn còn minh mẫn. Đây không phải là sự ngẫu nhiên mà là cả một quá trình biết tu hành, ăn chay niệm Phật, không sát sanh, không hại người... Thế mới hay câu nói của người xưa: “Nhân sanh thất thập cổ lai hi” đã không còn mang ý nghĩa tuyệt đối nữa!

Ngoài ra, Đại Đức Thích Phước Thái đã

không quên nhắc nhở toàn thể liên hữu nên tinh tấn tu học đồng thời nhấn mạnh đến việc sinh hoạt mừng thọ trên 80 tuổi sẽ được tổ chức thường niên dành cho tất cả quý liên viên đã tham gia tu học cùng đạo tràng ít nhất là phải trải qua thời gian 5 năm.

Tiếp theo, Đại Đức Thích Phước Đạt, đại diện Ban Điều Hành Cục Lạc Liên Hữu Phước Huệ Đạo Tràng đã nói lời tri ân lên Hòa Thượng Tông Trưởng; cảm ơn Đại Đức Thích Phước Thái đã toàn tâm toàn ý dẫn dắt đạo tràng ngày một thăng tiến.

“...Đầy đủ phước duyên đắc sanh cực lạc” là lời chúc mừng cô đọng của Đại Đức Thích Phước Đạt dành riêng cho bốn vị cao tuổi.

Đại Đức cũng không quên nhắc nhở con cháu của bốn vị về sự may mắn mà gia đình đã có được một người bà, một người mẹ với đầy đủ phước duyên tu hành, cuộc sống đạo hạnh... và đừng nên quên rằng “Hiếu đạo là Pháp tu cao nhất”.

Cùng chia sẻ niềm vui với bốn vị liên hữu cao tuổi, chị Pháp Âm – đại diện ban Lãnh Chúng – và một liên viên đã bộc bạch lòng biết ơn của toàn thể đạo tràng đối với sự

quan tâm của Hòa Thượng Liên Trường, của quý Thầy, của Đại Đức Thích Phước Thái đã tổ chức buổi lễ mừng thọ cho quý liên hữu trên 80 tuổi.

Các chị cũng tự hứa sẽ dốc lòng theo gương của quý bác trong việc tu học và nhất là để được... sống thọ như quý bác!

Về phía gia đình quý bác, anh Minh Khánh, đại diện toàn thể con cháu đã bày tỏ những cảm xúc rất thật, rất chân tình của một chàng rể, một cậu con trai đối với các bậc sinh thành.

Anh đã không ngần ngại nói lên những khó chịu, bực dọc rất thường xảy ra đối với riêng anh khi phải săn sóc cho cha mẹ ruột cũng như cha mẹ của người phối ngẫu... Chính nhờ tận mắt nhìn thấy những quan tâm chăm sóc cũng như tận tai nghe được những lời ca ngợi của đạo tràng trong buổi lễ mừng thọ dành cho nhạc mẫu của mình ngay tại hội trường chùa Phước Huệ mà anh đã nhận ra được vị trí của người mẹ; nhận ra những sai trái thường xuyên mà mình đã đối đãi với mẹ trong nhiều năm qua...

Trong sự im lặng có chen lẫn những dòng nước mắt đau vội của cử tọa, anh đã chân thành xin lỗi mẹ về những lời nói, những hành động trong quá khứ và hứa từ nay về sau sẽ quan tâm chăm sóc mẹ với tất cả tấm lòng.

Sau đó, bác Trương thị Bắc (pháp danh Diệu Hạnh/ 85 tuổi), đã đại diện cho cả bốn vị cao tuổi, bày tỏ tình cảm của mình bằng một âm sắc rõ ràng, mạch lạc của một vị... trung niên!: "...Vô cùng cảm xúc trước tình cảm của Hòa Thượng, của quý Thầy, quý Sư cô và quý bạn Đạo. Đây quả thật là một ngày khó quên trong đời. Xin được gửi lời cảm ơn sâu sắc đến tất cả quý vị đã bỏ thời gian quý báu để về chùa dự buổi lễ mừng thọ này..."

Chương trình được tiếp tục với phần ban Đạo Từ của Hòa Thượng Liên Trường:

Hòa Thượng nhắc lại những ngày đầu mới thành lập đạo tràng ở cơ sở Hamilton Fairfield, những danh tính, những khuôn mặt đầu tiên nay đã không còn... Từ đó cho đến nay, qua bao thăng trầm, đạo tràng ngày một ổn định hơn, có cơ cấu tổ chức vững vàng hơn với sự hướng dẫn của Thầy Thích Phước Thái.

Trên tinh thần "Sống gửi, thác về" Hòa Thượng đã khuyến khích các Phật tử nên gia nhập đạo tràng để cùng nhau tu học, cùng nhau tinh tấn niệm Phật để vãng sanh Cực Lạc.

Hòa Thượng cũng đã vui vẻ chúc quý bác sống lâu trăm tuổi trước khi trao tận tay từng vị những tấm thiệp chúc mừng thượng thọ xinh xắn.

Hội trường như khởi sắc hẳn lên ngay sau đó với chương trình tặng quà của các con cháu quý bác: Những gói quà xinh đẹp với nhiều màu sắc, hình dáng khác nhau; những bó hoa tươi, những tiếng nói cười hạnh phúc, những nụ hôn tràn đầy tình thương yêu của con cháu... đã vây quanh các bác trong khúc ca "Mừng Thượng Thọ" vang vang... đã thật sự tạo thành một không gian gia đình ấm cúng, một không gian hòa quyện giữa Đạo và Đời, giữa gia đình và đạo tràng, giữa tình gia tộc và tình đồng Đạo...

Có lẽ tất cả mọi người hiện diện trong hội trường lúc bấy giờ đều cảm nhận được những điều trên và thầm cảm ơn Hòa Thượng Tông Trưởng, cảm ơn quý Thầy - đặc biệt là Thầy Thích Phước Thái (Trưởng ban tổ chức), cảm ơn quý Sư Cô, cảm ơn tất cả những thành viên của Đạo Tràng Phước Huệ đã làm nên buổi lễ Mừng Thọ cho quý liên hữu trên 80 tuổi hôm nay.

Chương trình được tiếp tục với phần cắt

bánh sinh nhật vừa nghiêm trang vừa rộn ràng trong ánh sáng lung linh của những cây nến mang hình những con số: 88, 85, 85 và 83 được cắm trên cả ba tầng của chiếc bánh.

Tiếp theo sau Hòa Thượng, quý bác được mừng thọ lần lượt cắt bánh trong những ánh chớp liên tục của nhiều máy ảnh từ các nhiếp ảnh gia... nhà vườn!

Câu hát “Tình bạn sen luôn dạt dào...” được hát vang trong hội trường vào lúc này thật phù hợp khi mà toàn thể đạo tràng đều đứng lên, nối tiếp nhau, lần lượt cắt chiếc bánh cho một niềm vui chung của những người bạn Đạo.

Thật là thiếu sót nếu chúng ta không ghi lại âm sắc của những tiết mục văn nghệ công phu, tuyệt vời của quý liên hữu trong Đạo Tràng cũng như cặp nghệ sĩ Thu Vân-Quốc Dũng đã cống hiến cho buổi liên hoan mừng thượng thọ dành cho quý Phật tử cao niên hôm nay: Những câu hát ngợi ca tình mẹ ngọt ngào, những điệu múa uyển chuyển của “tiên nữ giáng trần” mang theo những tặng vật “trường sinh bất lão”, ưu ái chúc thọ quý bạn Đạo lão niên trong Đạo Tràng.

Những câu hát về tình đồng Đạo; những lời thơ ca ngợi tình mẹ ...do chính Đại Đức Thích Phước Thái biên soạn cũng đã được trình bày rất công phu trong dịp này.

Bên cạnh đó, thật bất ngờ cho đại chúng là sự xuất hiện của hai “ngôi sao mới” Giác Tâm và Diệu Thanh trong việc điều khiển chương trình một cách duyên dáng, lưu loát, suông sẻ và rất...nhà nghề! Các bạn đã góp phần tạo nên sự thành công của buổi lễ Mừng Thọ dành riêng cho quý liên hữu Đạo Tràng Phước Huệ.

“...Cuộc vui nào rồi cũng phải chấm dứt...”, với tất cả niềm hoan hỉ, Đại Đức

Thích Phước Thái, thêm một lần nữa, bày tỏ lòng tri ân đối với Hòa Thượng Liên Trường; cảm ơn sự hiện diện của quý Tăng Ni, cảm ơn toàn thể Phật tử trong và ngoài Đạo Tràng cùng toàn thể thân quyến, bạn Đạo đã cùng ngồi lại bên nhau, cùng chia sẻ niềm vui thuần khiết với quý liên viên thuộc Cục Lạc Liên Hữu Phước Huệ Đạo Tràng.

Không ai bảo ai nhưng có lẽ trong lòng mỗi người đều bất chợt có suy nghĩ: “...rồi cũng đến phiên mình được mừng thọ như quý bác chiều nay!...”

Điều này cũng mang ý nghĩa như một chiếc cầu nối, dẫn dắt giới trẻ - các con cháu - vào chùa, làm quen với nếp sống Đạo; bởi có tận mắt nhìn thấy sinh hoạt của quý bậc phụ huynh tại chùa cũng như những tấm tình đồng Đạo dành cho phụ huynh của mình thì thế hệ con cháu mới thật sự suy nghĩ cũng như đặt lại vấn đề cho bản thân: Tu học theo gương của ông, bà, cha, mẹ... Và đây cũng chính là tâm nguyện của Đại Đức Thích Phước Thái khi lần đầu tiên - nhân duyên hội đủ - tổ chức Lễ Mừng Thọ cho quý liên viên thuộc Cục Lạc Liên Hữu Phước Huệ Đạo Tràng.

Thầy đã thổi một làn gió mới - làn gió hoan hỉ - vào nếp sinh hoạt của thế hệ nối tiếp dưới mái chùa Phước Huệ.

Ban Tin Tức



LTS: Mùa an cư năm nay 2011, Hòa Thượng Viện Chủ vì thương hàng hậu học, nên không quản tuổi cao, sức khỏe kém, thời tiết mùa đông lạnh lẽo mà phát tâm giảng dạy bộ Kinh Lăng Nghiêm. Để chứng minh cái học mà có hiểu biết của học viên, Hòa Thượng cho làm bài khảo sát với đề tài: “Thất Xứ Trung Tâm” để Hòa Thượng thấy chỗ còn yếu kém mà chỉ điểm thêm. Để chia sẻ một phần hiểu biết ý nghĩa cao siêu của Phật đã giảng dạy trong kinh và với tinh thần cầu học, chúng tôi chọn hai bài trong số các bài làm, đăng trong số báo này. Kính chúc các bậc đồng học, đồng tu được thâm nhập kinh tạng trong việc tu học Đại thừa Phật giáo. Nam mô A Di Đà Phật.

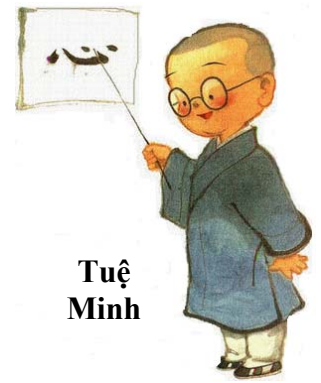
Kinh Lăng Nghiêm có mười quyển, là một bộ kinh Đại Thừa, do Phật dạy phép tu chánh định. Phật đã dùng triết học, khoa học và nhân minh học để giảng dạy bộ kinh này.

Nhân ngày kỵ phụ vương, Vua Ba Tư Nặc thỉnh Phật thọ trai. Hôm ấy, Ngài A Nan đã được biệt thỉnh trước, không về kịp nên không được dự hàng trai chúng. Vì vậy, Ngài ôm bình bát đi vào thành tuần tự khát thực một mình. A Nan bị dâm nữ Ma Đẳng Già dùng tà chú Ta Ti Ca La Tiên Phạm Thiên, bắt vào phòng dâm, làm cho Ngài gần bị phá giới thể. Phật biết A Nan mắc nạn, cho nên dùng trai xong Phật liền về tinh xá. Khi ấy nơi đỉnh đầu Phật phóng mười đạo hào quang, trong hào quang có hóa Phật ngồi kiết già trên hoa sen, đọc bài thân chú. Phật bảo Ngài Văn Thù mang thân chú này đến cứu A Nan. Ngài A Nan khi về đến tinh xá, khóc lóc, cầu xin Phật chỉ dạy cho pháp tu Chánh Định để tiến đến quả Bồ Đề của mười phương các Đức Như Lai.

Phật liền hỏi A Nan:

- “Ở trong giáo pháp của ta, ông thấy gì mà phát tâm xuất gia?”
- “Con thấy Phật có ba mươi hai tướng tốt, thân tướng quang minh như vàng sáng

Thất xứ trung Tâm



Tuệ Minh

chói, do công đức xuất gia tu hành nhiều kiếp của Phật, không do ái dục sinh ra, con quý trọng công hạnh của Phật, nên nguyện cắt tóc theo Phật.”

- “Ông lấy cái gì để thấy, do đâu mà sanh tâm ưa mến và lấy cái gì để cảm nhận?”
- “Thưa Thế Tôn, con dùng tâm và con mắt. Mắt nhìn thấy tướng tốt và tâm sinh ưa mến.”
- “Tâm và con mắt của người hiện ở chỗ nào?”

1) A Nan bạch: **Tâm ở trong thân** vì tất cả chúng sanh đều cho là như vậy.

- Phật dạy: Phật dùng thí dụ thấy thứ lớp như A Nan đang ở trong giảng đường, trước thấy Phật rồi đại chúng, nhìn qua cửa mới thấy vườn, rừng. Nếu tâm ở trong thân, tại sao không thấy, biết rõ vật trong thân?

2) A Nan bạch: **Tâm ở ngoài thân**. Tâm chỉ thấy ngoài thân, giống như ngọn đèn sáng ở ngoài nhà, chỉ soi sáng bên ngoài, không soi sáng trong nhà.

- Phật dạy: Phật dùng thí dụ một người ăn, người khác không no. Nếu tâm ở ngoài thân, thì thân tâm riêng biệt, sao Phật giơ tay, mắt thấy, tâm liền biết.

3) A Nan bạch: **Tâm núp trong con mắt**, thí dụ như một người úp chén lưu ly lên hai mắt, mắt vẫn thấy ngoại cảnh, không bị ngăn ngại. Con mắt giống như chén lưu ly, vì thế, mắt thấy, tâm liền biết.

- Phật dạy : Phật hỏi một người dùng chén lưu ly úp trên mắt, khi xem ngoại cảnh, mắt vẫn thấy chén lưu ly. Nếu tâm núp sau con mắt, tại sao khi thấy ngoại cảnh, tâm không thấy con mắt? Nếu tâm thấy con mắt, thì con mắt là ngoại cảnh, làm sao mắt thấy, tâm liền biết?

4) A Nan bạch: **Tâm ở cả trong lẫn ngoài thân**

Ngoài thân sáng, nên mở mắt thấy sáng gọi là thấy ngoài. Trong thân tối, nên nhắm mắt thấy tối gọi là thấy trong.

- Phật dạy: Khi nhắm mắt thấy tối, cái tối ở trước mắt, tức ở ngoài, nên không ở trong được. Ở trong nhà tối cũng thấy tối, nếu cái tối trước mắt ở trong thân, thì đồ vật trong nhà tối cũng đều là phủ tạng hay sao? Nếu con mắt đối vào trong mà thấy, sao con mắt nhìn vào trong thân không thấy mặt? Nếu thấy được mặt, thì tâm và mắt không ở trong thân. Nếu mắt ở ngoài thân, thì mắt biết, thân không thể biết.

5) A Nan bạch : **Tâm tùy chỗ hòa hợp**, tùy sự suy nghĩ hợp với chỗ nào, Tâm liền theo đó mà có.

- Phật dạy:
 - a) Tâm không có thực thể, không tùy hợp được, thí dụ giới thứ 19 không hợp với trần thứ 7.

b) Nếu tâm có thực thể, thì khi lấy tay gãi mình, nếu cái tâm biết gãi ở trong thân, đã thấy trong, nếu từ ngoài vào, tâm phải thấy mặt trước. Nếu tâm có thực thể, thì tâm có một hay nhiều thể?

Nghĩa một thể không vững, vì khi tay gãi một chỗ, tất cả chỗ trên thân không cùng có cảm giác và nếu biết có chỗ gãi thì không phải là một thể.

Nghĩa nhiều thể, thành ra có nhiều người. Nếu cho khắp cả mình cũng không vững vì khi gãi, biết có chỗ gãi. Nếu cho không khắp cả mình, thì tại sao khi sờ chân và

đầu cùng lúc, chân và đầu đều cùng biết.

6) A Nan bạch : **Tâm ở giữa**. Thân tâm biết nhau, nên tâm không thể ở ngoài. Tâm không biết trong nên không thể ở trong.

- Phật dạy: Phật hỏi chặng giữa ở chỗ nào “thân” hay “cảnh”, “căn” hay “trần”?

Nếu ở thân, tức ở một bên. Nếu ở giữa thân, đồng nghĩa với ở trong thân.

Nếu ở cảnh thì không định được chỗ. Nếu định được chỗ, thì chỗ nào là chặng giữa?

Nếu tâm gồm căn và trần thì thể và vật có tính khác nhau nên không có giữa. Nếu tâm không gồm căn và trần thì không có thể tính, tức không có giữa.

7) A Nan bạch: **Tâm không dính mắc**, cái không dính mắc, phân biệt là tâm.

- Phật dạy: Đã không có sự vật thì nương đâu mà gọi là mắc. Đã có sự vật. Đã có “không phải không có” thì là có tướng. Có tướng là có chỗ ở.

A Nan xuất gia vì thấy tướng tốt của Phật, không phải vì ngộ chân lý giải thoát cao siêu. Đó là cái thấy hình tướng bên ngoài. Phật thấy như vậy là sai lầm.

Phật muốn phá chỗ chấp của A Nan. Phật đặt câu hỏi, bắt đầu từ nguyên nhân nào A Nan xuất gia. Phật theo chỗ chấp của A Nan mà phá chấp, giúp A Nan nhận ra trí biết hay vọng thức không phải là chơn tâm.

Phật phá cái chấp của A Nan qua ba giai đoạn:

- a. Gián tiếp giúp A Nan tự hiểu vọng thức không có xứ sở.
- b. Phật chỉ vọng thức không phải là chơn tâm.
- c. Phật phá vọng thức không có thực.

Phật giúp A Nan tự phá cái chấp của mình rồi sau Phật mới dạy chân lý.

Duyên khởi: A Nan mắc nạn Ma Đăng Già, câu Phật dạy phép tu vào chính định

Phật

Thấy chúng sinh bị luân hồi vì dùng tâm phan duyên, bảm chấp vào ý thức và nhận lầm đó là chơn tâm. Phật phá cái chấp của A Nan và giúp A Nan tự hiểu căn bản đó.

Phật phá chấp

Phật đặt câu hỏi, tùy theo chỗ hiểu và chấp của A Nan mà phá chấp.

A Nan xin Phật dạy cách tu Xa Ma Tha.

Phật dạy

Phật dạy có hai căn bản:
1) Tâm vô thi bỏ đề Niết Bàn vốn trong sạch, sáng suốt là tánh bản minh (chơn).
2) Tâm vô thi sanh từ căn bản duyên theo phân biệt pháp trần không phải là tâm (vọng).

Thất Xứ Trung Tâm

A Nan bạch

Phật dạy

- | | |
|----------------------------------|---|
| 1. Tâm ở trong thân | Thí dụ như trong giảng đường, thấy Phật, đại chúng, nhìn qua cửa mới thấy vườn, rừng. Nếu tâm ở trong thân, tại sao không thấy, biết rõ vật trong thân? |
| 2. Tâm ở ngoài thân | Thân tâm riêng biệt, sao Phật giơ tay, mắt thấy, tâm liền biết? |
| 3. Tâm núp trong con mắt | Thí dụ một người dùng chén lưu ly úp trên mắt, mắt vẫn thấy chén lưu ly. Nếu tâm thấy con mắt, con mắt là ngoài cảnh, làm sao mắt thấy, tâm liền biết? |
| 4. Tâm ở cả trong lẫn ngoài thân | Khi nhắm mắt thấy tối, cái tối ở trước mắt, tức ở ngoài, nên không ở trong được. Nếu mắt ở ngoài thân, thì mắt biết, thân không thể biết. |
| 5. Tâm tùy chỗ hòa hợp | Tâm phải có thực thể mới tùy hợp được. Nếu tâm có thực thể, thì tâm ở trong hay ngo ải? Nếu tâm không gồm căn và trần, không có thể tính tức không có giữa. |
| 6. Tâm ở giữa | Chặng giữa ở chỗ nào “thân” hay “cảnh”? |
| 7. Tâm không dính mắc | Đã có “không phải không có” là có tướng. Có tướng là có chỗ ở. |



Bảy chỗ gạn hỏi Tâm



Lăng Nghiêm Đức Phật Thích Ca có yêu cầu Ngài Văn Thù Sư Lợi chọn một pháp môn để giúp cho ông A Nan và đặc biệt là cho tất cả chúng sinh căn cơ còn yếu dựa theo đó mà tu hành. Chính Ngài Văn Thù đã chọn pháp môn nhĩ căn viên thông. Tại sao? Bởi vì nhĩ căn có tới một ngàn hai trăm công đức và thông đạt nhiều nhất so với năm căn còn lại, nếu nhĩ căn trở về với thanh tịnh thì năm căn còn lại lập tức cũng trở về với thanh tịnh. Đây chính là nhất hạnh pháp môn tức là chỉ chọn một pháp môn duy nhất để tu. Vì thế nếu chúng sinh dựa theo nhĩ căn viên thông mà đạt được đại định tức trở về với bản lai diện mục, với chơn tâm. Vậy tâm ở đâu?

Để trả lời câu hỏi này, Đức Phật đã gạn hỏi ông A Nan bảy lần về nơi thường trụ của tâm để có cái nhìn rõ ràng về sự khác nhau giữa vọng tâm sinh diệt thay đổi từng giây từng phút và sự an vui tự tại, không thay đổi, luôn ở trong ta, là chơn tâm.

1. TÂM Ở TRONG THÂN

Tuy A Nan là đệ nhất đa văn, nhưng sau câu trả lời, Đức Phật biết rằng A Nan chưa nhìn thấu suốt muôn pháp cũng vì ông còn lấy những cảnh trần lao bên ngoài mà đưa vào trong tâm của ông. Một người muốn đạt được đạo thì phải hồi quang phản chiếu, quay vào bên trong để loại bỏ tất cả vọng thức thì tâm mới thanh tịnh.

Bây giờ Phật muốn giới thiệu cho A Nan và đại chúng về pháp môn Tam-ma-đề để tu. Tam-ma-đề nghĩa là tam muội tức là chánh định. Nếu nhập được vào tam muội tức là mình đã thấy và đang sống với chơn tâm, với Pháp thân nên thân tâm hoàn toàn thanh tịnh, trong sáng.

Vì A Nan chấp tâm ở trong thân nên Đức Phật

mới dùng phương tiện mà phá cái chấp đó. Tại sao? Nếu nói rằng ông A Nan ngồi trong giảng đường thì trước hết ông phải thấy Như Lai, đại chúng rồi sau mới thấy những cảnh vật bên ngoài. Bây giờ Phật áp dụng lối lý luận này cho tâm của A Nan. Nếu tâm hay biết của A Nan thật sự ở trong thân thì trước hết tâm phải thấy những vật bên trong như tim, gan, phèo, phổi rồi sau đó mới thấy được những hình sắc ngoài thân. Nhưng tâm ông A Nan đâu có thấy được tim, gan của ông cho nên Phật kết luận tâm ở trong thân là vô lý.

2. TÂM Ở NGOÀI THÂN

Sau khi bị Phật bác vì A Nan cho rằng nếu tâm ở trong thân thì tâm phải thấy lục phủ ngũ tạng, nhưng đâu có tâm nào thấy được tim, gan của mình đâu. Ông A Nan bây giờ dựa vào cái thấy của tâm mà lý luận rằng nếu ngọn đèn ở bên ngoài thì không thể chiếu sáng bên trong cũng như chúng sinh chỉ nhìn thấy hình sắc ngoài thân chớ không thấy được lục phủ ngũ tạng bên trong nên ông A Nan kết luận là tâm ở ngoài thân.

Trước khi Phật bác cái chấp tâm ở ngoài thân, Đức Phật muốn giải thích cho ông A Nan rằng : Nếu tâm thật sự ở ngoài thân thì thân và tâm là hai thực thể khác nhau cũng như Phật và chư Tăng là hai nhóm khác nhau. Tại sao? Nếu Phật và chư Tăng là một tức là trong ngoài như nhau thì khi Phật thọ trai, chư Tăng phải no. Nhưng ở đây, khi Phật thọ trai mà chư Tăng không no nghĩa là Phật và chư Tăng là hai thực thể khác nhau.

Thêm nữa, khi Phật đưa cánh tay lên, mắt A Nan vừa thấy thì tâm liền biết, chứng tỏ thân tâm không thể cách biệt nhau nghĩa là thân tâm là một khối, bất khả phân ly. Vì thế chấp tâm ở ngoài thân tức là thân tâm cách biệt là vô lý.

3. TÂM NÚP SAU CON MẮT

Ông A Nan nói tâm ở trong thân bị Phật bác, ông bèn nói tâm ở ngoài thân thì cũng bị Phật bác. Bây giờ ông nghĩ rằng sở dĩ tâm không thấy được lục phủ ngũ tạng là vì tâm không ở trong thân mà ở trên mặt. Nếu nói tâm ở trên đầu thì tâm không thấy biết những hình sắc bên ngoài cho nên ông A Nan mới nói tâm núp sau con mắt. Vì tâm núp sau con mắt nên mắt thấy vật gì thì tâm lập tức biết ngay. Đây là để đối lại với lời của Phật trong phần trước khi Ngài đưa cánh tay lên thì thân tâm cùng biết.

Đức Phật bây giờ mới từ bi mà giải thích cho A Nan. Giả sử nếu cho rằng tâm núp sau con mắt cho nên mỗi khi mắt thấy hình sắc nào bên ngoài thì tâm liền thấy biết. Cũng như có người úp chén thủy tinh lên mắt mà mắt vẫn nhìn thấy cảnh vật bên ngoài thì dĩ nhiên mắt phải thấy chén thủy tinh.

Một thí dụ khác nếu chúng ta đeo cặp mắt kiếng thì mắt dĩ nhiên phải núp dưới đôi mắt kiếng. Do đó khi mắt thấy được cảnh vật bên ngoài thì tất nhiên mắt phải thấy được đôi mắt kiếng đang đeo vì đôi mắt kiếng là đối tượng để thấy tức là cảnh thấy và đang ở trước mắt chúng ta như những cảnh vật ở bên ngoài khác.

Nếu dựa theo lý luận của ông A Nan là tâm núp dưới con mắt cho nên khi tâm thấy được cảnh giới bên ngoài thì tâm phải thấy con mắt trước rồi sau đó tâm mới thấy cảnh vật bên ngoài. Như thế mắt bây giờ không còn là mắt mà là đối tượng để thấy. Nhưng trên thực tế, tâm đâu có thấy mắt hay thấy cảnh vật bên ngoài mà chỉ có mắt mới thấy được cảnh giới bên ngoài mà thôi. Vì thế, ông A Nan chấp tâm núp dưới con mắt là sai.

4) TÂM Ở CẢ TRONG LÃN NGOÀI THÂN

Lần thứ nhất A Nan chấp tâm ở trong thân, bị Phật bác. Sau đó, A Nan chấp tâm ở ngoài thân, cũng bị Phật bác. Liền sau đó, A Nan chấp tâm núp sau con mắt, lý luận này cũng bị Phật bác. A Nan bèn nghĩ rằng tạng phủ ở trong thân nên mắt không thấy được và dĩ

nhiên ngũ căn ở bên ngoài thì mắt dễ dàng thấy. Do đó ông mới kết luận rằng vì tạng phủ ở bên trong nên khi nhắm mắt, thấy tối thì cái tối tức là thấy bên trong tạng phủ. Còn khi mở mắt, thấy sáng thì cái sáng này sẽ thấy hình sắc bên ngoài.

Bây giờ Phật mới giải thích cho A Nan rằng : Nếu ông A Nan nhắm mắt lại mà thấy cảnh tối thì :

1) Nếu ông nhắm mắt mà thấy cảnh tối thì mắt phải nhìn thấy cảnh tối bên ngoài tức là cảnh tối là đối tượng để thấy thì cảnh tối bắt buộc phải ở ngoài thân. Nếu cảnh tối ở trong thân thì làm sao mắt thấy được. Nếu ông A Nan lý luận cảnh tối ở trong thân thì cũng giống như cảnh tối của một căn phòng không có ánh sáng. Như thế thì đồ đạc vật dụng trong phòng kia là tim, gan, tỳ, tạng của ông A Nan?

2) Bây giờ nếu không có mắt để thấy thì làm sao thấy được đối tượng, cảnh vật. Mà nếu cho rằng con mắt ở trong thân cho nên khi nhắm mắt thì thấy cảnh tối vậy khi mở mắt sáng thì phải thấy cảnh vật bên ngoài. Nhưng ở đây khi mở mắt sáng mà chẳng thấy được mặt mày của mình thì con mắt đâu phải ở trong thân.

Mà muốn thấy mặt thì mắt phải ở ngoài thân vì thế tâm và mắt phải nằm lơ lửng trong không gian.

Nếu mắt, tâm ở ngoài thân và nằm trong hư không thì rõ ràng mắt và tâm không thuộc thân. Cũng như Đức Phật đứng từ bên ngoài nhìn A Nan thì làm sao bảo Đức Phật là thân của A Nan được. Do đó nếu mắt biết thì thân không biết, còn nếu cho rằng mắt biết và thân cũng biết hóa ra trong thân có tới hai tánh biết nghĩa là một thân A Nan tu mà có tới hai A Nan thành Phật. Mỗi người sinh ra chỉ có một tánh biết, nếu tánh biết hiện ra ở mắt là thấy, hiện ra ở tai là nghe, hiện ra ở mũi là ngửi... cho nên nếu có hai tánh biết thì rõ ràng ông A Nan một thân mà có tới hai bản tâm hay sao? Do đó ông A Nan chấp “nhắm mắt thấy tối là tâm thấy trong thân” là vô lý.

5) SỰ SUY NGHĨ LÀ TÂM

Cho đến bây giờ, ông A Nan vẫn chưa biết chỗ viên thông của bản tâm nên mới đem cái thức suy nghĩ mà cho rằng đó là bản tâm. Ông A Nan thường nghe Phật giảng giải về câu : "tâm sanh nên các pháp sanh; do pháp sanh nên tâm sanh", nghĩa là con người có khởi tâm phân biệt là do các pháp trần sinh khởi nghĩa là căn tiếp xúc với trần thì thức phát sinh mà tạo ý niệm phân biệt. Thí dụ, quý vị ngồi trong nhà nhìn ra đường thấy chiếc xe thì thức cho biết đó là chiếc xe, nhưng thức phân biệt sau đó mới cho quý vị biết đó là xe gì, tốt hay xấu... Vì thế nếu pháp trần sinh thì tâm sinh tức là nếu có hiện tượng xảy ra thì tâm phát hiện để ghi lại. Đây chính là vọng tâm bản nguyên phan duyên ngoại cảnh nghĩa là vọng tâm hay những thức suy nghĩ có phát sinh cũng bởi tại phan duyên với những trần cảnh bên ngoài. Ông A Nan không rõ ý Phật muốn chỉ dạy về pháp tướng mà tâm phân biệt là cội nguồn sinh ra các tâm yêu, ghét, buồn, vui... nhưng lại chấp rằng tâm hòa hợp với chỗ nào thì liền có ở nơi ấy.

Không riêng gì ông A Nan cho rằng sự suy nghĩ là tâm mà tất cả chúng sinh trên thế gian này đều trả lời như thế nếu họ chưa thấu hiểu sâu xa về thật tướng của vạn pháp. Thí dụ, con người thường nói tâm nghĩ thiện, tâm nghĩ ác, tâm suy nghĩ việc này, việc nọ... thế thì cái suy nghĩ không là tâm thì là gì? Nhưng nếu tư duy quán chiếu thì thấy rằng trong tâm chúng ta không có một ý niệm nào thường trụ bất biến cả. Niệm trước vừa đến thì được thay thế bằng những niệm kế tiếp. Trong một cái chớp mắt mà có tới chín trăm ý niệm vi tế khởi lên trong tâm vì thế mà con người sống trong quay cuồng điên đảo với muôn vạn ý niệm trong tâm thức của mình.

Đức Phật dạy rằng nếu thật sự cái suy nghĩ là tâm, mà sự suy nghĩ là hư không, không hình sắc thì làm sao hòa hiệp. Bây giờ giả sử cho rằng sự suy nghĩ có hình sắc; nếu ông A Nan lấy tay mặt đánh qua tay trái thì tâm liền biết đau. Do đó nếu cho rằng tâm ở trong thân chạy ra cánh tay để biết cái đau thì tâm phải thấy tạng phủ của ông A Nan trước rồi mới chạy ra

cánh tay, nhưng thật ra tâm đâu có thấy tim, gan của ông được. Còn nói rằng nếu tâm từ bên ngoài hư không chạy vào cánh tay để biết cái đau thì tâm phải thấy mắt của A Nan, nhưng tâm đâu có thấy được mắt của A Nan.

Lý do Đức Phật bác lời ông A Nan cho rằng "sự hòa hiệp chỗ nào thì tâm theo chỗ ấy mà có" là vì bản tâm không có tự thể, là vô hình, vô tướng nên không thể thấy và dĩ nhiên không thể nào hòa hiệp được. Tại sao? Vì tự thể là thể chất của vật chất cho nên nếu muốn hòa hợp nước, đường với chanh thì cần phải có nước, đường và trái chanh thì mới làm được nước chanh đường.

Ông A Nan vì chưa ngộ được thật tướng viên thông của bản tâm nên tâm còn chấp có, chấp không mà cãi gượng rằng nếu muốn thấy thì phải dùng mắt tức là nhãn căn, còn tâm thì biết tức là thức. Phật không thể nhận lầm thức là nhãn căn được. Lúc bấy giờ A Nan chưa chứng đắc thánh quả A La Hán nên đây là câu hỏi rất thông thường và rất hợp lý đối với phàm nhân.

Để trả lời, Phật lại dạy rằng nếu cho rằng phải có mắt mới thấy sự vật thì tại sao người mới chết hai mắt vẫn còn nguyên vẹn mà họ không thấy gì hết! Còn những người đã chết, mắt không còn dùng được mà vẫn thấy sự vật? Lời Phật muốn dạy A Nan rằng không nhất thiết có mắt mới thấy mà tâm cũng thấy được. Khi một người đã chết, thần thức thoát ra khỏi thân xác và lưu lại ở một thế giới trung gian từ một tới bảy tuần lễ để tùy theo nghiệp lực mà đi tái sinh thì gọi là thân trung ấm. Thân trung ấm là thân không có xác thịt mà chỉ là bóng dáng. Vì là bóng dáng nên thân trung ấm không có sáu căn : mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý, nhưng họ có thể thấy, nghe, hay, biết một cách rõ ràng. Họ có thể ngửi mùi hương mà thân quyến đốt cho họ... Họ có thể thấy gia quyến thương tiếc khóc than cho họ. Do đó thân trung ấm vẫn thấy mọi hiện tượng mà không cần có mắt. Vậy cái thấy của thân trung ấm chính là do tâm mà có chứ đâu phải do mắt.

Ngày xưa tôn giả A Na Luật vì mỗi khi nghe Phật thuyết pháp thường hay ngủ gục liền bị

Phật quả nên ông thể trong tâm không ngủ nữa. Vì giấc ngủ là thức ăn cho mắt cho nên sau bảy ngày không ngủ liên tiếp ông bị mù. Chính Đức Phật đã dạy ông pháp môn “Nhạo Kiến Chiếu Minh Kim Cang Tam Muội” nên chẳng bao lâu Ngài A Na Luật chứng được thiên nhãn thông có thể thấy tam thiên đại thiên thể giới rất rõ như thấy quả quít trên tay. Như thế cái thấy của ông A Na Luật đâu phải là do nhãn căn.

Bây giờ Phật mới phân tích cái tâm của A Nan mà hỏi rằng nếu cái tâm hiểu biết của ông là một thể và bao trùm khắp toàn thân nên khi đưa tay đánh một chỗ nào trên thân thì toàn thân phải cảm thấy đau như nhau. Nhưng trên thực tế điều này không đúng vì nếu lấy tay đánh trên đầu thì mình và tay chân đâu có đau. Vì thế cho rằng tâm là một thể và bao trùm khắp toàn thân là sai. Còn nếu cho rằng tâm ông có nhiều thể thì cũng không đúng vì mỗi người chỉ có một thể tánh mà thôi. Còn có nhiều thể tức là có nhiều người thành ra cái nào là tâm của A nan?

Sau cùng nếu cho rằng tâm hiểu biết của A Nan không bao trùm khắp toàn thân nên khi lấy tay đánh lên đầu và dưới chân một lượt thì chỉ có một chỗ biết đau, hoặc là đầu hoặc là chân bởi vì khi biết đau có nghĩa là trong thời điểm ấy hoặc là tâm chạy lên đầu hoặc là chạy xuống chân. Nhưng trên thực tế, cả đầu lẫn chân cùng đau chứng tỏ tâm vừa chạy lên đầu và cũng vừa chạy xuống chân.

Vậy cái thuyết ”hòa hiệp với chỗ nào, tâm liền có ở chỗ đó” không đúng sự thật.

6) TÂM Ở CHẶNG GIỮA

Khi Phật và đại trí Văn Thù bàn về thật tướng nghĩa là các Ngài nói về tánh thường trụ của bản tâm tức là chơn tâm, là Phật tánh, là Tri kiến Phật, là tự tánh thanh tịnh bản nhiên có sẵn trong tất cả chúng sinh, nhưng ông A Nan lại hiểu lầm thật tướng thường trụ bất sinh bất diệt của chơn tâm với pháp tướng sinh diệt của vọng tâm. Vì thế mà ông mới lý luận rằng nếu tâm ở trong thân thì tâm phải thấy lục phủ ngũ tạng, nhưng tâm đâu có thấy được tim, gan của

mình nên chắc chắn tâm không ở trong thân. Còn nếu cho rằng tâm ở ngoài thân, khi thân đau thì tâm không biết vì nó ở ngoài nên chắc chắn tâm cũng không ở ngoài thân. Nhưng ở đây khi Phật đưa cánh tay lên thì thân tâm cùng biết hoặc có người đánh vào tay ta thì thân tâm cũng cùng biết cho nên ông A Nan mới kết luận tâm không ở trong, tâm cũng chẳng ở ngoài mà tâm bây giờ ở ngay chặng giữa. Khi ông A Nan còn dùng thức tâm tức là tâm phân biệt còn ngăn cách bởi sự vật, còn chạy theo sắc trần bên ngoài, thì không cách nào ông hiểu được chơn tâm thường trú và thể tánh tịnh minh vốn trong sạch, thanh tịnh, thường hằng bất biến trong tâm của ông.

Bây giờ Phật từ bi mà giải thích rằng cái giữa mà ông A Nan muốn nói là ở đâu. Giữa ở nơi thân hay giữa ở nơi cảnh.

1. Nếu tâm ở giữa nơi thân thì rõ ràng tâm ở trong thân thì cũng giống như phân trên. Hoặc là cho tâm ở trong thân, nhưng ở một bên thì cái giữa đâu còn ý nghĩa.
2. Còn nếu cho rằng tâm giữa ở nơi cảnh thì cũng có hai trường hợp :
 - Nếu không nói ra được chỗ nào là ở giữa thì cái giữa không có.
 - Còn nếu có thể nói được thì nơi nào gọi là chỗ giữa. Phật bèn đưa ra thí dụ: Giả sử có người cắm một cây nêu để làm điểm giữa trong một cánh đồng trồng. Nếu một người nhìn từ hướng Đông thì thấy cây nêu nằm về hướng Tây. Hoặc một người nhìn từ hướng Nam thì thấy cây nêu nằm về hướng Bắc. Vậy chỗ nào là chính giữa? Cái ý nghĩa của chính giữa đã không rõ biết thì làm sao nói tâm ở chính giữa là đúng được.

Vì A Nan còn mê nên nói sao cũng không đúng, nói cái gì cũng bị Phật bác nên ông dựa vào duy thức luận mà nói rằng : Nhãn căn là căn của mắt, sắc trần là những ngoại vật ở bên ngoài cho nên khi nhãn căn tiếp xúc với sắc trần liền phát sinh nhãn thức tức là sự phân biệt của sự thấy. Ông A Nan nói nhãn căn có sự phân biệt, sắc trần tự nó vô tri nên không có sự phân biệt, nhưng khi nhãn căn gặp sắc trần sanh ra nhãn thức ở giữa có sự phân biệt hay biết nên ông cho rằng tâm ở nơi này. Thí dụ

như khi chúng ta nhìn thấy một chiếc xe đang đậu ngoài đường. Nhìn là mắt tức là nhãn căn, chiếc xe là sắc trần, nhưng nếu mắt nhìn chiếc xe mà chỉ biết đây là chiếc xe thì thức không có sự phân biệt. Bây giờ nếu mắt vừa nhìn thấy chiếc xe mà thức liền phân biệt cho rằng chiếc xe này là xe gì, đẹp hay xấu...thì ông A Nan nói cái thức phân biệt này chính là bản tâm của ông ta.

Phật lại dạy rằng nếu ông A Nan nói tâm nằm ở giữa căn và trần thì cái tâm ấy gồm hai bên (căn và trần) hay không gồm hai bên?

1. Nếu tâm gồm hai bên có nghĩa là nhãn thức vừa bao gồm cả nhãn căn và sắc trần mà trần thì không biết còn căn thì biết như thế biết và không biết hay tâm thức và sắc trần lẫn lộn vào nhau thì làm sao biết chỗ nào là tâm mà nói ở chặng giữa.
2. Nếu tâm không gồm hai bên nghĩa là nó không có biết và cũng không phải không biết nên tâm bây giờ không có thể tánh thì làm sao nói tâm ở chặng giữa được. Tuy bản tâm là vô hình vô tướng, nhưng nó có sự biết, sự thọ cảm nên nó có thể tánh, ngược lại nếu không có thể tánh thì không phải là tâm. Mà nếu không là tâm thì làm sao nói tâm ở chỗ này hay chỗ kia.

Vậy ông A Nan chấp tâm ở chặng giữa là không đúng.

7) TÂM KHÔNG DÍNH MẮC

Phật từ bi mà dạy rằng nếu ông A Nan cho rằng cái tâm hiểu biết của ông không dính dáng với tất cả những sự vật hiện tượng trên thế gian, ông hãy nhìn ra ngoài sẽ thấy nào là trời cao, biển rộng, núi rừng, hoa quả, chim bay, cá lặn...thì chúng có hay không?

1. Nếu ông nói không có thì không cần phải nói gì thêm.
2. Còn nếu ông nói chúng có hiện hữu thì làm sao ông nói là không dính dáng được? Tại sao? Bởi vì cái không dính

dáng là cái không của hình sắc, của thế giới hữu vi tức là phải có hình tướng chớ không phải cái không của không tướng tức là chân không diệu tánh của thế giới vô vi. Mà thế gian, trời đất, núi cao, biển rộng, chim bay, cá lặn vẫn sờ sờ trước mắt thì làm sao nói không có? Do đó có thế giới hữu hình, có hình tướng thì phải có dính dáng.

Vậy ông A Nan chấp không dính dáng là tâm hay biết lại cũng không đúng.

Tóm lại trong chương này, Đức Phật trước khi chỉ bày phương pháp tu hành để loại trừ vọng tâm sinh diệt chính là cội nguồn của sinh tử khổ đau mà thấy được chơn tâm thường trú của chính mình, Ngài gạn hỏi ông A Nan bày lặn về bản tâm. Ông A Nan tuy theo chân Đức Phật đã nhiều năm và được Phật khen ngợi là đệ nhất đa văn, nhưng ông chỉ thích học rộng nghe nhiều, cố thu góp kho tàng Phật pháp mà không chịu tu chứng. Vì chưa chứng đắc Thánh quả, ông A Nan vẫn còn chấp ngã, chấp tướng, tâm chưa được thanh tịnh, rỗng rang như các vị A la hán. Bởi tâm còn chấp nên Đức Phật sau bảy lần gạn hỏi bản tâm là cái gì và ở đâu, ông chỉ dùng trí thức phàm nhân mà trả lời. Thâm ý của Đức Phật là muốn hỏi về chơn tâm, Phật tánh trong khi ông A Nan lại dùng vọng tâm sinh diệt mà đáp lại.

Trong Nhiếp Đại Thừa luận có câu chuyện “Kẻ mù sờ voi”. Người sờ nhằm cái chân thì nói con voi như cột nhà, người sờ nhằm lỗ tai thì nói con voi như cái quạt, còn người khác sờ nhằm cái đuôi thì nói con voi như cây chổi quét nhà... Do đó nếu những người mù kia không thấy được chân tướng của con voi, cho dù có sờ trúng, thì họ nói cách nào cũng sai cả. Vậy nên biết nếu con người chưa ngộ được thể tánh chơn tâm thì cho dù nói cách nào cũng sai cả.

Nhóm 1.

Tài liệu tham khảo từ các website:

- www.chuakimquang.org
- www.hoavouu.com
- www.tangthuphathoc.net
- www.thuvienhoasen.org



Cám ơn cuộc sống

Lời Tòa Soạn: Kể từ số báo này trở đi, tòa soạn có mở thêm mục: “**Cám Ơn Cuộc Sống**”, để cho quý độc giả có thể tham gia viết bài nhằm cảm niệm thâm ân mà do hoàn cảnh chung quanh đã đem lại nguồn sống an vui hạnh phúc cho chính mình. Bài viết sẽ được giới hạn tối đa chỉ một trang giấy đánh máy thôi. Mong quý độc giả hoan hỷ cùng nhau tham gia để chia sẻ tâm tư vào tiết mục hữu ích này. Những bài viết của quý vị gửi đến, chúng tôi sẽ lần lượt cho đăng theo thứ tự vào mỗi kỳ báo.

Chuyện xảy ra cách đây 3 năm rồi, nhưng nó vẫn còn in hằn trong tâm trí của tôi giống như chuyện mới xảy ra hôm qua vậy. Tôi còn nhớ rất rõ, hôm đó là một buổi tối mùa đông, trời khá lạnh, tuy mới 6 giờ mà trời đã tối hẳn. Sau khi đưa con gái của tôi đi làm bán thời gian ở nhà hàng, trên đường về, tôi thấy một tai nạn xe hơi vừa mới xảy ra. Lúc đó, tôi chợt nghĩ, trời tối quá làm sao mình có thể thấy rõ mà giúp cho họ đây. Vừa nghĩ trong đầu như thế, bỗng tôi nghe tiếng còi inh ỏi của xe cứu hỏa và xe cứu thương tới. Khi đó, tôi chạy khoảng độ chừng 500 mét, thì từ đằng xa có một chiếc xe quẹo phải đâm vào đầu xe tôi nghe một cái sầm, xe tôi dừng lại ở giữa ngã ba đường, khói bốc lên ngùn ngụt ở đầu xe. Lúc đó, tôi thật bàng hoàng sững sốt như người bất tỉnh. Thú thật, đầu óc của tôi lúc đó, chỉ biết nghĩ tới 2 đứa con và cũng chỉ nghĩ tới cái chết mà thôi, chớ thực sự tôi không nghĩ gì tới câu niệm Phật cả.

Trong lúc đó, thì có 2 người Úc một người đàn ông và một người đàn bà (có thể là đôi vợ chồng) tới và rồi họ kéo tôi ra khỏi xe. Họ xem thật kỹ khắp cả thân hình tôi, xem có bị thương tích chỗ nào không và rồi họ hỏi tôi bạn có cảm thấy đau lắm không? Đồng thời họ gọi cảnh sát và báo cho xe cứu thương tới. Họ cũng điện thoại báo tin cho các con tôi biết và họ ở đó với tôi hơn 2 tiếng đồng hồ. Hỏi ra, tôi mới biết là họ trên đường đi dự tiệc, vì hôm đó là ngày kỷ niệm lễ thành hôn của ông bà họ. Họ loay hoay lo giúp cho tôi về thủ tục giấy tờ với cảnh sát,

mà họ đã phải trễ giờ đi dự tiệc. Đó là một ngày vui của họ, thế nhưng họ vì muốn giúp đỡ cho tôi mà phải bỏ lỡ cuộc vui của mình. Đến khi mọi việc xong xuôi đâu vào đó rồi, thì đã quá trễ giờ của họ rồi. Tôi muốn nói lời cảm ơn tới ông bà nhưng họ đã đi rồi. Tôi có hỏi thăm để tìm số điện thoại của họ nhưng không sao tìm ra. Tôi thầm cảm ơn họ, nếu không có họ tận tình giúp đỡ cho tôi thì tôi cũng không biết phải làm sao!

Kể lại chuyện này, với thâm ý là để nói lên trong cuộc sống của chúng ta còn có rất nhiều thứ để ghi nhớ và nhất là lòng biết ơn của chúng ta đối với mọi người. Thế mới biết chung quanh cuộc sống của chúng ta còn có rất nhiều người giàu lòng nhân ái thương người. Họ là những người thật có lòng từ tâm cứu giúp người. Khi cứu giúp, họ không cần nghĩ đến phân biệt màu da chủng tộc. Thấy việc cần làm thì nên làm, thấy việc cần giúp thì cứ giúp. Chỉ có thế thôi. Họ là người thì ân không cần cầu đáp trả. Từ đó, tôi cảm nhận ra một điều là trong cuộc sống này, nếu mình làm lành tất nhiên mình sẽ gặp lành. Gieo nhân tốt sẽ gặp quả tốt. Ngược lại cũng thế. Bây giờ tôi muốn cảm ơn họ thật nhiều, họ đã vì tôi mà bỏ lỡ cơ hội vui vẻ với những người bạn thân khác. Tôi thành tâm kính chúc cho họ luôn gặp nhiều may mắn và luôn được an lành hạnh phúc trong cuộc sống.

Thủy Trúc.

CÁM ƠN NGƯỜI

Cám ơn người đã cho ta những lời chân thật

Là những lời xuất phát từ trái tim

Ta ghi nhớ những lời người tâm sự

Xin người chớ lo toan hay tư lự

Hãy vươn lên trong cuộc sống thăng trầm

Bén giác kia còn hãy quá xa xăm

Nhưng nếu khéo kiếm tìm không xa quá

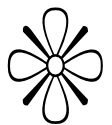
Lời người nói tình thương là cao cả

Chớ đắm mình trong biển ái đau thương

Vì cõi đời là muôn nỗi vẫn vương

Hãy giải thoát khỏi tình trường trong muôn thuở.

Tịnh Đức



Hưởng ứng lời kêu gọi của Đại Đức Thích Phước Thái trên Đặc San Phước Huệ về việc đóng góp bài vở cho tiết mục **“Cám ơn cuộc sống”**, chúng tôi xin đóng góp một bài viết ngắn nhưng đề mục hơi khác ý của Thầy. Chúng tôi xin viết bài **“Cám ơn Phật tánh”**. Nếu là bài thi viết essay thì có thể chúng tôi sẽ bị Thầy đánh rớt và cho điểm 0, nhưng đây là bài đăng báo thì chắc Thầy không đến nỗi cho chúng tôi bị rớt. Do đó chúng tôi xin mạnh dạn viết và bắt đầu như sau:

Đã từ lâu, kể từ khi tôi chưa học và hiểu được Phật pháp, tôi phát hiện ra trong tôi có một người bạn vô hình, rất tốt bụng và rất thân thương. Người bạn đó luôn luôn nhắc nhở tôi mỗi khi tôi vừa khởi lên một tâm niệm hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc không tốt, không xấu trong đầu. Nếu là một tâm niệm xấu, bạn ấy cho tôi biết đó là tâm niệm xấu, và khuyên tôi hãy bỏ ngay đi, đừng để cho nó phát ra bằng hành động hoặc lời nói.

Tôi xin lấy thí dụ: Khi tôi chưa xuất gia, còn mãi mê ngụp lặn trên trường danh lợi, đua đòi vật chất, mỗi khi tôi bị thua sút ai từ tiền lương, tiền thưởng, địa vị xã hội, nhà cửa, xe cộ, áo quần, v.v.. tôi đều rất đau khổ vì lòng ganh tỵ nổi lên. Tôi tìm đủ mọi cách để vươn lên, bắt kẻ thù đoạn. Nhưng cứ mỗi lần như thế đều có tiếng nói tự trong tâm tôi: “Bạn ơi, bạn đừng làm như thế, làm như thế là xấu lắm, bạn hại người ta bằng cách đi nói xấu người ta với Ban Lãnh đạo để người ta bị trừ dập, để bạn được vươn lên, một ngày nào đó, bạn sẽ bị quả báo đấy. Bạn sẽ bị người khác hại lại, lúc đó bạn sẽ thấm thía thế nào là đau khổ.” Thế là tôi ngưng và tôi thầm cảm ơn người bạn vô hình, tốt bụng trong tâm tôi.

Hoặc giả, đôi khi, tôi muốn làm giàu nhanh để có tiền đua đòi vật chất cho bằng chúng bằng bạn, tôi muốn làm những việc bất chánh chẳng hạn như ăn hối lộ hoặc móc ngoặc với đối tác trong những lần ký hợp đồng thương mại, thì người bạn vô hình, tốt bụng đó lại nhắc nhở: “Bạn ơi, bạn đừng làm như vậy vì nếu bạn làm như vậy thì Công Ty của bạn sẽ bị thiệt thòi, chỉ có bạn là được hưởng lợi mà thôi, coi

Cám ơn Phật tánh

Phước Thanh



chừng ngày nào đó bị phơi bày ra, bạn sẽ bị đi tù đấy, đó là chưa kể sau này bạn sẽ bị quả báo nữa đấy, vì tuy lưới trời lồng lộng nhưng một con kiến riêng bò qua cũng không lọt nữa đấy Bạn ạ!”

Thế là tôi lại ngưng kịp thời và thầm cảm ơn người bạn vô hình tốt bụng trong tâm tôi.

Trong tình cảm cũng thế, tôi hết sức ganh tỵ và đố kỵ. Khi tôi không ưa ai, tôi không muốn nhìn mặt người đó, đôi khi thấy người đó bị nạn tôi cũng vờ như không thấy, tôi chẳng những không giúp đỡ, an ủi lại còn hả hê trong lòng và nói thầm: “cho đáng đời”.

Khi tôi thương ai, tôi không muốn cho người mình thương giao thiệp với ai. Nếu họ vô tình chơi thân với ai, tôi liền nổi cơn ganh hờn, giận họ và tìm cách chia rẽ họ.

Và còn nhiều nhiều nữa các bạn ạ! Nếu kể ra cho đầy đủ chắc phải chiếm quá nhiều trang báo, sợ e Ban Biên Tập không cho phép.

Cứ mỗi lần những tâm niệm xấu ác nổi lên trong tôi, tôi đều được người bạn vô hình tốt bụng nhắc nhở khuyên bảo và cũng may là tôi cũng biết nghe lời khuyên nhủ nên dừng lại kịp thời những hành vi tội lỗi hoặc những lời lẽ xấu ác làm đau khổ chúng sanh.

Thường thường người bạn vô hình tốt bụng ấy hay chú ý đến từng tâm niệm của tôi. Đối với những tâm niệm tốt, bạn ấy hay động viên khuyến khích tôi làm, đôi khi thấy tôi còn chần chờ, bạn ấy thúc giục tôi: “Bạn còn chần chờ gì nữa, bạn hãy trích ra một khoản tiền và tham gia đi cứu trợ đồng bào bị bão lụt ở miền Tây đi, bạn sẽ được nhiều phước báo sau này đấy.”

Hoặc giả: “Bạn hãy nên luôn luôn tin tưởng luật nghiệp báo, như quả báo ứng, nếu người

ta có chơi xấu với bạn, bạn hãy nhường nhịn họ đi, đừng tìm cách trả thù, biết đâu đời trước bạn cũng đã từng chơi xấu người ta như vậy. Kiếp này bạn bị lại, âu cũng là sự công bình của luật nhơn quả mà thôi.”

Thế là tôi nghe lời khuyên nhủ của người bạn vô hình, tốt bụng đó và dừng lại, không cho những tâm niệm xấu ác thể hiện ra bằng lời nói và hành động và ngược lại tích cực làm những việc thiện lành.

Và các bạn có biết không, nhờ vậy mà giờ này tôi được đầy đủ phước báo để trở thành một người xuất gia đầy các bạn ạ,

Đối với các bạn bè trong xí nghiệp tôi làm trước đây, ai ai cũng đều thương tôi cả. Mỗi khi tôi có dịp về VN, từ Ban Lãnh đạo, bạn đồng nghiệp, cho đến công nhân cũng đều về chùa Thiên Tôn 1 thăm tôi.

Trong gia đình, cháu chắt cũng lặn lội từ dưới tỉnh về thăm tôi.

Và gần gũi nhất là huynh đệ hiện giờ đang sống với tôi dưới mái chùa Phước Huệ cũng sống rất chan hòa tình cảm đối với tôi.

Vừa rồi tôi không may bị té gãy chân, chính huynh đệ đã kêu xe cứu thương đưa tôi vào bệnh viện Liverpool, giải phẫu kịp thời và thời gian tôi nằm bệnh viện đều có huynh đệ vô ra thăm viếng, đặc biệt là có Sư phụ và Hòa Thượng Thích Nhật Thiện từ bên Mỹ qua, và những Phật tử vào bệnh viện thăm tôi. Đó là một điều làm tôi hết sức cảm động và tự hứa với lòng rằng tôi sẽ cố gắng hơn nữa trên bước đường tu và trong cách đối xử với tha nhân nhất là đối với huynh đệ thân thương của tôi trong chùa. Tôi nghĩ nếu không nhờ người bạn vô hình tốt bụng trong tôi luôn nhắc nhở tôi sống cho tốt thì chắc là tôi không được có ngày hôm nay.

Tôi cứ suy nghĩ mãi, không biết người bạn vô hình tốt bụng đó là ai. Mãi về sau này, được học Phật pháp, tôi mới biết đó chính là cái “*Tánh biết*” của tôi.

Thì ra là vậy, ai ai cũng đều có sẵn cái tánh biết ấy cả, chứ không phải riêng một mình tôi có mà thôi. Hèn chi, nó ở sẵn trong ta, cho nên nhất nhất tâm niệm nào của mình nó đều biết cả. Không giấu nó được điều gì cả. Chẳng qua, nếu ai có chút sáng suốt, biết nghe lời khuyên của nó thì rất là lợi lạc, còn nếu ai vô minh còn quá dầy đặc, mặc dù cũng được nó nhắc nhở, nhưng cứ vờ đi, không thềm nghe, cứ để mặc tình cho thân khẩu ý chạy theo ngũ dục lạc thế gian, thì tuy “cái tánh biết đó” nó vẫn biết, vẫn nhắc nhở, nhưng nó đành chịu bất lực mà thôi.

Cái *tánh biết* đó nó còn có cái tên gọi chuyên môn là *Phật tánh*. Thì ra mục đích của người tu là chỉ để làm sáng tỏ cái Phật tánh đó mà thôi.

Vô minh càng dầy đặc thì Phật tánh càng bị che mờ, giống như mây đen che mờ mặt trăng vậy. Khi mây đen bị gió thổi vệt đi thì mặt trăng hiện ra lồng lộng sáng quắc.

Cũng như vậy, nếu nhất nhất chúng ta đều biết nghe lời người bạn vô hình và tốt bụng ở trong ta thì Phật tánh dần dần sẽ hiển lộ ra thôi.

Tu hành nó dễ như thế đó các bạn ạ! Tu hành không cần đòi hỏi thần thông phép tắc chi cả. Ta chỉ cần luôn luôn ngoan ngoãn nghe lời người bạn vô hình và tốt bụng ở trong ta mà thôi. Đó là một người bạn rất tốt đấy các bạn ạ! Các bạn hãy cứ làm như tôi đi, tôi bảo đảm nó không bao giờ lừa gạt các bạn đâu. Nó chỉ giúp cho các bạn thanh lọc thân tâm cho mau được thanh tịnh, trong sáng và cuối cùng nó sẽ đưa các bạn đến ngôi vị tối cao, đó là ngôi vị chánh đẳng chánh giác đấy các bạn ạ!

Trên đây, tôi chỉ muốn dùng những lời lẽ hết sức mộc mạc, chất phác, đơn giản và dễ hiểu để diễn đạt cái gọi là Phật tánh trong mỗi con người chúng ta. Tôi hy vọng rằng tất cả mọi trình độ đều có thể hiểu được và chịu khó hành trì thì một ngày nào đó chúng ta cũng đạt được mục đích như lời Phật dạy: “Ta là Phật đã thành và các con là Phật sẽ thành”.





Một Ngày An Lạc

Cũng như mọi năm, trong mùa An Cư năm nay tại chùa Phước Huệ, hàng Phật tử tại gia lại có cơ duyên về chùa nghe Pháp, học hỏi, tu tập... bên cạnh quý Tăng-Ni vào một số thời điểm quy định trong suốt khóa Hạ.

Tất cả liên hữu trong Đạo Tràng Phước Huệ nói riêng và Phật tử tại gia nói chung, đều có thể tham dự những ngày thọ Bát Quan Trai Giới - vào thứ Bảy, Chủ nhật mỗi tuần - hoặc có thể khởi đầu quá trình tu học của mình vào các ngày Chủ nhật xen kẽ giữa hai kỳ Bát Quan Trai Giới hằng tháng. Chính trong những ngày này, Đại Đức Giáo Thọ Thích Phước Thái đã tổ chức “Ngày An Lạc” không ngoài mục đích nâng cao hơn nữa nội dung tu học dành cho Phật tử tại gia, đồng thời tạo điều kiện và khuyến khích những ai chưa hề có dịp làm quen với mái chùa, có tâm Đạo, muốn tìm hiểu Phật Pháp... được cùng tu học chung với Đạo Tràng.

Nói là một ngày nhưng trên thực tế, do điều kiện thời gian, phương tiện và nơi chốn mà chương trình thực sự gói gọn từ 9 giờ sáng đến 5 giờ chiều.

Buổi sáng: 9g00, đại chúng vân tập hậu Tổ, đồng xá Tổ trước khi bắt đầu một ngày tu học. Phần nghi thức tụng niệm được thực hiện tại chánh điện:

- Đánh lễ Tam Bảo và sám hối theo nghi thức Sám Pháp Tịnh Độ 12 lay.
- Đại chúng cùng hát bài “Sám Hối”.
- Cùng nhiếp tâm, lắng lòng nghe nhắc lại 5 giới cấm, tức năm nguyên lý đạo đức căn bản của người Phật tử tại gia. Đây chính là thời điểm quan trọng mà mỗi Phật tử đã thọ Tam Quy-Ngũ Giới cần nhìn kỹ lại chính mình về những gì đã làm được và những Giới nào mà mình chưa thực sự giữ được trong thời gian qua.

Thực hiện được điều này thì mới mong có được an lạc trong cuộc sống và đồng thời có

cơ hội vươn lên hơn nữa để thọ trì thêm những Giới Luật cao hơn. Bởi đã dần thân tu học thì phải đạt được sự thăng tiến qua thời gian - dù nhanh hay chậm - chứ không thể nào đứng yên một chỗ được.

Thầy có vài lời hướng dẫn, nhắc nhở thêm để “Ngày An Lạc” thật sự đem lại an lạc cho đại chúng.

10:00: Niệm Phật và Kinh hành niệm Phật.

Hòa cùng tiếng mõ đều đặn là những câu niệm Phật thành tâm, liên tục của đại chúng tạo thành một năng lượng tổng hợp vô hình mà từng cá nhân người Phật tử tại gia không thể nào có được khi trì tụng riêng lẻ tại nhà. Đây cũng là một lợi lạc lớn lao mà chúng ta có được khi cùng nhau tu học dưới một mái chùa âm cúng.

10:30: Tụng Kinh cầu siêu và cúng Ngọ.

Buổi trưa

12:00: Thọ trai.

Sau đó Kinh hành niệm Phật tại chánh điện. Chỉ tịnh.

Buổi chiều

2:00 Pháp đàm.

Hay nói đúng hơn là Thầy giảng một thời Pháp liên quan đến thực tế cuộc sống để sau đó Thầy trò cùng bàn bạc, cùng chia sẻ, cùng rút ra những bài học lợi lạc. Trong những “Ngày An Lạc”, đại chúng đã được học tập nhiều đề tài như:

1. Nghệ thuật sống: Trên cơ sở Phẩm thứ 14 “An Lạc Hạnh” trong Kinh Pháp Hoa, Thầy đã hướng dẫn đại chúng về một cuộc sống an lạc dựa vào các điểm cốt yếu: nhẫn nhục, hòa hợp, hỉ xả, tâm tùy hỉ, quán thật tướng của các Pháp... và để có thể an trú vào Hạnh An Lạc, chúng ta không nên:

- Chỉ trích, phê bình, nói lỗi của người khác.
- Phê bình, chỉ trích các vị Pháp sư vì các

Ngài là người thay Đức Phật truyền bá giáo lý.

- Nói việc hay, dở, tốt xấu của người khác.
- Khen, chê các bậc tu hành, kể cả các bậc đồng tu...
- Mang tâm thù hận, oán hận người khác (Oan gia tương báo).

Đó là những vấn đề mà một hành giả thực hành hạnh tu theo Kinh Pháp Hoa cần nên quan tâm lưu ý. Có như thế, thì mới đem lại lợi ích thiết thực trong đời sống thực tế của chúng ta. Và cụ thể nhất là một ngày tu an lạc của đại chúng hôm nay. Thầy nói thêm, không phải hạnh An Lạc chỉ có ngần ấy không thôi, mà trong văn Kinh còn nêu ra nhiều dữ kiện thực tế khác nữa. Muốn được thực sự an lạc, Phật dạy chúng ta nên gần gũi những thầy hiền bạn tốt, kể cả những kinh sách phù hợp với chân lý, có tác năng đem lại sự lợi lạc hữu ích thiết thực cho ta. Nói rõ ra, chúng ta nên gần gũi với những bậc tu hành đức độ. Vì những vị đó hướng dẫn đời sống tâm linh của ta ngày một thăng tiến xa hơn trên con đường giác ngộ giải thoát. Bên cạnh đó, chúng ta cũng đừng quên vai trò đặc biệt của các bậc Thiện hữu tri thức cùng tu học chung quanh ta mà từ họ, chúng ta có thể học hỏi được nhiều điều quý báu trong Kinh văn cũng như ngoài cuộc sống.

Ngược lại, chúng ta nên tránh xa những thầy tà bạn ác, những kinh sách ngoại đạo, nói chung, những thứ có thể gây ra tác hại làm lệch hướng đạo đức giác ngộ thăng tiến của ta. Đó là những thứ nguy hại mà ta cần phải xa lánh.

Ngoài ra, người Phật tử tại gia luôn chuyên cần, tinh tấn học hỏi Chánh Pháp để tâm thức ngày một rộng mở hơn.

2. Con đường dẫn đến an lạc: Hạnh phúc là niềm mơ ước chung của con người. Dù sống trong hoàn cảnh nào, ai cũng muốn mình luôn được hạnh phúc. Nhưng hạnh phúc thật khó định nghĩa cho chuẩn xác, vì tùy theo quan niệm và cách sống của mỗi người. Đối với người Phật tử, Phật thường khuyên bảo mọi người bên giảm bớt lòng ham muốn, phải biết giữ hạnh “Thiểu dục tri túc”. Con người sở dĩ không được hạnh phúc là vì còn quá nhiều

tham vọng, ham muốn, đam mê, dục nhiễm ở nơi mọi thứ. Không có một nhu cầu vật chất nào có thể đáp ứng, thỏa mãn được lòng tham của con người. Bởi túi tham của con người vốn không có đáy. Cho nên để đạt được hạnh phúc thì con người phải biết dừng lại ở một giới hạn chừng mực nhất định.



Đó là nội dung của buổi pháp đàm lần thứ hai mà Đại Đức Thích Phước Thái đã nêu ra để thảo luận trao đổi cùng với mọi người tham dự khóa tu. Việc thảo luận trao đổi học hỏi này thật là lý thú và rất thích hợp với mọi lứa tuổi. Vì đề tài nêu ra để trao đổi luận bàn rất thiết thực với đời sống thực tế. Mọi người lắng nghe và rồi nêu ra nhiều câu hỏi thắc mắc. Những câu hỏi thắc mắc, đã được Thầy Phước Thái giải đáp một cách tường tận. Do đó nên ai nấy cũng đều cảm thấy rất hoan hỷ.

Qua những buổi học tập thảo luận như thế này, ai nấy đều tỏ ra rất phấn chấn, vui vẻ. Thật bổ ích cho một ngày tu học trong tinh thần cầu tiến. Quả đúng là một ngày an lạc. Có tham dự một ngày tu an lạc như thế, mới thấy được lòng nhiệt thành, tha thiết hướng thượng của mỗi người – cả người trẻ lẫn các bậc cao niên – tất cả đều nhiệt tâm thực hành những gì mà quý thầy hướng dẫn tu học.

Mặc dù “Ngày an lạc” diễn ra trong thời gian ngắn ngủi nhưng chúng tôi đã thật sự sống trọn vẹn với những câu Kinh, những bài Pháp; thật sự quên hết những ưu phiền trong cuộc sống đời thường; thật sự mong “Ngày An Lạc” có thường xuyên hơn với sự dẫn dắt của quý Tăng-Ni.

Cảm niệm về “Ngày An Lạc”, nhiều đồng đạo đã tâm sự: “...Chỉ trong một ngày nhưng học hỏi được rất nhiều điều; lại rất thuận tiện vì không phải bỏ bê việc nhà...Hơn nữa, đối với những ai không có điều kiện tham dự “Bát Quan Trai Giới”- phải mất 1 ngày một đêm – thì thật là thuận duyên thuận cảnh. Nếu “Ngày An Lạc” được tổ chức thường xuyên hơn thì đây chính là bước khởi đầu, là cầu nối, là điều kiện thuận lợi, tốt đẹp cho tất cả mọi người làm quen với nếp sống Đạo, làm quen với Phật Pháp...”

Song song với những cuộc Pháp đàm lý thú, Đại Đức Thích Phước Thái còn khuyến khích toàn thể đạo tràng tập viết những bài văn, thơ với nội dung “Cám ơn cuộc sống” để bày tỏ lòng biết ơn của chúng ta - được đầy đủ phước duyên làm thân người – đối với tất cả những gì ta có được trong cuộc sống hiện tại.

16:00

- Vân tập chánh điện.
- Luân phiên niệm Phật và Kinh hành niệm Phật.

16:40

- Nhận xét ưu khuyết điểm của ngày tu học.
- Đọc những bài viết ngắn về đề tài “Cám ơn cuộc sống”.

17:00

- Hồi hương.
- Hoàn mãn “Ngày An Lạc”.

Nhìn lại trong suốt mùa An Cư vừa qua, Phật tử tại gia của Đạo Tràng Phước Huệ đã có được những “Ngày An Lạc” cùng tinh tấn tu học bên nhau trong nguồn năng lượng lớn lao của đại chúng và trong niềm tin vững chắc vào sự nhiệm mầu dưới ánh hào quang của chư Phật và chư Bồ Tát.

Ban Tin tức.

GIA CHÁNH

Đậu Tiềm Ngũ Quả



1. Vật liệu:

- 100g hạt sen.
- 100g bạch quả.
- 100g đậu phộng.
- 5 trái táo đỏ.
- 2 muỗng cà phê dầu mè.
- 2 miếng đậu hũ chiên.
- 150g nấm rơm búp.
- 2 trái dưa xiêm.
- Tiêu, muối, nước tương, đường, bột ngọt, ngò.



b. Cách tiềm

Cho nước dừa tươi vào nồi, bắc lên bếp nấu sôi, cho chút muối, sau đó cho hỗn hợp: táo, hạt sen, bạch quả, đậu phộng, đậu hũ chiên, nấm rơm vào tiềm, lửa vừa, nêm chút tiêu, nước tương, đường, bột ngọt cho vừa ăn. Khi tất cả đều chín, nhắc xuống, cho chút dầu mè vào cho thơm và ngon.

2. Cách làm:

a. Chuẩn bị

- Hạt sen: thông tâm, ngâm nước cho mềm, nấu chín.
- Bạch quả: lột vỏ ngâm nước nấu chín.
- Đậu phộng: ngâm nước, nấu chín (loại không vỏ).
- Trái táo: ngâm nước rửa sạch, để ráo nước.
- Đậu hũ chiên: xắt miếng vừa ăn.
- Nấm rơm: gọt rửa sạch với nước có pha chút muối, nấm to chẻ đôi.

3. Trình bày:

Múc hỗn hợp ra thố, trên rắc thêm tiêu, ngò cho thơm, dùng nóng.

Tâm Hòa soạn



Hai người bạn chơi thân với nhau, một hôm anh Tư tỏ ý cho biết là bạn mình có vấn đề trong cái nghe, anh Năm cũng đồng ý như bạn, bèn tìm đến Bác sĩ khám tai.

Bác sĩ đánh vào cái chuông nhỏ và hỏi anh nghe không? Anh Năm trả lời nghe. Bác sĩ bước ra khỏi phòng đánh vào chuông nhỏ hỏi lại anh nghe không? Anh Năm cũng đáp có nghe. Bác sĩ đi qua phòng bên cạnh đánh chuông lần nữa và hỏi anh nghe không? Anh Năm vẫn đáp dĩ nhiên có nghe. Bác sĩ mỉm cười kết luận cái nghe của anh không có vấn đề gì hết, chỉ có vấn đề là anh không muốn nghe mà thôi.

Qua câu chuyện trên tôi thầm cảm ơn cái tai của tôi vẫn còn giúp tôi biết lắng nghe.

Trong đời sống gia đình, hầu hết ông, bà, cha, mẹ nghĩ là mình có lắng nghe con cháu, nhưng thật sự có mấy ai đích thực biết lắng nghe và tìm hiểu sâu vào vấn đề chúng muốn gì?

Có phải chúng ta chỉ muốn lắng nghe những gì mà mình muốn nghe mà thôi, rồi gây ra sự bất đồng ý kiến, cãi vã nhau,

Cảm ơn cái Nghe

không hiểu nhau, làm cho bầu không khí bất hòa.

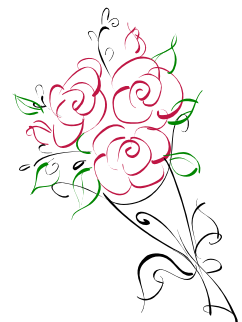


Riêng cá nhân tôi đã từ lâu kính mến ái mộ Đức Quán Thế Âm Bồ tát, nên tôi nguyện hành theo hạnh của Ngài là tu theo pháp môn Quán Thế Âm:

- Lắng nghe với tất cả sự chú ý và khích lệ thân mật với người đối diện.
- Đồng tình với người nói, không ngắt lời.
- Không vội vã nói lên ý kiến của mình.
- Nhất là đừng kết luận cho đó là sai và giúp đỡ họ khi có yêu cầu.
- Cái nghe đôi lúc là lời khen, nhưng đôi lúc cũng là lời chỉ trích phê bình, tôi vẫn nghe và suy nghĩ lại bản thân tôi nếu đã làm không phải, tôi sẽ không chấp, không giữ phiến não, mà tôi sẽ sám hối, hứa sửa đổi bản tánh của mình, không tái phạm, rèn luyện cho mình một con đường thanh tịnh ở tương lai.

Diệu Đức.

Cảm Thông



*Ta biết ta nay tuổi đã già
Vui gì chen lán chón phồn hoa
Sớm kinh chiều kệ cho xong kiếp
Gởi trọn thân này chón Phật gia*

*Nghĩ đến phận người ta xót xa
Lẻ bóng neo đơn mấy năm qua
Buồn trông cửa bể chiều hôm vắng
Lủi thủi ra vào chỉ có ta.*

*Khuyên người cố gắng nhẫn nại qua
Vui sống bình an khéo thuận hòa
Nếu có thương ta thì tu niệm
Quyết lòng vượt thoát khỏi phong ba.*

(trích từ Tập thơ & Tập bút 'Một Cõi Đi Về')

CẢM TƯỞNG TU SINH KHÓA TU MÙA AN CƯ 2011

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

- Ngưỡng bạch Hòa Thượng Bổn Sư,
- Kính bạch Đại Đức Thích Phước Thái, giáo thọ sư,
- Kính bạch Đại Đức Tri Sự Thích Phước Đạt,
- Kính bạch quý Thầy, quý Sư cô.
- Kính thưa Pháp hữu Chúc Thanh, Ban Giảng Huấn,
- Kính thưa Pháp hữu Nguyên Từ, Ban Thông dịch,
- Kính thưa quý đạo hữu tham dự khóa tu Báo Ân và ngày An Lạc, cùng toàn thể quý vị hiện diện.

Thấm thoát ba tháng an cư cũng trôi qua nhẹ nhàng trong bầu không khí tương đối ấm áp báo hiệu mùa Xuân sắp về trên đất Úc này.

Con, pháp hiệu Phước Đức, xin đại diện chúng tham dự trong khóa an cư năm Tân Mão 2011, kính dâng lên một vài cảm tưởng của mình về khóa tu An Cư.

Khi Đức Phật còn tại thế, truyền thống an cư kiết hạ không còn xa lạ với người con Phật. Noi theo truyền thống cao đẹp đó, Tổ đình Phước Huệ, được sự chỉ giáo của Hòa Thượng, hằng năm đều tổ chức khóa An Cư trong ba tháng, tạo điều kiện nhằm mục đích tập hợp thành một hội chúng hòa hợp để hành pháp và học pháp.

Trong những dịp nghe giảng Kinh Lăng Nghiêm của Hòa Thượng, chúng con hết sức cảm động mà cố gắng học hành, cố gắng noi gương Thầy mình vì năm nay, dù tuổi cao, Hòa Thượng vẫn cố gắng đến lớp hướng dẫn chúng con hiểu biết những giáo lý khó nghĩ, khó hiểu của bộ kinh này, trong bầu không khí lạnh lẽo của mùa Đông khắc nghiệt năm nay. Cũng nhờ vào phương pháp làm bài chung một nhóm nhỏ, mà chúng con cảm thấy không khó những ý nghĩa trong bộ kinh Đại thừa cao cấp rất khó hiểu và rất cần thiết cho chúng con và

bất cứ ai muốn tìm hiểu và nghiên cứu đạo Phật. Chúng con đã cảm nhận được lòng thi ân sâu xa của Hòa thượng Bổn Sư khả kính đối với chúng con qua sự kiện thuyết giảng bộ kinh Lăng Nghiêm do chính Ngài đem hết công tâm sức lực để lưu lại cho đệ tử của Ngài.

Chúng con lại được Thầy Tejadhammo đã không ngại đường xa về chùa chia xẻ giáo lý thuộc hệ phái Nam Tông qua nguyên lý Tứ niệm xứ và kinh Thân Hành niệm đã đem lại nhiều lợi ích cho sự tu tập Phật pháp của chúng con.

Thầy Giáo thọ Thích Phước Thái đã đem hết tâm ý của mình để giảng giải thật kỹ để thực hành pháp Chi Quán của Ngài Thiên Thai Trí Giả Đại Sư, mong sao cho chúng con thực hành một cách đúng đắn để tránh sai lầm trong phương pháp Chi Quán.

Thầy Chúc Thanh cũng đem hết tài giảng giải hai đề tài: “Nghiep có thật hay không có thật?” và “Hai bờ nước chảy lên” đã vạch rõ cho chúng con thấy.

Chúng con cũng được Thầy khuyến khích thực tập diễn giảng qua những đề tài tự chọn để chuẩn bị con đường hoằng pháp cho các vị tu sĩ trẻ, nhiều nhiệt huyết độ đời, cứu đời. Vì thế chúng con được nhận hai tu sinh có nhiều hứa hẹn hoằng pháp cứu độ chúng sanh qua hai đề tài khá lôi cuốn: Thứ nhất bài ‘Lý tưởng Bồ tát qua hình tượng Ngài Địa Tạng’ của Thầy Quản chúng Phước Viên đã đem hết công sức sâu rộng trong tinh thần nghiên cứu hạnh của vị Bồ tát Địa Tạng với nhiều chi tiết tìm tòi mới mẻ làm cho chúng con được mở mang trí tuệ, được hiểu biết sâu xa các đức hạnh của vị Bồ tát này, dựa vào những bằng cứ và hình ảnh nói về Địa tạng Bồ tát với nhiều tình tiết làm chúng tôi phải phục tài tận tâm kỹ lưỡng của Thầy.

Bài thuyết giảng của Thầy Phước Quảng với tựa đề “Sự liên hệ giữa Phật pháp và khoa học vật lý lượng tử qua làn Sóng Năng Lượng” đã

làm chúng tôi nghe qua là không thể không chú ý được. Sau thời thuyết pháp với nhiều dẫn chứng vững chắc, đem khoa học vào giáo lý nhà Phật, ai ai cũng công nhận phương cách thuyết giảng nội dung của đề tài đã lôi cuốn người nghe một cách tài tình làm cho thính chúng vừa nghe, vừa hiểu bài mà không thấy buồn ngủ, dù đã quá giờ đến gần 10 phút. Phần phụ giảng của Thầy Chúc Thanh lại thêm phần phong phú cho đề tài.

Chúng con còn phải biết ơn Sư cô Phước Hoàn rất nhiều vì bài giảng của Sư cô rất thực tế và ngắn gọn làm cho tu sinh tiếp thu nhanh các luật giới khó nhớ của bộ Tỳ Ni luật giới. Phải thành thật chúng con biết ơn Sư cô một cách sâu xa.

Tinh thần tu tập của các tu sinh đôi khi có phần không được hăng hái nhịp nhàng vì gặp những buổi lễ tụng kinh lòng thêm lễ cầu siêu, cầu an các linh, vì phần đông các tu sinh đều trong tuổi.

Chúng con phải cảm niệm công đức của đạo hữu Mai Tuyết Ánh đã thường xuyên giúp chúng tôi chuyên ngữ những bài học của Thầy Tejadhammo một cách thông suốt và mau mắn, tài tình.

Vấn đề ăn uống, chúng con không quên được quý Sư cô trong Ban Trai soạn đã giúp chúng con có được những buổi ăn ngon, đầy đủ chất bổ và đầy tinh khiết đã làm cho sức khỏe của chúng con không cần phải lo lắng.

Thêm vào đó, chúng con lại còn mang ơn quý Sư cô Phước Huyền, Phước Mẫn, Phước Thọ luôn luôn vui vẻ tận tình đưa tu sinh đi khám bệnh hay phục vụ sẵn sóc chu đáo nếu khi chúng con bị cảm gió trong lúc phải chịu đựng một mùa đông lạnh lẽo như mấy tháng qua.

Phần xử dụng các Phật cụ, chúng con phải thành thật thay mặt ba Sư cô già nua mà lại mới thọ giới, hết sức cảm ơn quý Sư cô Phước Chiếu, Phước Lễ luôn luôn nhắc nhở, chỉ dạy cho các Cô mới thọ giới.

Ngưỡng mong hồng ân chư Phật gia hộ cho

Hòa Thượng pháp thể kính an, huệ đẳng thường chiếu, sống mãi với chúng con để dạy dỗ chúng con.

Chúng con thành thật cảm ơn quý Thầy trong Ban giảng huấn sức khỏe an khang, vạn sự kiết tường. Và chúng con cũng xin chúc mừng chư Tăng, Ni thêm một tuổi hạ.

Sau cùng kính chúc quý Phật tử có mặt hôm nay đạo tâm kiên cố, sở cầu như nguyện.

Nam mô A Di Đà Phật

PD.

Ân Cha Mẹ



*Khi ta mở mắt chào đời
Hai bàn tay trắng ai mời đến đâu
Bởi do nghiệp thức trồng sâu
Đủ duyên hội tụ ban đầu mà ra
Lớn lên nhờ có mẹ cha
Dày công giáo dưỡng mới ra thân người
Ơn cha nghĩa mẹ cao vời
Núi cao biển rộng khó thời sánh đâu
Có đêm thức suốt canh thâu
Mẹ ngồi bên cạnh lâu lâu thăm chường
Vì con mẹ phải nhọc nhằn
Quên ăn mất ngủ tảo tần nuôi con
Cha thì lặn suối trèo non
Gian lao cực khổ cho con học hành
Mong con nên phận danh thành
Ngày sau no ấm trưởng thành quang huy.*

Tịnh Đức

KHÓA TU BÁO ÂN LẦN THỨ 4 NĂM 2011

từ 05/08 - 07/08/2011

Cảm tưởng tu sinh

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

- Ngưỡng bạch Hòa Thượng Viện Chủ Tổ Đình Phước Huệ,
- Kính bạch Đại Đức Giáo Thọ Thích Phước Thái,
- Kính bạch Đại Đức Trì Sư Thích Phước Đạt
- Kính bạch chư Đại Đức Tăng Ni thường trụ Tổ đình Phước Huệ,
- Kính thưa quý pháp hữu trong Ban Giảng Huấn và Ban Thông dịch
- Kính thưa quý bạn sen cùng dự khóa tu Báo Ân, khóa tu ngày An Lạc và toàn thể quý vị hiện diện.

Hôm nay là ngày lễ tổng kết Khóa tu Báo Ân ba ngày và khóa tu học mùa An cư năm Tân Mão dành cho Chư Tăng Ni tại Tổ đình Phước Huệ. Con pháp danh Pháp Âm xin đại diện các tu sinh về tham dự khóa tu có đôi lời cảm tưởng.

Kính thưa liệt quý vị,

Chúng con được đầy đủ duyên lành và rất hạnh phúc được về đây tu học dưới mái ấm Tổ đình Phước Huệ thân thương, vì nơi đây chúng con được mọi sự thương yêu che chở từ tinh thần đến vật chất, được nghe những lời pháp nhủ quý báu của Hòa Thượng Bổn sư, Đại Đức Giáo Thọ Thích Phước Thái và quý Thầy, luôn chăm sóc dạy dỗ chúng con từng li từng tí và được thân cận với các bạn sen, các bậc thiện tri thức cùng chung một lý tưởng tu học theo pháp môn Tịnh độ, nguyện sanh Cực lạc quốc.

Khóa tu năm nay, được thành tựu viên mãn nhờ sự cho phép của Hòa Thượng Viện Chủ và sự đóng góp không ít của Đại Đức Giáo Thọ Thích Phước Thái đã trực tiếp hướng dẫn khóa tu, hướng dẫn các thời khóa Lễ Bái, Trì Danh, Kinh Hành, Niệm

Phật, thắp nến niệm Phật, Lạy Thù Ân và hát các bài ca sinh hoạt Phật giáo. Chỉ có thời gian ngắn ngủi 2 đêm, 3 ngày mà chúng con học hỏi được rất nhiều. Chúng con thành kính tri ân Thầy, hy vọng khóa tu năm tới chúng con sẽ được Thầy tiếp tục hướng dẫn.

Chúng con cũng xin tri ân quý Thầy, quý Sư cô thường trụ trong Tổ đình Phước Huệ đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho khóa tu, cho chúng con có nơi ăn, chốn ở thoải mái và an lạc tu học trong 3 ngày qua.

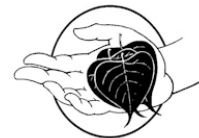
Chúng con nguyện cầu hồng ân Tam bảo, chư Phật mười phương, chư Bồ Tát, chư Hiền Thánh Tăng thùy từ gia hộ trên Hòa Thượng Viện Chủ và quý Thầy, quý Sư cô pháp thể khinh an, phước huệ châu viên, bồ đề quả mãn.

Chúng con cũng không quên cảm ơn Ban Trai soạn đạo hữu Diệu Hoa và nhiều Phật tử đã hỗ trợ, không ngại thức khuya dậy sớm để chu toàn cho chúng con những buổi ăn rất thơm ngon, đầy đủ dinh dưỡng để an tâm tu học. Quý vị đã vất vả suốt ngày bên những bếp lửa nóng hừng hực. Chúng con xin tán thán công đức và nguyện cầu hồng ân Tam Bảo gia hộ quý vị được dồi dào sức khỏe, tăng phước, tăng thọ và thân tâm thường lạc.

Trước khi dứt lời con xin được mến chúc các liên hữu, các bạn sen luôn vui, khỏe, bồ đề tâm kiên cố, tinh tấn tu học, niệm Phật và hẹn gặp lại các bạn trong khóa tu Báo Ân năm tới.

Nam mô A Di Đà Phật.

P.A.



Cúng tôi trân trọng cảm ơn quý Thầy, quý Sư Cô, quý thiện hữu tri thức, các học giả, văn nhân thi sĩ đã đóng góp bài vở phong phú cho số báo mừng Vu Lan này. Trân trọng cảm ơn các vị mạnh thường quân, các cơ sở thương mại đã đăng quảng cáo và giúp đỡ tận tình tài cho việc phát hành số báo này.

Chân thành cảm tạ các Chùa, Phật học viện, Đại tông lâm, Tự viện, Ni viện, Niệm Phật đường và các nhà văn hóa, báo chí đã gửi tặng sách, báo và tạp chí trong thời gian qua.



Danh sách Quý Phật tử ủng hộ tịnh tài số báo Vu Lan Phật lịch 2555

Thầy Phước Đạt	50	Sư cô Phước Niệm	50	Phan V. Lễ & Bùi T. B. Nhạn	50
Thầy Phước Viên	50	Sư cô Phước Lễ	50	Mỹ Lan	30
Thầy Phước Minh	50	Sư cô Phước Lạc	20	Bạch Ngọc	10
Thầy Phước Quảng	50	Sư cô Phước Hòa	20	Diệu An	20
Thầy Phước Lạc	50	Sư cô Phước Tâm	20	Diệu Ngọc	10
Thầy Phước Nghĩa	20	Sư cô Phước Ngọc	20	Tâm Thạnh	20
Thầy Phước Đạo	20	Sư cô Phước Đức	20	Pháp Âm	20
Sư cô Phước Nghiêm	10	Sư cô Phước Thọ	20	Ý Ngọc	20
Sư cô Phước Trường	20	Sư cô Phước Trường	20	Diệu Thiện 2	10
Sư cô Phước Hải	30	Sư cô Phước Thông	20	Chơn Huyền Hiền	10
Sư cô Phước Hiền	20	Sư cô Phước Hương	20	Tâm An	20
Sư cô Phước Thanh	20	Sư cô Phước Bình	20	Diệu Lai	5
Sư cô Phước Định	20	Sư cô Phước Chí	20	Diệu Minh	5
Sư cô Phước Liễu	50	Quincy Trí Việt	30	Tâm Hiệp	5
Sư cô Phước Chiêu	50	Thanh Trí	50		

Danh sách quý Phật tử cúng hoa quả Đại Giới Đàn Phước Huệ và Vu Lan Thắng Hội Pl. 2555

Diệu Hạnh	40	Tâm Hương	20	Danh sách ủng hộ CD & DVD	
Hoàng Ngọc Dung	10	Đường Thuận Bảo	10	Thủy	100
Minh Anh	200	Đường Thuận Cường	10	Sư cô Phước Thông	100
Sư Cô Phước Nghiêm	30	Đường Ái Tâm	10	Tâm Minh (Nouméa)	100
Nha sĩ Thảo Nguyễn	60	Diệu Hòa	20	Nha sĩ Thảo	10
Tịnh Thủy	20	Lư Tú Dung	10	Ngọc Tỉnh	20
Lâm Kim Phụng	50	Phạm Thị Mỹ Chi	20	Minh Châu & Thái Minh	50
Viên Ngộ	20	Thái Quan	10	Diệu Minh	30
Vô danh	50	Minh Châu + Thái Minh	50	Ấn danh	130
Gđ Nguyễn Tuấn Hải	30	Tâm An	50	Sư cô Phước Hòa	50
Javis + Daryl Wei	30	Chơn Huyền Hiền	100	Lan Chi	100
Diệu Thời	20	Viên Hương	20		
Thiện Hỷ + Diệu Lạc	30	Chơn Huyền Chiêu, Ngô Mỹ Ánh,			
Diệu Huy	20	Ngô Ánh Tuyết, Ngô Thanh Hải,			
Gđ Lương Hiền Tài	20	Ngô Bảo Phúc	50		
Gđ Ngành + Hà	20	Huỳnh Hạnh Phương	50		
Ngọc Tỉnh	20				

Danh sách các cơ sở thương mại ủng hộ quảng cáo cho báo Vu Lan Thắng Hội số 49

- | | | |
|-------------------------------------|----------------------------|----------------------|
| - Fairfield Funerals of Distinction | - Nha sĩ Nguyễn T. P. Thảo | - Nhà quán Trường An |
| - Tiệm vàng Mỹ Tín | - Tran's Aquarium | - Huyện Motor Repair |
| - Tiệm vàng Hưng Thành | - All- Villa Print | - Nhà thuốc tây Mai |
| - Gạo thơm Hoàng Gia | - Nhà quán Vạn Thọ | |

THÔNG BÁO

**Đại Lễ Khánh Thành
ĐẠI HÙNG BỬU ĐIỆN QUANG MINH ngày 15 và
16.10.2011**

Sau thời gian thiết kế và xây dựng ngôi Đại Hùng Bửu Điện chùa Quang Minh đã được toàn thể Phật tử tại Melbourne hoan hỷ đóng góp tịnh tài, hiện vật cho công cuộc xây dựng được hoàn tất.

Ban Trị Sự chùa Quang Minh sẽ trang nghiêm cử hành Đại Lễ Khánh Thành ngôi Đại Hùng Bửu Điện.

Thời gian: Trong hai ngày Thứ Bảy 15/10 và Chủ Nhật 16/10/2011

Địa điểm: Tại Chánh điện mới Chùa Quang Minh
18 Burke Street, Braybrook Vic 3019

(Chương trình Đại Lễ chính thức xin xem bản dự thảo đính kèm)

Công cuộc kiến thiết được hoàn mãn là những đóng góp tâm huyết để xây dựng cho ngôi chùa tâm linh của toàn thể Phật tử tại Melbourne.

Sự tham dự đông đủ của quý Phật tử là một niềm vui chung.

Trân trọng.

**Dự thảo Chương trình Đại Lễ Khánh Thành
ĐẠI HÙNG BỬU ĐIỆN QUANG MINH ngày 15 và 16.10.2011**

Thứ Bảy, 15.10.2011

10.00AM	Kết giới tràng	Sau Đại Lễ Khánh Thành, mời toàn thể	
12.00PM	Đại lễ An vị Phật	đồng hương Phật tử di chuyển ra bên ngoài	
02.00PM	Trai Tăng	phía trước chánh điện để:	
03.00PM	Thuyết pháp	- Gắn bảng đồng lưu niệm	
05.00PM	Dược thạch	- Chụp hình lưu niệm	
07.00PM	Đàn Bồ Tát Giới Tại Gia	12.30PM	Cơm chay
07.30PM	Niệm Phật	02.00PM	Chẩn tế cô hồn

Chủ Nhật, 16.10.2011

05.00AM	Công Phu Khuya	10.00AM	Lễ Hội gian hàng các trò
07.00AM	Tảo thực (tại Hội Trường Đa Dụng)	đến 08.00PM	chơi và Đại Nhạc Hội mừng lễ Khánh thành
09.00AM	Thuyết pháp		
10.30AM	Đại Lễ Khánh Thành (có chương trình riêng)		

